



ISSN 2354-0664

TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

Số 4 (132)
Tháng 04-2025

Xuất bản
từ Tháng 3-2014

**CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CỦA TỘI PHẠM HỌC TRONG
KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI
CỦA ĐẤT NƯỚC**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
CỦA VIỆC HOÀN THIỆN BỘ MÁY
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ HÀNH VI
SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN**



TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

Số 4 (132) Tháng 4-2025

Xuất bản từ Tháng 3-2014

TỔNG BIÊN TẬP

ThS Đặng Ngọc Luyện

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. LS Liêu Chí Trung

LS Trần Mạnh Quyết

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS.LS Phan Trung Hoài

(Chủ tịch Hội đồng)

ThS Đặng Ngọc Luyện

(Phó Chủ tịch Hội đồng)

GS.TSKH Đào Trí Úc

GS.TS Võ Khánh Vinh

GS.TS Thái Vĩnh Thắng

GS.TS.Trung tướng Nguyễn Ngọc Anh

GS.TS Nguyễn Hữu Khiển

PGS.TS.Trung tướng Trần Văn Độ

PGS.TS.LS Chu Hồng Thanh

TS.LS Phạm Huỳnh Công

TS Nguyễn Thanh Phú

ThS.LS Nguyễn Minh Tâm

Luật gia Phùng Ngọc Đức

Luật gia Đoàn Văn Quang

TS.LS Liêu Chí Trung

Luật sư Trần Mạnh Quyết

TÒA SOẠN

Tầng 1, Tòa nhà CT13B

KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công,

quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

ĐT: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh

280F1 Lương Định Của,

P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0938639099

Email: lsvn.hcm@gmail.com

VPĐD tại Cần Thơ

284 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 5, phường An Thới,

quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0913618808

Email: tapchiluatsudbscl@gmail.com

VPĐD tại khu vực Bắc Trung bộ

68B, đường Trương Văn Lĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0913028862

Email: nbbinhtrongna@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

Số: 366/GP-BTTTT, ngày 21/8/2020; sửa đổi,

bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

của Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Nhà máy In Bộ Quốc phòng

Ảnh bìa 1: Quy hoạch TP. Hồ Chí Minh là đô thị toàn cầu,
văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo - Nguồn VTC

GIÁ: 50.000 ĐỒNG

TRONG SỐ NÀY**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

- 04** Các xu hướng phát triển của tội phạm học trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước
GS.TS Võ Khánh Vinh, TS Võ Khánh Linh
- 10** Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay
ThS Trần Linh Huân
- 17** Rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện cho sinh viên luật
TS Nguyễn Thị Hà,
Nguyễn Thiên Ban, Nguyễn Thị Phương Nghi
- 22** Nâng cao nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản
TS Trần Thị Thanh và nhóm nghiên cứu
- 28** Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi mua sắm qua mạng xã hội
Bùi Minh Châu, Lê Hồng Minh
- 32** Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng, chống buôn lậu trong xuất nhập khẩu hàng hóa tại cảng hàng không quốc tế
ThS Nguyễn Lê Văn
- 40** Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh: Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật
Nguyễn Kim Hùng
- 45** Đề nghị giao kết hợp đồng - Hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam từ kinh nghiệm của một số quốc gia
Đồng Trần Khánh Chi

HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN

- 51** Hiểu và áp dụng ESG trong doanh nghiệp một cách hiệu quả
TS.LS Quách Minh Trí, Hồ Thị Cẩm Nhung

PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

- 54** Hoạt động của Bộ Hiệu quả chính phủ Mỹ và thách thức đặt ra
Lê Nguyễn Việt Hùng



TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

No. 4 (132) Apr, 2025

Published from March, 2014

EDITOR-IN-CHIEF

LLM Dang Ngoc Luyen

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

EDITORIAL BOARD

Dr. Lawyer Phan Trung Hoai

(Chairman)

LLM Dang Ngoc Luyen

(Vice Chairman)

Prof. Dr.sc Dao Tri Uc

Prof. Dr Vo Khanh Vinh

Prof. Dr Thai Vinh Thang

Prof. Dr Nguyen Ngoc Anh

Prof. Dr Nguyen Huu Khiem

Assoc Prof. Dr Tran Van Do

Assoc Prof. Dr. Lawyer Chu Hong Thanh

Dr. Lawyer Pham Huynh Cong

Dr Nguyen Thanh Phu

LLM. Lawyer Nguyen Minh Tam

Lawyer Phung Ngoc Duc

Lawyer Doan Van Quang

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

EDITORIAL OFFICE

T1st floor, CT13B Building, Nam Thang Long Urban

Area, Vo Chi Cong Street, Tay Ho District, Ha Noi

Tel: Editing - 0913540671; Publishing - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Online: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

Representative office in Ho Chi Minh City

280F1 Luong Dinh Cua, An Phu Ward, Thu Duc City,

Ho Chi Minh City

Tel: 0938639099

Email: lsvnno.hcm@gmail.com

Representative office in Can Tho

284 Vo Van Kiet Street, Area 5, An Thoi Ward,

Binh Thuy District, Can Tho City

Tel: 0913618808

Email: tapchiluatsudbscl@gmail.com

Representative office in the North Central region

68B, Truong Van Linh road, Vinh city, Nghe An

Tel: 0913028862

Email: nbbinhtrongna@gmail.com

LICENCE OF PUBLISHMENT

366/GP-BTTTT, dated 21/8/2020;

amending, supplementing No. 388/GP-BTTTT

dated 16/10/2023 by the Ministry of Information

and Communication

Printed at: Printing Factory of Ministry

of National Defence

Photo cover 1: Ho Chi Minh City planning to be a global, civilized, modern, humane, dynamic, and creative city. Source: VTC

Price: 50.000VND

TABLE OF CONTENT

RESEARCH - DISCUSSION

- 04** Development trends of criminology in the new development era of the country
Prof. Dr Vo Khanh Vinh, Dr Vo Khanh Linh
- 10** The theoretical and practical basis of completing the local government apparatus in the current period
LLM Tran Linh Huan
- 17** Practice debate and criticism skills for law students
**Dr Nguyen Thi Ha
Nguyen Thien Ban, Nguyen Thi Phuong Nghi**
- 22** Raising people's awareness about the act using high technology to appropriate property
Dr Tran Thi Thanh and the research team
- 28** Completing the law on protecting consumers' interests when shopping via social networks
Bui Minh Chau, Le Hong Minh
- 35** Completing the law on smuggling prevention in goods import and export at international airport
LLM Nguyen Le Van
- 40** Provincial level land use plan: Solutions to complete and improve the effectiveness of law implementation
Nguyen Kim Hung
- 45** Proposal to entering into contract - Direction to complete Vietnamese law from experience of some countries
Dong Tran Khanh Chi

ACTIVITIES PRACTICE

- 51** Understand and apply ESG effectively in business
Dr. Lawyer Quach Minh Tri, Ho Thi Cam Nhung

FOREIGN LAW

- 54** The US Department of Government Efficiency's activities and challenges
Le Nguyen Viet Hung

CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TỘI PHẠM HỌC TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

GS.TS VÕ KHÁNH VINH •
TS VÕ KHÁNH LINH ••

Tóm tắt: Tội phạm học là khoa học đa ngành, liên ngành, tích hợp, có vai trò, vị trí rất quan trọng trong tư pháp hình sự. Tri thức tội phạm học là tri thức nền tảng, cơ sở của chính sách hình sự, pháp luật tư pháp hình sự, có mối liên hệ chặt chẽ với các khoa học xã hội và nhân văn, được thể hiện ở phương diện hàn lâm, thực tiễn và đào tạo, trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Tội phạm học chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, cần phải được đổi mới tư duy nghiên cứu, đào tạo để phát triển, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, góp phần thúc đẩy phát triển đất nước. Bài viết này, ở tầm khái quát nhất bàn đến một số xu hướng phát triển của tội phạm học trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Từ khóa: Bộ luật Hình sự, kỷ nguyên phát triển mới, tội phạm học.

Abstract: Criminology is a multidisciplinary, interdisciplinary, integrated science, has a very important role and position in criminal judicial. Criminology knowledge is the basic knowledge and basis of criminal policy, criminal judicial law, closely related to social and humanistic sciences, shown in the academic, practical and training aspects, in the new era of the country. Criminology is affected by many different factors, need to be renewed research and training for development, meeting the requirements of preventing and fighting against crimes, contributing to promoting the country's development. This article, at the most general level, discuss some development trends of criminology in the new development era of the country.

Keywords: Criminal Code, the new development era, criminology.

Đặt vấn đề

Tội phạm học ở nước ta đang ở trạng thái phát triển như thế nào? Kỷ nguyên phát triển mới của đất nước đặt ra những yêu cầu như thế nào đối với tội phạm học nước nhà? Trong kỷ nguyên mới, tội phạm học Việt Nam cần phải được tiến hành nghiên cứu theo các xu hướng như thế nào? Đây là những câu hỏi lớn được đặt ra một cách nghiêm túc, cấp thiết đối với các nhà tội phạm học và hình sự học nước ta. Với cách tiếp cận tổng quát nhất, bài viết bước đầu đưa ra quan điểm tổng thể về các xu hướng phát triển của tội phạm học ở nước ta trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Khái quát về tội phạm học

Tội phạm học là khoa học đa ngành, liên ngành, tích hợp, là khoa học ứng dụng, pháp lý - xã hội, bao gồm phương diện hàn lâm, phương diện thực tiễn, phương diện đào tạo.

(i) Tội phạm học mang tính chất đa ngành, liên ngành, tích hợp, một mặt, gắn liền chặt chẽ với luật học, mặt khác, với các khoa học xã hội và nhân văn khác.

Với luật học, tội phạm học gắn liền chặt chẽ với các khoa học tư pháp hình sự. Đó là khoa học luật hình sự, khoa học luật tố tụng hình sự, khoa học luật thi hành án hình sự, khoa học điều tra hình sự, tâm lý học tư pháp hình sự, tâm thần học tư pháp, thống kê hình sự và các ngành khoa học khác. Đặc biệt, tội phạm học gắn liền chặt chẽ, đan xen, thâm nhập với chính sách hình sự (bao gồm chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự, chính sách pháp luật thi hành án hình sự), xã hội học luật hình sự, xã hội học luật tố tụng hình sự, xã hội học luật thi hành án hình sự, xã hội học các cơ quan tư pháp hình sự. Trong mối quan hệ này, tri thức tội

phạm học xuyên suốt, gắn liền với tri thức các khoa học nói trên, tạo thành tri thức tích hợp làm cơ sở cho việc nhận thức và tiếp tục phát triển các lĩnh vực tri thức đó, làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng và áp dụng pháp luật tư pháp hình sự.

Với các khoa học xã hội và nhân văn khác, tội phạm học gắn liền với các khoa học như triết học, xã hội học, kinh tế học, tâm lý học (bao gồm lý thuyết tâm lý học về tội phạm học, tâm lý học và tình hình tội phạm, tâm lý học và nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, tâm lý học và nhân thân người phạm tội, tâm lý học và dự báo tình hình tội phạm, tâm lý học và phòng ngừa tình hình tội phạm), khoa học về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, vi phạm học hay lệch chuẩn xã hội, khoa học thống kê, các khoa học xã hội nhân văn khác.

- Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.
- Trường Đại học Thăng Long.

Tính chất tri thức tích hợp của tội phạm học thể hiện chính ở các tri thức thành tố nói trên. Tri thức tích hợp đó là cơ sở để chúng ta có được nhận thức đầy đủ, toàn diện, hệ thống về tội phạm học.

(ii) Tội phạm học là khoa học lý luận - ứng dụng. Điều này thể hiện ở chỗ những tri thức tội phạm học được sử dụng thường xuyên trong thực tiễn tổ chức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phòng, chống tội phạm cụ thể, trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm. Cụ thể hơn, hiểu biết tội phạm học còn được sử dụng hàng ngày trong điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Tiếp đến, những tri thức tội phạm học được sử dụng để xây dựng và thực hiện chính sách hình sự. Chẳng hạn như để tội phạm hóa và phi tội phạm hóa, hình sự hóa và phi hình sự hóa, quyết định hình phạt, miễn, giảm hình phạt, tổ chức giáo dục và cải tạo phạm nhân. Nói một cách khái quát, tội phạm học là khoa học lý luận - ứng dụng được sử dụng để tiến hành phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tình hình tội phạm, bảo đảm an ninh, an toàn cá nhân, an ninh, an toàn xã hội.

(iii) Tội phạm học là khoa học pháp lý - xã hội. Phương diện pháp lý của tội phạm học thể hiện ở chỗ tội phạm học gắn liền với pháp luật, trước hết với pháp luật tư pháp hình sự: luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật điều tra hình sự, luật thi hành án hình sự và các ngành khoa học như tâm lý học tư pháp hình sự, vi phạm pháp luật hành chính và các lĩnh vực tri thức pháp lý khác. Tội phạm học gắn liền với tội phạm ở các cấp độ nhận thức khác nhau (lý luận, thực tiễn). Phương diện xã hội của tội phạm học nằm ở chính trong việc luận giải khách thể, đối



Hình minh họa.

tượng nghiên cứu của tội phạm học. Đó là: tình hình tội phạm như một hiện tượng xã hội; nguyên nhân và điều kiện của tội phạm/tình hình tội phạm như các hiện tượng, quá trình xã hội; nhân thân người phạm tội như một cá nhân trong xã hội; dự báo tội phạm/tình hình tội phạm là vấn đề xã hội; phòng ngừa tội phạm/tình hình tội phạm bao quát những vấn đề xã hội rộng lớn và những vấn đề khác.

Phương diện hàn lâm của tội phạm học nói một cách khái quát là phương diện nghiên cứu tội phạm học; phương diện thực tiễn của tội phạm học là phương diện tội phạm học trong thực tiễn tổ chức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; phương diện đào tạo là phương diện tội phạm học được tổ chức đào tạo trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Dưới sự tác động của toàn cầu hóa, khu vực hóa, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, quá trình chuyển đổi số toàn cầu, quá trình hội nhập sâu rộng của nước ta vào đời sống quốc tế, khu vực, những

biến đổi sâu rộng mang tính cách mạng đang diễn ra ở nước ta trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, theo quy luật phát triển chung, tội phạm học sẽ có những thay đổi theo các xu hướng nhất định. Việc nhận diện được các xu hướng đó của tội phạm học có ý nghĩa nhận thức, thực tiễn và đào tạo rất quan trọng.

Những nhận thức khái quát nói trên về tội phạm học là cơ sở để xây dựng tư duy, cách tiếp cận mới trong xây dựng nên “bức tranh” nghiên cứu khách thể, đối tượng của tội phạm học, đồng thời xây dựng nên nền tảng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của tội phạm học.

Các xu hướng phát triển của tội phạm học trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước

Các xu hướng phát triển của tội phạm học được hiểu là các định hướng đã được hình thành hoặc đang được hình thành của tội phạm học, thể hiện sự tiến triển (vận động và phát

triển) của tội phạm học nói chung hoặc của các bộ phận cấu thành cụ thể của tội phạm học nói riêng (dưới dạng các bộ phận cấu thành khách thể, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học).

Các xu hướng phát triển của tội phạm học có các đặc trưng nhất định với tư cách là các chỉ số để nhận diện các xu hướng phát triển của tội phạm học. Đó là các đặc điểm như: các xu hướng phát triển của tội phạm học là các xu hướng đã được hình thành hoặc đang được hình thành trong mỗi quốc gia, khu vực và toàn cầu; các xu hướng phát triển của tội phạm học gắn liền với các xu hướng phát triển của pháp luật hình sự thực chứng; các xu hướng phát triển của tội phạm học phản ánh tính lịch sử, tính kế thừa, tính hiện tại, tính triển vọng, quan điểm phát triển tội phạm học trong một xã hội nhất định; các xu hướng phát triển của tội phạm học có các giới hạn về thời gian và không gian nhất định; các xu hướng phát triển của tội phạm học là bộ phận không thể thiếu của phát triển tội phạm học; các xu hướng phát triển của tội phạm học là quá trình chuyển hóa khả năng của tội phạm học thành hiện thực tội phạm học.

Dựa trên nhận thức như vậy về các xu hướng phát triển của tội phạm học về mặt lý luận, qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng tội phạm học cần phải được phát triển theo các xu hướng sau đây.

Xu hướng mở rộng khách thể, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học

Dưới dạng khái quát nhất, khách thể nghiên cứu của tội phạm học là các hiện tượng, quá trình tội phạm và các hiện tượng, quá trình liên quan đến tội phạm. Đó là hiện thực tình hình tội phạm, các hiện tượng, quá trình trung chuyển tình hình tội phạm, các yếu tố xã hội liên quan trực tiếp đến tình hình tội phạm. Đối tượng nghiên cứu của tội phạm



Hình minh họa.

học là các quy luật hình thành và phát triển của tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tình hình tội phạm, phòng ngừa tội phạm/tình hình tội phạm, hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm, lịch sử hình thành và phát triển của tội phạm học, các trường phái, lý luận tội phạm học khác nhau và những vấn đề khác.

Trong các yếu tố cấu thành khách thể, đối tượng nghiên cứu nói trên của tội phạm học, yếu tố “tình hình tội phạm” là yếu tố “lõi”, “trung tâm” chi phối các yếu tố còn lại thuộc khách thể, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Yếu tố “tình hình tội phạm” gắn liền với yếu tố “tội phạm”. Đến lượt mình, yếu tố “tội phạm” lại gắn liền với các yếu tố “tội phạm hóa” và “phi tội phạm hóa”. Các yếu tố “tội phạm hóa” và “phi tội phạm hóa” diễn ra theo các xu hướng như thế nào thì yếu tố “tội phạm”, theo logic, sẽ diễn ra theo các xu hướng như thế ấy. Do đó, ở một nghĩa nhất định, có thể nói, tội phạm “đi ra” từ tội phạm hóa và phi tội phạm hóa.

Nghiên cứu và như thực tiễn lập pháp cho thấy, xét theo số lượng các quy định về tội phạm (cả ở Phần chung và Phần các tội phạm) của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì số lượng các tội phạm theo Bộ luật Hình sự hiện hành lớn hơn số lượng các tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung các lần sau đó. Tiếp đến, không có các tội phạm thực định, tức là các tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự, thì không thể có cơ sở pháp lý hình sự để xác định tình hình tội phạm diễn ra trên thực tế. Ở phương diện này, tình hình tội phạm “đi ra” từ tội phạm.

Nghiên cứu cho thấy tình hình tội phạm ở nước ta thời gian qua, xét theo số liệu tuyệt đối, ngày càng gia tăng. Cụ thể, tình hình tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người diễn biến ngày càng phức tạp về số lượng, phương thức, thủ đoạn cũng như tính chất dã man, tàn bạo của hành vi phạm tội. Các băng nhóm, tổ chức tội phạm xâm phạm sở hữu ngày càng hoạt động ráo riết và gây ra thiệt hại rất đáng kể đối với tài

sản các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội, cụ thể: xuất hiện các nhóm đối tượng trộm cắp tài sản tại các cơ sở thờ tự, các địa bàn dân cư; các băng nhóm cướp tài sản trên các tuyến cao tốc, tình trạng bắt cóc để chiếm đoạt tài sản diễn ra ở nhiều địa phương, lừa đảo trên không gian mạng đáng báo động, tình trạng cưỡng đoạt tài sản đa số được thực hiện bởi các nhóm cho vay nặng lãi diễn ra ở hầu hết các địa phương trong cả nước, tình hình lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản diễn biến phức tạp. Các tội phạm về ma túy cũng diễn biến khá phức tạp, khối lượng ma túy thu được trong các vụ án gần đây là đặc biệt lớn, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi; chia việc sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ ra nhiều công đoạn để tránh phát hiện; các đối tượng phạm tội có xu hướng sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng để hoạt động phạm tội, lợi dụng mạng xã hội để hình thành “chợ ma túy ảo”. Tình hình các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại cũng không ngoại lệ, nhất là hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng cấm diễn ra phổ biến... Tình hình các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, nhất là các hành vi mua, bán hóa đơn trị giá gia tăng, hành vi trốn thuế có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn về kinh tế, hành vi thao túng thị trường chứng khoán đã bắt đầu có các dấu hiệu nguy hiểm...¹.

Nhìn một cách tổng quát, tình hình tội phạm ở nước ta thời gian qua diễn biến phức tạp trên các chỉ số, chỉ báo khác nhau, theo xu hướng mở rộng khách thể, đối tượng.

Đi cùng với tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện, các

đặc điểm nhân thân người phạm tội, nạn nhân của tội phạm ngày càng phức tạp, đa dạng, gắn liền với các mâu thuẫn, các biến đổi diễn ra trong xã hội. Đó cũng là yếu tố thuộc khác thể nghiên cứu của tội phạm học.

Tất cả những điều nói trên và các điều khác chưa được nói đến minh chứng cho xu hướng mở rộng khách thể, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học hiện nay và trong thời gian tới.

Xu hướng phân hóa trong tội phạm học

Đây là xu hướng diễn ra trong tội phạm học ở phạm vi toàn cầu, khu vực và ở các quốc gia khác nhau, nhất là ở các quốc gia có tội phạm học phát triển. Điều này thể hiện ở chỗ, ngoài các loại tội phạm mang tính truyền thống nói chung, gắn liền với các nhóm tội phạm được nhận thức theo các chương ở phần các tội phạm của bộ luật hình sự của các quốc gia khác nhau, còn có các cách phân hóa khác trong tội phạm học. Chẳng hạn, đó là: tình hình tội phạm chính trị, tình hình tội phạm có dùng vũ lực, tình hình tội phạm vụ lợi, tình hình tội phạm có tổ chức, tình hình tội phạm tham nhũng, của giới thượng lưu, tình hình tội phạm của những người nhập cư, tình hình tội phạm mua bán người, các bộ phận cơ thể, tình hình tội phạm trong các xung đột quốc tế, tình hình tội phạm trong lực lượng vũ trang, tình hình tội phạm ấu...². Các nghiên cứu về các loại tình hình tội phạm nói trên, ngoài việc mô tả, đánh giá các loại tình hình tội phạm đó, còn luận giải, làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện, các loại nhân thân người phạm tội và các đặc điểm nhân thân tương ứng³, dự báo các loại tình hình tội phạm đó, đưa ra các hệ giải pháp tương ứng để phòng ngừa các loại tội phạm đó.

Trên cái nền như vậy, các tội phạm học chuyên ngành hay chuyên biệt tương ứng được hình thành, đánh dấu bước phát triển của tội phạm học. Các tội phạm học chuyên ngành mới ra đời thể hiện cách tiếp cận mới trong nghiên cứu tội phạm học, thể hiện cách nhìn đa chiều cạnh hơn, sâu sắc hơn về tội phạm học, trên cơ sở đó cùng với cách tiếp cận trước đây chúng ta sẽ có được nhận thức tích hợp sâu sắc, mang tính hệ thống về tội phạm học. Hơn thế nữa, các tội phạm học chuyên ngành này còn hỗ trợ có hiệu quả hơn, thiết thực hơn cho hoạt động phòng, chống tội phạm trong thực tiễn. Đồng thời điều này cũng đặt ra yêu cầu mới đối với việc đào tạo về tội phạm học ở các cơ sở giáo dục và đào tạo pháp luật và các cơ sở khác, từ việc phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng chương trình đào tạo, các đề tài nghiên cứu các cấp khác nhau về tội phạm học.

Xu hướng đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về tội phạm học

Đây là xu hướng phát triển tội phạm học ổn định, bền vững, mang tính quy luật. Tội phạm học phát triển là tội phạm học phát triển trên cái nền phát triển nghiên cứu cơ bản, làm nền tảng cho phát triển tội phạm học ứng dụng. Nghiên cứu cho thấy các nghiên cứu tội phạm học được tiến hành ở nước ta thời gian qua, từ các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đến các luận án tiến sĩ về tội phạm học phần lớn là các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng, ít có đề tài nghiên cứu cơ bản về các nội dung cơ bản thuộc đối tượng, khách thể nghiên cứu của tội phạm học. Thực trạng này cần được sớm khắc phục bằng việc đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về tội phạm học. Cần phải có một hệ vấn đề nghiên

¹ Xem: Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

² Xem: Luneev V.V. *Tình hình tội phạm trong thế kỷ XX. Phân tích tội phạm học thể giới*, Nxb Norma, Mátxcova, 1997 (bản tiếng Nga).

³ Xem: Antonyan Ju. M.; Kudryavcev V.N.; Ekimov V.E. *Nhân thân người phạm tội*, Trung tâm pháp lý Press, Mátxcova, 2004 (bản tiếng Nga).

cứ cơ bản về tội phạm học. Hệ vấn đề đó nên chăng tập trung vào nghiên cứu phát triển, bổ sung, làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận sau đây.

(i) Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, hệ thống hơn, đầy đủ hơn những vấn đề lý luận về tình hình tội phạm, cụ thể là luận giải sâu hơn tình hình tội phạm là một hiện tượng pháp lý - xã hội; các đặc điểm khái quát, phổ biến của tình hình tội phạm; phân biệt phạm trù “tình hình tội phạm” với phạm trù “tội phạm”; các xu hướng phát triển của tình hình tội phạm; phân biệt tình hình tội phạm với tình hình vi phạm pháp luật, sự chuyển hóa lẫn nhau đặt trong mối quan hệ với tội phạm hóa và phi tội phạm hóa; bộ các thông số, chỉ số, chỉ báo nhận diện tình hình tội phạm, đặc biệt các chỉ số, chỉ báo về thiệt hại do tình hình tội phạm gây ra cho xã hội để làm căn cứ cho việc tính toán, đo lường các thiệt hại do các tội phạm gây ra trên thực tiễn; đẩy mạnh nghiên cứu tình hình tội phạm ẩn, đặc biệt các phương pháp nhận biết tình hình tội phạm ẩn; nghiên cứu những vấn đề lý luận về thống kê tội phạm và những vấn đề khác.

(ii) Tiếp tục nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, bao gồm: phương pháp luận tiếp cận nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm; mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm với nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể; mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm với các mâu thuẫn trong xã hội ở các cấp độ khác nhau; cơ chế tâm lý - xã hội của tội phạm cụ thể; các tình huống cụ thể trong cơ chế hành vi phạm tội cụ thể và những vấn đề khác.

(iii) Tiếp tục nghiên cứu nhân thân người phạm tội, tập trung

nguyên cứu sâu hơn những vấn đề sau: cách tiếp cận nghiên cứu nhân thân người phạm tội; nghiên cứu sâu về cấu trúc của nhân thân người phạm tội; sự hình thành nhân thân người phạm tội; các đặc điểm tâm lý của nhân thân người phạm tội; những vấn đề đạo đức của nhân thân người phạm tội; các loại và phân loại những người phạm tội (những người phạm tội giết người, những người phạm tội tình dục, những người phạm tội vụ lợi, những người phạm tội có sử dụng vũ lực, những người phạm tội có tổ chức, những người phạm tội tham nhũng, những người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp...); nhân thân người phạm tội ở phương diện tội phạm học và nhân thân người phạm tội ở phương diện luật hình sự, luật thi hành án hình sự; nhân thân của những người đã bị kết án; nhân thân những người phạm tội dưới 18 tuổi và những vấn đề khác.

(iv) Đẩy mạnh nghiên cứu nạn nhân học bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nạn nhân học như: Khái niệm, các loại nạn nhân, nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội cụ thể, khía cạnh nạn nhân trong các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và các vấn đề khác.

(v) Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về dự báo tình hình tội phạm, kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm/tình hình tội phạm bao gồm những vấn đề như: cơ sở lý luận và phương pháp dự báo tình hình tội phạm; các loại dự báo tình hình tội phạm; dự báo tình hình tội phạm và kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm/tình hình tội phạm; các loại kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm/tình hình tội phạm và những vấn đề liên quan khác.

(vi) Tiếp tục nghiên cứu sâu sắc, toàn diện, hệ thống hơn về phòng ngừa tình hình tội phạm bao gồm

những vấn đề như: mục tiêu, nội dung, các nguyên tắc của phòng ngừa tình hình tội phạm; các cơ sở pháp luật và tổ chức của phòng ngừa tình hình tội phạm; các cấp độ phòng ngừa tình hình tội phạm; các loại biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm; phòng ngừa các tội phạm cụ thể (phòng ngừa tội phạm có tổ chức, phòng ngừa tội phạm tham nhũng, phòng ngừa tội phạm kinh tế, phòng ngừa tội phạm ma túy, phòng ngừa tội phạm giao thông, phòng ngừa tội phạm mua, bán người, phòng ngừa các tội phạm trong lĩnh vực mạng, phòng ngừa tình hình phạm tội của người dưới 18 tuổi; đẩy mạnh nghiên cứu phòng ngừa các loại tội phạm phổ biến, mới, phi truyền thống và những vấn đề liên quan khác.

Xu hướng nghiên cứu địa tội phạm học

Đây là xu hướng nghiên cứu mới trong tội phạm học. Xu hướng này có nguồn gốc từ tư tưởng, cách tiếp cận nghiên cứu về địa kinh tế, sau đó tư tưởng, cách tiếp cận này được vận dụng trong việc nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn khác. Đây là xu hướng nghiên cứu có triển vọng, góp phần phát triển lý luận tội phạm học, cung cấp tri thức lý luận cho việc tổ chức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả trong thực tiễn. Tiếp đến, xu hướng này làm phong phú thêm tri thức tội phạm học cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn, phục vụ cả cho việc đào tạo về tội phạm học.

Nội dung nghiên cứu chính của xu hướng này thể hiện ở việc nghiên cứu tội phạm học gắn liền với tất cả các đặc điểm của các đơn vị hành chính lãnh thổ khác nhau, các không gian tội phạm học khác nhau, các cấp độ nghiên cứu tội phạm học khác nhau, cụ thể là: nghiên cứu địa tình hình tội phạm, địa nguyên nhân

và điều kiện của tình hình tội phạm, địa nhân thân người phạm tội, địa dự báo tình hình tội phạm, địa kế hoạch hóa tổ chức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, địa phòng ngừa tình hình tội phạm, tình hình tội phạm trong phạm vi một quốc gia, tình hình tội phạm trong phạm vi một khu vực, tình hình tội phạm trên phạm vi toàn cầu và những vấn đề liên quan khác.

Xu hướng nghiên cứu tội phạm học so sánh

Nghiên cứu tội phạm học so sánh là nhu cầu khách quan, xuất phát từ trạng thái phát triển của tội phạm học ở các cấp độ khác nhau và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm ở các cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu. Khi tội phạm học đã tích lũy được các dữ liệu nhất định thì xuất hiện nhu cầu nghiên cứu so sánh. Tội phạm học so sánh có ý nghĩa nhận thức, lý luận và thực tiễn rất quan trọng đối với phòng, chống tội phạm. Tội phạm học so sánh ra đời trên cái nền của luật học so sánh và là một bộ phận cấu thành nên luật học so sánh trong tư duy hiện đại về luật học.

Tư tưởng, nội dung của tội phạm học so sánh thể hiện ở chỗ tội phạm học có bao nhiêu vấn đề được nghiên cứu, được tổ chức thực hiện trong thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm thì có bấy nhiêu vấn đề tương ứng được nghiên cứu so sánh để tìm ra những

đặc điểm tương đồng và khác biệt trong những vấn đề tội phạm học được so sánh. Điều đó có nghĩa rằng không gian của tội phạm học so sánh gắn liền với không gian của tội phạm học. Nhưng trong nhiều vấn đề so sánh như vậy, có thể nêu lên một số vấn đề hay hướng nghiên cứu so sánh cơ bản trong tội phạm học sau đây: so sánh tình hình tội phạm giữa các quốc gia, khu vực nhất định, trong đó có so sánh các xu hướng phát triển của tình hình tội phạm; so sánh các đặc điểm nhân thân người phạm tội ở các quốc gia, khu vực khác nhau; so sánh các biện pháp phòng, chống tội phạm được xây dựng và tổ chức thực hiện cũng như kinh nghiệm của các quốc gia, khu vực khác nhau trong phòng, chống tội phạm.

Xu hướng nghiên cứu xây dựng, sử dụng, phát huy dữ liệu tội phạm học

Cũng như xu hướng nghiên cứu tội phạm học so sánh, nghiên cứu xây dựng, phát huy dữ liệu tội phạm học là xu hướng mới trong tội phạm học. Xu hướng này cũng gắn liền với trạng thái phát triển của tội phạm học, quá trình tích lũy dữ liệu tội phạm học ở các cấp độ khác nhau, thống kê tội phạm học, trong đó có thống kê tội phạm, thống kê phát triển kinh tế - xã hội và các thống kê khác. Mặt khác, xu hướng này gắn liền chặt chẽ với thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, quá trình số hóa sự phát triển, việc sử dụng AI trong hoạt động

phòng ngừa và chống tội phạm. Xu hướng nghiên cứu xây dựng, sử dụng, phát huy dữ liệu tội phạm học sẽ thúc đẩy phát triển tội phạm học ứng dụng. Xu hướng phát triển này đòi hỏi phải có sự hợp tác của các nhà tội phạm học và các chuyên gia công nghệ thông tin.

Ngoài các xu hướng nói trên, còn có các xu hướng phát triển khác của tội phạm học, chẳng hạn như: xu hướng hiện đại hóa tội phạm học, xu hướng đa dạng hóa các trường phái tội phạm học và các xu hướng khác.

Kết luận

Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, dưới sự tác động của các yếu tố khác nhau diễn ra trong quá trình phát triển, tội phạm học sẽ phát triển theo các xu hướng khác nhau, trong đó có các xu hướng ổn định, các xu hướng mới. Đó là các xu hướng mở rộng khách thể, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học, xu hướng phân hóa trong tội phạm học, xu hướng đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về tội phạm học, xu hướng nghiên cứu địa tội phạm học, xu hướng nghiên cứu tội phạm học so sánh, xu hướng nghiên cứu xây dựng, sử dụng, phát huy dữ liệu tội phạm học. Những hiểu biết về các xu hướng phát triển của tội phạm học có ý nghĩa lớn về nhận thức, lý luận và thực tiễn đối với phát triển tội phạm học trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

V.K.V - V.K.L

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
2. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
3. Antonyan Ju. M.; Kudryavcev V.N.; Ekimov V.E. *Nhân thân người phạm tội*, Trung tâm pháp lý Press, Mátxcova, 2004 (bản tiếng Nga).
4. Zhubrin R.V. chủ biên, *Cơ sở lý luận của phòng ngừa tình hình tội phạm trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội Nga*, Nxb Prospekt, Mátxcova, 2018 (bản tiếng Nga).
5. Luneev V.V. *Tình hình tội phạm trong thế kỷ XX. Phân tích tội phạm học thế giới*, Nxb Norma, Mátxcova, 1997 (bản tiếng Nga).
6. Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Tội phạm học (in lần thứ 3 có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

THS TRẦN LINH HUÂN*

Tóm tắt: Bộ máy chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý nhà nước, là cấp trực tiếp triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với người dân. Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, hội nhập quốc tế sâu rộng và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương là một yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm sự vận hành linh hoạt và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân, doanh nghiệp. Quá trình này cần được thực hiện trên cơ sở lý luận vững chắc, phù hợp với các nguyên tắc quản lý hành chính hiện đại, đồng thời xuất phát từ thực tiễn tổ chức bộ máy hành chính tại Việt Nam, bao gồm cả những thành tựu, hạn chế và yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá, làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương để từ đó tạo nền tảng vững chắc phục vụ cho việc đẩy mạnh hoạt động hoàn thiện bộ máy này trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, chính quyền địa phương, hoàn thiện bộ máy.

Abstract: The local government apparatus plays an important role in the state management system, which is directly implementing guidelines, policies and laws of the Party and the State to the people. In the context of rapid socio-economic development, international integration widely and deeply, strong digital transformation trend, the completion of the local government apparatus is an indispensable requirement to improve management efficiency, ensure flexible operation and better meet the needs of people and businesses. This process should be done on a solid theoretical basis, in accordance with modern administrative management principles, and at the same time comes from the practice of the administrative apparatus in Vietnam, including achievements, limitations and renovation requirements in the current period. The article focuses on analyzing, evaluating and clarifying the theoretical basis and practical basis of completing the local government apparatus to create a solid foundation for promoting the operation of completing this apparatus in the current context.

Keywords: Theoretical basis, practical basis, local government, completing the apparatus.

Đặt vấn đề

Bộ máy chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi các chính sách, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân. Tuy nhiên, trước những yêu cầu đổi mới và cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay, việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trở thành một nhiệm vụ cấp bách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Về mặt lý luận, việc tổ chức và vận hành bộ máy chính quyền địa phương cần tuân theo các nguyên tắc quản lý hành chính công, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và phục vụ lợi ích của nhân dân. Các học thuyết về quản trị công mới, tổ chức hành chính hiệu quả và phân cấp, phân quyền hợp lý là những cơ sở khoa học

quan trọng giúp định hướng cải cách bộ máy hành chính địa phương. Về mặt thực tiễn, quá trình vận hành bộ máy chính quyền địa phương tại Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như tình trạng chồng chéo chức năng, cơ chế phân cấp chưa thực sự hiệu quả và nguồn nhân lực chưa được sử dụng tối ưu. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và nhu cầu đổi mới quản trị nhà nước, việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương càng trở nên cấp thiết nhằm xây dựng một nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Do đó, việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương không chỉ giúp làm rõ những nguyên tắc, mô hình phù hợp mà còn đề xuất các giải

pháp cụ thể để nâng cao chất lượng bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở lý luận của việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay

Việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc cải cách hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số. Cơ sở lý luận của quá trình này được xác lập dựa trên các nền tảng khoa học về quản lý nhà nước, các nguyên tắc tổ chức hành chính công trong xây dựng một hệ thống chính quyền tinh gọn, hiệu quả, minh bạch và phục vụ tốt nhất lợi ích của nhân dân. Cụ thể:

Một là, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý nhà nước

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà nước đóng vai trò là công cụ quản lý xã hội, bảo đảm duy trì trật tự, ổn định và thúc đẩy sự phát triển của xã hội theo định hướng chung. Trong đó, chính quyền địa phương là một bộ phận quan trọng của bộ máy nhà nước, có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách ở từng địa bàn, gắn kết chặt chẽ với đời sống người dân. Để đáp ứng tốt vai trò này, chính quyền địa phương cần được tổ chức một cách khoa học, tinh gọn, không chồng chéo nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả hoạt động cao, vừa thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính nhà nước, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương nhằm giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn¹. Việc tổ chức hợp lý bộ máy nhà nước giúp giảm thiểu lãng phí nguồn lực, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, đồng thời tạo điều kiện để chính quyền các cấp hoạt động minh bạch, công khai và có trách nhiệm hơn trước nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của chính quyền địa phương trong việc gần dân, hiểu dân, phục vụ nhân dân một cách thiết thực, coi đây là nền tảng cốt lõi của một bộ máy hành chính hiệu quả². Người cho rằng chính quyền địa phương không chỉ là cơ quan thực thi pháp luật mà còn là cầu nối giữa nhà nước và nhân dân, bảo đảm quyền lợi của người dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Do đó,

bộ máy chính quyền phải vận hành theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, giúp nhân dân dễ dàng giám sát, đóng góp ý kiến và tham gia vào quá trình quản lý nhà nước³. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng khẳng định việc tinh giản bộ máy là một yêu cầu tất yếu để loại bỏ những thành phần kém hiệu quả, tránh tình trạng quan liêu, giảm bớt gánh nặng hành chính, từ đó nâng cao năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc phục vụ nhân dân⁴. Chính quyền địa phương chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi thực sự gần gũi với nhân dân, giải quyết kịp thời các vấn đề của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững và toàn diện.

Hai là, cơ sở pháp lý theo Hiến pháp và hệ thống luật hiện hành

Cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp. Hiến pháp năm 2013 xác định chính quyền địa phương là một bộ phận không thể tách rời của bộ máy nhà nước, có vai trò tổ chức thực thi Hiến pháp, pháp luật tại địa phương, đồng thời đảm nhiệm quản lý các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh theo phạm vi được phân cấp⁵. Quy định này thể hiện sự thống nhất trong tổ chức nhà nước nhưng vẫn tạo ra sự linh hoạt cần thiết để chính quyền địa phương phát huy

tính tự chủ, sáng tạo trong thực tiễn quản lý. Tiếp đó, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã cụ thể hóa các nguyên tắc tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương ở từng cấp, trong đó nhấn mạnh việc hoàn thiện bộ máy phải đi đôi với yêu cầu tinh gọn, hiệu quả, tránh tình trạng chồng chéo chức năng giữa các cơ quan, đơn vị. Luật này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện sắp xếp lại bộ máy, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý hành chính, bảo đảm chính quyền địa phương hoạt động hiệu lực, phục vụ tốt nhất cho lợi ích của người dân.

Bên cạnh đó, định hướng cải cách tổ chức chính quyền địa phương còn được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó đề ra chủ trương tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết này khẳng định yêu cầu cấp bách của việc cải cách tổ chức chính quyền địa phương, không chỉ dừng lại ở tinh giản biên chế mà còn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, tạo chuyển biến thực chất trong phương thức quản lý nhà nước. Theo đó, các địa phương cần mạnh dạn đổi mới, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đồng thời áp dụng công nghệ vào quản lý hành chính nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc. Như vậy, với những quy định pháp lý chặt chẽ từ Hiến pháp, luật và các nghị

¹ Trần Anh Tuấn, *Xây dựng chính quyền địa phương theo tư tưởng Hồ Chí Minh - Thực tiễn và những vấn đề đặt ra*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2558>, ngày 09/3/2025.

² Trần Anh Tuấn, *ltd.*

³ Nguyễn Thị Thu Cúc, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong xây dựng chính quyền*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/823119/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-vai-tro-cua-nhan-dan-trong-xay-dung-chinh-quyen.aspx>, ngày 09/3/2025.

⁴ Cẩm Hà, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền địa phương*, <https://nhandan.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-chinh-quyen-dia-phuong-post615673.html>, ngày 09/3/2025.

⁵ Hoàng Vy Hương, *Chính quyền địa phương trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa năm 2013*, <https://vksndtc.gov.vn/vanban/Pages/van-ban-moi.aspx?ItemID=213>, ngày 09/3/2025.

quyết quan trọng của Đảng, quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương không chỉ có cơ sở vững chắc mà còn có định hướng rõ ràng để bảo đảm đạt được mục tiêu tinh gọn, hiệu quả, minh bạch và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

Ba là, nguyên tắc tổ chức bộ máy chính quyền địa phương

Việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển của từng địa phương. Nguyên tắc tổ chức hợp lý, tinh gọn là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu, đòi hỏi chính quyền địa phương phải được sắp xếp lại theo hướng giảm bớt tầng nấc trung gian, hạn chế tình trạng chồng chéo chức năng giữa các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, cần tăng cường phân cấp, ủy quyền để trao thêm quyền chủ động cho các cấp chính quyền, giúp họ linh hoạt hơn trong quá trình thực thi nhiệm vụ, từ đó nâng cao trách nhiệm và khả năng tự quyết trong quản lý hành chính. Đi đôi với đó, nguyên tắc hiệu lực, hiệu quả đòi hỏi bộ máy chính quyền địa phương phải vận hành với năng suất cao, bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác, không gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp⁶. Điều này có thể đạt được thông qua việc cải tiến thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ vào quản lý công và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong môi trường hành chính hiện đại.

Bên cạnh đó, nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình là một

yếu tố quan trọng giúp tăng cường niềm tin của nhân dân vào chính quyền. Chính quyền địa phương cần vận hành theo cơ chế công khai, dễ dàng giám sát bởi cơ quan cấp trên, Hội đồng nhân dân và nhân dân địa phương, đồng thời bảo đảm rằng mọi quyết định, chính sách được ban hành đều có cơ sở rõ ràng, minh bạch⁷. Điều này không chỉ góp phần hạn chế tiêu cực, tham nhũng mà còn tạo điều kiện để người dân có thể tham gia đóng góp ý kiến, nâng cao tính dân chủ trong quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc tổ chức bộ máy cần phải tuân theo nguyên tắc phù hợp với đặc thù địa phương, bởi mỗi tỉnh, thành phố đều có điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, trình độ phát triển và đặc điểm văn hóa khác nhau⁸. Việc áp dụng một mô hình quản lý hành chính cứng nhắc cho tất cả các địa phương có thể dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong thực thi chính sách. Vì vậy, bộ máy chính quyền cần được tổ chức một cách linh hoạt, điều chỉnh phù hợp với từng địa phương để bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thực tế của nhân dân.

Ngoài ra, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương cần đi đôi với nguyên tắc gắn với chuyển đổi số và cải cách hành chính. Điều này đòi hỏi chính quyền các cấp phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản lý hành chính công, xây dựng mô hình chính quyền điện tử để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tối ưu hóa quy trình làm việc, giảm thiểu giấy tờ thủ công, tiết kiệm thời gian và chi phí⁹. Đồng thời, cần

nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức trong môi trường làm việc số hóa, giúp họ có đủ kiến thức, kỹ năng để thích ứng với những thay đổi trong quản lý hành chính hiện đại. Nhìn chung, để bảo đảm quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương đạt hiệu quả cao, cần tuân thủ các nguyên tắc tổ chức hợp lý, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình, phù hợp với đặc thù của từng địa phương và gắn với chuyển đổi số. Nếu thực hiện tốt những nguyên tắc này, bộ máy chính quyền địa phương sẽ trở nên tinh gọn hơn, hoạt động hiệu quả hơn, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở thực tiễn của việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay

Việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương không chỉ dựa trên các cơ sở lý luận mà còn xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn, bao gồm sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, thực trạng tổ chức bộ máy hành chính hiện nay, tác động của xu hướng chuyển đổi số và bài học kinh nghiệm từ các quốc gia khác. Những yếu tố này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới và sắp xếp lại hệ thống chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa nền hành chính công. Cơ sở thực tiễn của việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay được thể hiện qua các khía cạnh sau:

⁶ Bích Lan, Nghĩa Đức, *Tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và mục tiêu dài hạn*, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-doan-dai-bieu-quoc-hoi.aspx?ItemID=92593>, ngày 09/3/2025.

⁷ Sửa Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Tinh gọn bộ máy, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/sua-luat-to-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-tinh-gon-bo-may-dia-phuong-quyet-dia-phuong-lam-dia-phuong-chiu-trach-nhiem-119250212162026131.htm>, ngày 09/3/2025.

⁸ Phan Phương, *Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tỉnh, gọn, mạnh*, <https://baotintuc.vn/thoi-su/doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-tinh-gon-manh-20250205144317361.htm>, ngày 09/3/2025.

⁹ Vũ Thanh Nguyên, *Nỗ lực cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số*, https://danang.gov.vn/web/chuyen-doi-so/danh-muc/chi-tiet?_c=100000174&id=61066, ngày 09/3/2025.

Một là, yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, đặc biệt là ở cấp chính quyền địa phương, trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết¹⁰. Chính quyền địa phương không chỉ đóng vai trò thực thi pháp luật, quản lý hành chính mà còn giữ nhiệm vụ trọng tâm trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng và bảo đảm an sinh xã hội cho người dân¹¹. Với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế - xã hội, bộ máy hành chính địa phương cần có tính linh hoạt cao, có khả năng thích ứng kịp thời với những yêu cầu phát triển mới, bảo đảm sự vận hành hiệu quả của hệ thống quản lý nhà nước. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy nhiều địa phương vẫn đang duy trì một bộ máy hành chính cồng kềnh, chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan còn chồng chéo, gây khó khăn trong công tác điều hành và làm giảm hiệu suất làm việc¹². Sự chậm trễ trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, thiếu đồng bộ trong hệ thống tổ chức và hạn chế trong năng lực cán bộ, công chức cũng là những rào cản lớn đối với quá trình cải cách¹³. Để khắc phục những vấn đề này, cần đẩy mạnh quá trình tinh gọn bộ máy, giảm

bớt các cấp trung gian không cần thiết, nâng cao chất lượng nhân sự thông qua đào tạo chuyên sâu và đổi mới tư duy quản lý theo hướng hiện đại, nhằm giúp chính quyền địa phương nâng cao hiệu quả hoạt động¹⁴.

Hai là, thực trạng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hiện nay. Mặc dù công cuộc cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song bộ máy chính quyền địa phương vẫn tồn tại nhiều bất cập, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Hiện nay, ở nhiều địa phương, tổ chức bộ máy vẫn còn cồng kềnh, với quá nhiều cơ quan, đơn vị trung gian nhưng chức năng, nhiệm vụ chưa được xác định rõ ràng, dẫn đến tình trạng chồng chéo, gây khó khăn trong điều hành và làm giảm hiệu suất công việc¹⁵. Việc tinh giản biên chế chưa thực sự gắn liền với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, dẫn đến tình trạng số lượng cán bộ, công chức còn lớn nhưng hiệu quả làm việc chưa tương xứng, trong khi đó vẫn thiếu hụt nhân lực có trình độ cao để đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi chuyên môn sâu¹⁶. Hơn nữa, sự phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương từ tỉnh, huyện đến xã chưa thực sự chặt chẽ, trong một số trường hợp còn xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chậm trễ trong

triển khai nhiệm vụ, ảnh hưởng đến tiến độ thực thi chính sách¹⁷. Một thách thức khác là tốc độ chuyển đổi số trong quản lý hành chính ở nhiều địa phương vẫn còn chậm, mặc dù đã có nhiều chủ trương thúc đẩy chính quyền điện tử nhưng việc triển khai thực tế chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối giữa các cơ quan, gây ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc và làm giảm chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp¹⁸. Những thực trạng này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, tác động của chuyển đổi số và yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc xây dựng chính quyền điện tử và tiến tới chính quyền số trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, giảm chi phí hành chính và cải thiện chất lượng dịch vụ công. Chính phủ Việt Nam đã xác định rõ mục tiêu này trong các chiến

¹⁰ Võ Công Khôi, *Thực trạng và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương*, <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-trang-va-giai-phap-doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-1149.html>, ngày 09/3/2025.

¹¹ Nguyễn Văn Thôi, *Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay*, <https://tapchicongsan.org.vn/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/846702/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-nang-luc%2C-hieu-qua-quan-tri-dia-phuong-o-viet-nam-hien-nay.aspx>, ngày 09/3/2025.

¹² Nguyễn Bích Thủy, *Giải pháp tinh gọn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới*, <https://tcn.vn/news/detail/67611/Giai-phap-tinh-gon-to-chuc-bo-may-chinh-quyen-dia-phuong-dap-ung-yeu-cau-cua-ky-nguyen-moi.html>, ngày 09/3/2025.

¹³ Bùi Văn Nguyên, *Cải cách hành chính ở nước ta - Thực trạng và một số đề xuất*, <https://danchuphapluat.vn/cai-cach-hanh-chinh-o-nuoc-ta-thuc-trang-va-mot-so-de-xuat>, ngày 09/3/2025.

¹⁴ Trịnh Mai Anh, Vũ Quang Cảnh, *Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy trong hệ thống chính trị "Chìa khóa" để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình*, <https://special.nhandan.vn/Bai-3-Nhung-giai-phap-cap-bach-de-viec-to-chuc-sap-xep-lai-bo-may-dat-duoc-hieu-qua-cao-nhat/index.html>, ngày 09/3/2025.

¹⁵ Nguyễn Duy Thăng, *Thực trạng và định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam*, <https://tcn.vn/news/detail/53227/Thuc-trang-va-dinh-huong-doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-o-Viet-Nam.html>, ngày 09/3/2025.

¹⁶ Trương Quốc Việt, *Những hạn chế, bất cập trong tổ chức chính quyền xã và phương hướng hoàn thiện*, <https://tcn.vn/news/detail/42283/Nhung-han-che-bat-cap-trong-to-chuc-chinh-quyen-xa-va-phuong-huong-hoan-thien.html>, ngày 09/3/2025.

¹⁷ Ngô Ngân Hà, *Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/09/29/to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>, ngày 09/3/2025.

¹⁸ Đặng Minh Châu, *Một số thành tựu của chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước hiện nay*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/27/mot-so-thanh-tuu-cua-chuyen-doi-so-trong-co-quan-nha-nuoc-hien-nay/>, ngày 09/3/2025.

lược quốc gia về chuyển đổi số, với trọng tâm là hiện đại hóa hệ thống quản lý hành chính, tăng cường tính minh bạch và nâng cao khả năng phục vụ người dân, doanh nghiệp¹⁹. Tuy nhiên, thực tế triển khai tại nhiều địa phương vẫn gặp không ít khó khăn, chủ yếu do hạn chế về hạ tầng công nghệ, thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tư duy quản lý truyền thống vẫn còn phổ biến trong hệ thống hành chính²⁰. Việc thiếu đồng bộ trong kết nối dữ liệu, hệ thống phần mềm quản lý không nhất quán giữa các cơ quan, cùng với việc áp dụng công nghệ chưa thực sự hiệu quả đã làm giảm tác động tích cực của quá trình chuyển đổi số. Để bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả trong bối cảnh mới, cần tập trung đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm hệ thống dữ liệu liên thông giữa các cơ quan quản lý, đồng thời nâng cao nhận thức và đào tạo kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, cần thay đổi phương thức quản lý theo hướng ứng dụng các công nghệ hiện đại như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ số hóa vào quá trình ra quyết định, giúp nâng cao năng lực điều hành và quản lý nhà nước. Nếu được triển khai đồng bộ và hiệu quả, chính quyền điện tử không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình hành chính mà còn tạo ra một môi trường minh bạch, công khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và phục vụ người dân,

doanh nghiệp một cách nhanh chóng, chính xác hơn trong kỷ nguyên số.

Bốn là, sự chênh lệch trong phát triển giữa các địa phương và yêu cầu về phân cấp, phân quyền. Sự chênh lệch trong mức độ phát triển giữa các địa phương là một thực tế khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý nhà nước và việc thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng có nền kinh tế năng động, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, có điều kiện thuận lợi để triển khai các mô hình quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ vào cải cách hành chính và thực hiện chính quyền điện tử một cách hiệu quả²¹. Trong khi đó, các địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, khu vực miền núi hay hải đảo lại gặp nhiều khó khăn về nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, đội ngũ cán bộ còn hạn chế về trình độ, dẫn đến sự chậm trễ trong việc đổi mới bộ máy hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ công²². Sự mất cân đối này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương mà còn tác động đến sự phát triển chung của cả nước, khi khoảng cách giữa các vùng ngày càng gia tăng²³. Để khắc phục thực trạng này, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương có quyền tự chủ cao hơn trong việc ra quyết định và tổ chức bộ máy quản lý theo đặc thù của từng khu vực. Các đô thị lớn với tiềm lực kinh tế

mạnh cần được trao thêm quyền hạn để chủ động triển khai các chính sách phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào chỉ đạo từ trung ương, qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý hành chính công và tận dụng tối đa nguồn lực địa phương. Đồng thời, đối với các vùng kém phát triển, cần có chính sách hỗ trợ phù hợp từ trung ương, bao gồm tăng cường đầu tư hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và cải cách hành chính để thu hẹp khoảng cách với các khu vực phát triển hơn. Việc kết hợp giữa phân cấp mạnh mẽ và cơ chế giám sát hợp lý sẽ giúp các địa phương phát huy tối đa tiềm năng của mình, đồng thời bảo đảm sự đồng đều trong phát triển, hướng tới một nền hành chính hiệu quả, bền vững và phục vụ tốt nhất lợi ích của nhân dân.

Năm là, bài học kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới. Nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện thành công quá trình cải cách bộ máy chính quyền địa phương, từ đó mang lại những bài học quan trọng có thể áp dụng vào thực tiễn tại Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hành chính. Singapore là một trong những quốc gia đi đầu trong việc triển khai chính quyền điện tử, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào hoạt động quản lý hành chính, giúp tinh giản bộ máy và tối ưu hóa quy trình xử lý công việc²⁴. Nhờ vào việc số hóa toàn diện các dịch vụ công, giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà, Singapore đã nâng cao đáng kể hiệu suất làm việc của cơ quan

¹⁹ Minh Duyên, *Chuyển đổi số: Con đường đưa Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới*, <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/chuyen-doi-so-con-duong-dua-viet-nam-but-pha-trong-ky-nguyen-moi-110561>, ngày 09/3/2025.

²⁰ Nguyễn Quốc, *Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân*, <https://www.baobaclieu.vn/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/xay-dung-chinh-quyen-dien-tu-chinh-quyen-so-huong-den-nang-cao-chat-luong-phuc-vu-nguoi-dan-77054.html>, ngày 09/3/2025.

²¹ Châu Thanh Hùng, *Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đô thị: Thực trạng và giải pháp*, <https://tapchixaydung.vn/ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-hoat-dong-quan-ly-do-thi-thuc-trang-va-giai-phap-2020122400013960.html>, ngày 09/3/2025.

²² Vũ Thành, Khánh Toàn, *Khó khăn trong xây dựng nông thôn mới ở các xã vùng sâu, vùng xa*, <https://nhandan.vn/kho-khan-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-cac-xa-vung-sau-vung-xa-post377329.html>, ngày 09/3/2025.

²³ Lê Thị Thu Thủy, *Phát triển Chính quyền điện tử - Những thuận lợi và khó khăn*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/16/phat-trien-chinh-quyen-dien-tu-nhung-thuan-loi-va-kho-khan/>, ngày 09/3/2025.

²⁴ Văn Cường, *Cải cách hành chính tại Singapore*, https://tcnn.vn/news/detail/19056/Cai_cach_hanh_chinh_tai_Singaporeall.html, ngày 09/3/2025.

nhà nước, đồng thời mang lại trải nghiệm thuận tiện hơn cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận dịch vụ công²⁵. Trong khi đó, Nhật Bản lại tập trung vào việc phân quyền mạnh mẽ, trao quyền tự chủ cao hơn cho chính quyền địa phương, giúp họ có thể linh hoạt hơn trong việc ra quyết định, triển khai chính sách phù hợp với đặc thù từng khu vực. Cơ chế này không chỉ giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào chính quyền trung ương mà còn tạo điều kiện để các địa phương phát huy tối đa tiềm năng, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính công²⁶. Thụy Điển đã kết hợp giữa việc tinh giản biên chế với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung đầu tư vào đào tạo chuyên môn và phát triển kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức. Quốc gia này cũng tiên phong trong việc sử dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) để hỗ trợ ra quyết định hành chính, giúp chính quyền địa phương có cái nhìn toàn diện hơn trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách²⁷. Những kinh nghiệm từ các quốc gia này cho thấy rằng, để bộ máy chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả hơn, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm tinh gọn tổ chức, cải thiện chất lượng nhân sự, tăng cường phân quyền hợp lý và đặc biệt là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý hành chính. Việc áp dụng những mô hình này một cách phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam sẽ giúp chính quyền địa phương nâng cao hiệu suất làm việc, cung cấp dịch vụ công tốt hơn, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.



Hình minh họa.

Kết luận

Việc hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số. Trên cơ sở lý luận, việc tổ chức chính quyền địa phương phải bảo đảm tính khoa học, hiệu quả, phù hợp với đặc thù quản lý hành chính công, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc như tinh gọn bộ máy, phân cấp hợp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình. Các quy định pháp lý như Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Đảng đã tạo ra nền tảng quan trọng để định hướng quá trình đổi mới, bảo đảm chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả, phục vụ tốt nhất lợi ích của

nhân dân. Bên cạnh đó, cơ sở thực tiễn cho thấy quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương phải xuất phát từ yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, thực trạng tổ chức hành chính hiện nay, tác động của chuyển đổi số và những bài học kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính là những giải pháp quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương. Quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương không chỉ là một nhiệm vụ mang tính cấp bách mà còn là một chiến lược quan trọng nhằm xây dựng một hệ thống hành chính công hiện đại, minh bạch, hoạt động hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

T.L.H

²⁵ Phạm Văn Nghĩa, *Phát triển chính phủ điện tử hướng đến chính phủ số, kinh nghiệm của Singapore*, <https://ictvietnam.vn/phan-trien-chinh-phu-dien-tu-huong-den-chinh-phu-so-kinh-nghiem-cua-singapore-30408.html>, ngày 09/3/2025.

²⁶ Cát Tường, *Phiên họp thứ 42 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)*, <https://daibieunhandan.dienbien.gov.vn/Article/5585/Kinh-nghiem-ve-to-chuc-va-hoat-dong-chinh-quyen-dia-phuong-cua-Nhat-Ban.html>, ngày 09/3/2025.

²⁷ Phạm Duy, Nguyễn Đức Phong, *Chính sách phát triển nhà nước phúc lợi của Thụy Điển - kinh nghiệm cho Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/07/14/chinh-sach-phat-trien-nha-nuoc-phuc-loi-cua-thuy-dien-kinh-nghiem-cho-viet-nam/>, ngày 09/3/2025.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Anh Tuấn, *Xây dựng chính quyền địa phương theo tư tưởng Hồ Chí Minh - Thực tiễn và những vấn đề đặt ra*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2558>, ngày 09/3/2025.
2. Nguyễn Thị Thu Cúc, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong xây dựng chính quyền*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/823119/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-vai-tro-cua-nhan-dan-trong-xay-dung-chinh-quyen.aspx>, ngày 09/3/2025.
3. Cẩm Hà, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền địa phương*, <https://nhandan.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-chinh-quyen-dia-phuong-post615673.html>, ngày 09/3/2025.
4. Hoàng Vy Hương, *Chính quyền địa phương trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa năm 2013*, <https://vksndtc.gov.vn/van-ban/Pages/van-ban-moi.aspx?ItemID=213>, ngày 09/3/2025.
5. Bích Lan, Nghĩa Đức, *Tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và mục tiêu dài hạn*, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-doan-dai-bieu-quoc-hoi.aspx?ItemID=92593>, ngày 09/3/2025.
6. Sửa Luật Tổ chức chính quyền địa phương: *Tinh gọn bộ máy, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/sua-luat-to-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-tinh-gon-bo-may-dia-phuong-quyet-dia-phuong-lam-dia-phuong-chiu-trach-nhiem-119250212162026131.htm>, ngày 09/3/2025.
7. Phan Phương, *Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tỉnh, gọn, mạnh*, <https://baotintuc.vn/thoi-su/doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-tinh-gon-manh-20250205144317361.htm>, ngày 09/3/2025.
8. Vũ Thanh Nguyên, *Nỗ lực cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số*, https://danang.gov.vn/web/chuyen-doi-so/danh-muc/chi-tiet?_c=100000174&id=61066, ngày 09/3/2025.
9. Võ Công Khởi, *Thực trạng và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương*, <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-trang-va-giai-phap-doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-1149.html>, ngày 09/3/2025.
10. Nguyễn Văn Thôi, *Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay*, <https://tapchicongsan.org.vn/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/846702/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-nang-luc%2C-hieu-qua-quan-tri-dia-phuong-o-viet-nam-hien-nay.aspx>, ngày 09/3/2025.
11. Nguyễn Bích Thủy, *Giải pháp tinh gọn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới*, <https://tcnn.vn/news/detail/67611/Giai-phap-tinh-gon-to-chuc-bo-may-chinh-quyen-dia-phuong-dap-ung-yeu-cau-cua-ky-nguyen-moi.html>, ngày 09/3/2025.
12. Bùi Văn Nguyên, *Cải cách hành chính ở nước ta - Thực trạng và một số đề xuất*, <https://danchuphapluat.vn/cai-cach-hanh-chinh-o-nuoc-ta-thuc-trang-va-mot-so-de-xuat>, ngày 09/3/2025.
13. Trịnh Mai Anh, Vũ Quang Cảnh, *Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy trong hệ thống chính trị “Chìa khóa” để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình*, <https://special.nhandan.vn/Bai-3-Nhung-giai-phap-cap-bach-de-viec-to-chuc-sap-xep-lai-bo-may-dat-duoc-hieu-qua-cao-nhat/index.html>, ngày 09/3/2025.
14. Nguyễn Duy Thăng, *Thực trạng và định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam*, <https://tcnn.vn/news/detail/53227/Thuc-trang-va-dinh-huong-doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-o-Viet-Nam.html>, ngày 09/3/2025.
15. Trương Quốc Việt, *Những hạn chế, bất cập trong tổ chức chính quyền xã và phương hướng hoàn thiện*, <https://tcnn.vn/news/detail/42283/Nhung-han-che-bat-cap-trong-tochucchinhquyen-xa-va-phuong-huong-hoan-thien.html>, ngày 09/3/2025.
16. Ngô Ngân Hà, *Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/09/29/to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>, ngày 09/3/2025.
17. Đặng Minh Châu, *Một số thành tựu của chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước hiện nay*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/27/mot-so-thanh-tuu-cua-chuyen-doi-so-trong-co-quan-nha-nuoc-hien-nay/>, ngày 09/3/2025.
18. Minh Duyên, *Chuyển đổi số: Con đường đưa Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới*, <https://ttdn.vn/nghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/chuyen-doi-so-con-duong-dua-viet-nam-but-pha-trong-ky-nguyen-moi-110561>, ngày 09/3/2025.
19. Nguyễn Quốc, *Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân*, <https://www.baobaclieu.vn/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/xay-dung-chinh-quyen-dien-tu-chinh-quyen-so-huong-den-nang-cao-chat-luong-phuc-vu-nguoi-dan-77054.html>, ngày 09/3/2025.
20. Châu Thanh Hùng, *Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đô thị: Thực trạng và giải pháp*, <https://tapchixaydung.vn/ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-hoat-dong-quan-ly-do-thi-thuc-trang-va-giai-phap-20201224000013960.html>, ngày 09/3/2025.
21. Vũ Thành, Khánh Toàn, *Khó khăn trong xây dựng nông thôn mới ở các xã vùng sâu, vùng xa*, <https://nhandan.vn/kho-khan-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-cac-xa-vung-sau-vung-xa-post377329.html>, ngày 09/3/2025.
22. Lê Thị Thu Thủy, *Phát triển Chính quyền điện tử - Những thuận lợi và khó khăn*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/16/phat-trien-chinh-quyen-dien-tu-nhung-thuan-loi-va-kho-khan/>, ngày 09/3/2025.
23. Văn Cường, *Cải cách hành chính tại Singapore*, https://tcnn.vn/news/detail/19056/Cai_cach_hanh_chinh_tai_Singaporeall.html, ngày 09/3/2025.
24. Phạm Văn Nghĩa, *Phát triển chính phủ điện tử hướng đến chính phủ số, kinh nghiệm của Singapore*, <https://ictvietnam.vn/phat-trien-chinh-phu-dien-tu-huong-den-chinh-phu-so-kinh-nghiem-cua-singapore-30408.html>, ngày 09/3/2025.
25. Cát Tường, *Phiên họp thứ 42 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)*, <https://daibieunhandan.dienbien.gov.vn/Article/5585/Kinh-nghiem-ve-to-chuc-va-hoat-dong-chinh-quyen-dia-phuong-cua-Nhat-Ban.html>, ngày 09/3/2025.
26. Phạm Duy, Nguyễn Đức Phong, *Chính sách phát triển nhà nước phúc lợi của Thụy Điển - kinh nghiệm cho Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/07/14/chinh-sach-phat-trien-nha-nuoc-phuc-loi-cua-thuy-dien-kinh-nghiem-cho-viet-nam/>, ngày 09/3/2025.

RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN LUẬT

TS NGUYỄN THỊ HÀ
NGUYỄN THIÊN BAN, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI*

Tóm tắt: Trước bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cũng như những đòi hỏi khách quan của thị trường lao động, sinh viên luật bên cạnh việc tích lũy kiến thức cần được bồi dưỡng, rèn luyện về kỹ năng nghề nghiệp có liên quan. Nhóm tác giả bài viết phân tích khái quát kỹ năng tranh luận, phản biện; sự cần thiết của kỹ năng này đối với sinh viên luật và đề xuất một số biện pháp rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện cho sinh viên luật hiện nay.

Từ khóa: Kỹ năng tranh luận, kỹ năng phản biện, sinh viên luật.

Abstract: In the context of international integration more and more widely and deeply as well as the objective requirements of the labor market, law students in addition to accumulating knowledge that need to be fostered and trained in related career skills. The authors of the article general analysis of debate and criticism skills; the necessity of this skill for law students and propose some measures to practice debate and criticism skills for law students.

Keywords: Debate and criticism skill, law students.

Khái quát về kỹ năng tranh luận, phản biện đối với sinh viên luật

Đại hội XIII của Đảng xác định mục tiêu: “phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”¹. Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển tiếp sang nền kinh tế tri thức, vai trò của các trường đại học trong sự phát triển nền kinh tế càng trở nên quan trọng. Một trong những thách thức mà các trường đại học nói chung và các cơ sở đào tạo luật nói riêng là cung cấp được đội ngũ cử nhân đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, đòi hỏi khắt khe của thị trường lao động. Đối với ngành luật, trong thời gian gần đây, các cơ sở đào tạo đã tổ chức khá nhiều hình thức để rèn luyện và nâng cao kỹ năng cho sinh viên nói chung, trong đó chú trọng kỹ năng tranh luận, phản biện.

Kỹ năng là khả năng của cá nhân trong việc vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ hoặc giải quyết vấn đề. Kỹ năng có vai trò quan trọng đối với sự thành đạt của mỗi người. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã đưa ra 4 trụ cột của học tập thế kỷ XXI là: “Học để biết; Học để làm; Học để cùng chung sống; Học để làm người”. Trong 4 trụ cột này, có 3 trụ cột là kỹ năng. Ở Việt Nam, thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi cần có nguồn nhân lực chất lượng cao với kỹ năng tốt. Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chia cấu trúc Khung trình độ thành 8 bậc và quy định nội dung của từng bậc. Nội dung của bậc trình độ đại học (bậc 6) được xác định là: “Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng

nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ”². Như vậy, bên cạnh kiến thức và thái độ, kỹ năng là một trong các yêu cầu mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đại học. Kỹ năng được cơ sở đào tạo đại học cam kết với người học và xã hội, được công bố công khai trong quy định về chuẩn đầu ra.

Kỹ năng tranh luận là một trong những kỹ năng rất cần thiết trong pháp luật, tranh luận để thống nhất vấn đề, làm rõ chủ đề, cần đứng ở hai lập trường để biết được điểm sai của ý kiến trái chiều, tranh luận đưa ra ý kiến về vấn đề giúp nhìn nhận vấn đề theo nhiều khía cạnh, hiểu vấn đề sâu sắc hơn. “Tranh luận” là một hình

* Khoa Luật học, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh.

¹ Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023.

² Điểm e khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

thức giao tiếp ngôn ngữ đặc thù trong đời sống và sinh hoạt xã hội - hình thức giao tiếp mang tính đối kháng³. Tranh luận đặt trong hoạt động pháp lý là việc đưa ra những quan điểm đối kháng của các chủ thể nhằm đi đến kết luận phải - trái, đúng - sai của một vấn đề pháp lý dựa trên những quy tắc, luật lệ nhất định. Đây được xem là một kỹ năng quan trọng đối với mỗi sinh viên luật giúp mở rộng, đào sâu vấn đề dưới nhiều góc cạnh khác nhau; là một trong các chìa khóa giúp cho sinh viên luật đi đến thành công trên con đường sự nghiệp hành nghề luật của mình.

Kỹ năng phản biện là khả năng phân tích và đánh giá thông tin đã có theo các cách nhìn khác nhau của vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Đối với sinh viên luật, kỹ năng phản biện là khả năng đào sâu suy nghĩ để nắm vững kiến thức, có tư duy độc lập, suy nghĩ tích cực, đa chiều, phát hiện ra tình huống, mâu thuẫn nảy sinh trong học tập, nghiên cứu, phản bác những nhận thức sai lầm, từ đó đóng góp tích cực cho những hoạt động liên quan đến luật pháp.

Sự cần thiết rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện đối với sinh viên luật

Thứ nhất, hiện nay thị trường lao động nghề luật đang ngày càng mở rộng với vị trí công việc đa dạng và nhu cầu tuyển dụng cao. Bên cạnh các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương tới địa phương; các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ



Hình minh họa.

pháp lý..., sinh viên luật còn có cơ hội rất lớn tại khối doanh nghiệp. Theo số liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến đầu năm 2020, cả nước có gần 800.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Sử dụng phương pháp ước tính, với 800.000 doanh nghiệp, trong đó 2% doanh nghiệp lớn, với nhu cầu nhân sự pháp chế trung bình cho mỗi doanh nghiệp khoảng 10 người thì cần 160.000 nhân sự được đào tạo chuyên ngành luật; còn đối với 98% doanh nghiệp nhỏ và vừa, chỉ cần 1 nhân sự pháp chế cho mỗi doanh nghiệp thì cũng đã cần đến 784.000 nhân sự được đào tạo chuyên ngành luật. Cũng theo Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh, tính riêng trong năm 2022, Việt Nam ước tính sẽ cần tới khoảng 13.500 luật sư, 2.300 thẩm phán, 2.000

công chứng viên, 3.000 chấp hành viên, 300 thẩm tra viên thi hành án dân sự và chuyên viên thừa phát lại⁴. Trước cơ hội và thách thức lớn đó, đòi hỏi các sinh viên luật bên cạnh việc trang bị các kiến thức pháp lý thì cần phải có các kỹ năng phù hợp với môi trường làm việc trong tương lai của mình. Các công việc này tuy có khác nhau về hình thức hành nghề và nơi làm việc nhưng chung quy lại có liên quan đến luật pháp và đều sử dụng người tốt nghiệp luật có kiến thức chuyên môn, có thái độ làm việc nghiêm túc và có kỹ năng cần thiết để hành nghề, trong đó có kỹ năng phản biện, tranh luận.

Nghề luật được coi là một trong những nghề tiêu biểu, thể hiện đầy đủ nhất những đặc trưng của trí tuệ "thép". Là luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, người làm việc trong các cơ quan tư pháp hay tổ chức hành nghề luật, trong cơ

³ TS Lê Thị Hồng Vân, Rèn luyện "kỹ năng mềm" cho sinh viên ngành luật qua việc giảng dạy môn kỹ năng nghiên cứu và lập luận, http://101.53.8.174/hcmulaw/index.php?option=com_content&view=article&id=10364:s-kcb-nckh&catid=309:s-kcb-nckh&Itemid=357, ngày 21/11/2024.

⁴ Thực trạng "khát" nhân lực ngành luật kinh tế của Việt Nam, <http://nganhluatvn.edu.vn/co-hoi-nghe-nghiep/thuc-trang-khat-nhan-luc-nganh-luat-kinh-te-cua-viet-nam/>

quan quản lý nhà nước... khi thực hiện nhiệm vụ, khi tư vấn hay đại diện khách hàng trong các hoạt động thương mại và thủ tục pháp lý..., phải có rất nhiều kỹ năng mềm bên cạnh kiến thức pháp luật thực định. Họ vừa phải có khả năng nắm vững quy định pháp luật, vừa phải có khả năng nắm bắt, đánh giá và xử lý thông tin một cách đúng đắn, chỉ ra được căn cứ thực tiễn với tinh thần phản biện cao mới bảo vệ được pháp luật, bảo vệ được công lý. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết hiện nay là các cơ sở đào tạo ngành luật nói chung và trường đại học đào tạo ngành luật nói riêng cần phải đưa kỹ năng thuyết trình, tranh luận vào trong chương trình đào tạo để thực hiện giảng dạy cho sinh viên, qua đó nâng cao chất lượng đầu ra nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Thứ hai, sinh viên luật hiện nay ra trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập và cải cách tư pháp do một số nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân sự thiếu hụt về kỹ năng nghề nghiệp của các vị trí việc làm. Theo thông tin từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê cho thấy, gần 94% sinh viên mới tốt nghiệp cần được đào tạo lại để có thể đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng và doanh nghiệp⁵. Trong đó, nội dung đào tạo lại phần lớn liên quan đến việc ứng dụng kiến thức thực tiễn và sử dụng kỹ năng mềm, trong đó có kỹ năng giao tiếp, phản xạ, thuyết trình. Theo nghiên cứu từ Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh, doanh nghiệp chỉ dành một phần nhỏ (khoảng 25%) quan tâm đến bằng cấp, trường học của ứng viên;



“Rung chuông vàng pháp luật 2025” là sân chơi rèn luyện cho sinh viên luật.

Ảnh minh họa. Nguồn Internet

doanh nghiệp dành hơn 40% sự quan tâm đến kỹ năng phản xạ, thuyết trình, thái độ của ứng viên khi tuyển dụng⁶. Số liệu này chứng minh mức độ cần thiết của kỹ năng tranh luận, thuyết trình đối với cử nhân luật, đồng thời cũng cho thấy yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động đối với việc trang bị kỹ năng tranh luận cho sinh viên luật.

Thứ ba, việc rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện giúp người làm nghề luật có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết tình huống, mâu thuẫn. Nghề luật phải nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện những tình huống có vấn đề; phải có khả năng kết nối vấn đề trong tính tổng thể; phải nhạy cảm với những dấu hiệu đặc biệt; phải có khả năng nhìn thấy và phân biệt được những nét khác biệt trong sự tương đồng.

Người làm nghề luật cần có khả năng xem xét vấn đề một cách toàn diện từ nhiều mặt, nhiều chiều, nhiều mối quan hệ, nhiều khía cạnh và góc độ để tìm tòi, khám

phá, đặt lại vấn đề theo hướng khác để hiểu được bản chất khách quan sự việc. Người làm nghề luật phải có khả năng suy luận để nhìn thấy được logic bên trong giữa các thông tin, dữ kiện, tình tiết tránh bị nhầm lẫn bởi các dấu hiệu bên ngoài; phải có khả năng suy luận, lập luận dựa trên cơ sở của chứng cứ và lý lẽ cũng như khả năng bảo vệ quan điểm của mình bằng sự lập luận chặt chẽ, phát hiện những sai lầm, thiếu sót trong quan điểm của người khác để phản bác lại.

Một số giải pháp nâng cao kỹ năng tranh luận, phản biện cho sinh viên luật

Nhóm giải pháp đối với các cơ sở đào tạo đại học ngành luật

Thứ nhất, cơ sở đào tạo luật cần quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới và phát triển giáo dục, trong đó có đổi mới chương trình theo hướng tăng cường kỹ năng cho sinh viên luật; chuyển quá trình giáo dục, đào tạo từ trang bị

⁵ Doanh nghiệp đau đầu vì cử nhân “thiếu đủ thứ”, <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/doanh-nghiep-dau-dau-vi-cu-nhan-thieu-du-thu-20181213155835748.htm>

⁶ Kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên luật, <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/3250.ky-nang-mem-can-thiet-cho-sinh-vien-luat.html>

kiến thức sang phát triển kỹ năng, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Các trường cũng cần nhận thức được việc đào tạo ngành luật phải dựa trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động thay cho việc đào tạo một cách chủ quan sẽ bảo đảm chất lượng đầu ra của sinh viên, đẩy mạnh việc đổi mới chương trình theo hướng tăng cường kỹ năng cho sinh viên ngành luật; đào tạo song đôi kết hợp giữa việc trang bị kiến thức sang phát triển kỹ năng, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Nội dung giảng dạy nghiên cứu theo hướng phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và những kỹ năng đòi hỏi của nghề luật trong nước, khu vực và trên thế giới như: kỹ năng giao tiếp, tranh tụng, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng viết và truyền thông, kỹ năng tư vấn pháp luật... Những kỹ năng này giúp các bạn sinh viên có thể nhanh chóng bắt nhịp vào công việc trong tương lai, cũng như là một phần không thể thiếu khi hành nghề luật. Trong chương trình đào tạo, cần xây dựng chuẩn đầu ra của trường bao gồm các tiêu chí về kỹ năng giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tranh luận và các kỹ năng liên quan. Có thể nghiên cứu xây dựng một học phần độc lập về kỹ năng thuyết trình, tranh luận trong chương trình đào tạo cử nhân luật.

Thứ hai, các đơn vị đào tạo cần tăng cường kết nối, mời các chuyên gia nhiều kinh nghiệm công tác tại cơ quan ban hành pháp luật, thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật cũng như các chuyên gia lành nghề trong các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực pháp lý để chia sẻ kiến thức, kỹ năng nghề luật cho sinh viên luật. Nhà trường và các giảng viên phối hợp với các

chuyên gia nghiên cứu mở các lớp về kỹ năng tranh biện pháp lý cho sinh viên. Nhà trường cũng cần kết nối với các tổ chức hành nghề luật, các doanh nghiệp để cho sinh viên thực hiện các chương trình kiến tập, thực tập hoặc hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật. Công tác thực tập của sinh viên cần theo hướng lồng ghép các khóa học thực tế, các chương trình đi tìm hiểu thực tế vào trong suốt quá trình đào tạo thay vì chỉ bố trí cho sinh viên đi thực tập tốt nghiệp cuối khóa như hiện nay để sinh viên có cơ hội vừa củng cố kiến thức vừa quan sát thực tiễn, định hướng và trau dồi, tích lũy kỹ năng nghề nghiệp từ ghế nhà trường. Qua đó nâng cao khả năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết tình huống của sinh viên. Đồng thời tích lũy các kinh nghiệm thực tế phục vụ cho việc học tập tại trường và công tác trong tương lai.

Thứ ba, các trường đại học cần chú trọng thường xuyên xây dựng, tổ chức các cuộc thi như: hùng biện socrates, thanh niên với pháp luật, FDI Moot, Vmoot, phiên tòa giả định... Những hoạt động này là cơ hội học hỏi và rèn luyện kỹ năng phản xạ, tranh luận cho sinh viên. Nhà trường cần kết hợp đẩy mạnh truyền thông, nhằm bảo đảm mọi sinh viên đều có khả năng tiếp cận thông tin về chương trình cũng như các cuộc thi mà trường tổ chức.

Thứ tư, các cơ sở đào tạo ngành luật cần thành lập và phát huy chức năng của trung tâm tư vấn và thực hành nghề luật, bố trí cho tất cả sinh viên tham gia các hoạt động của trung tâm, đặc biệt là các hoạt động thiện nguyện, tư vấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý... Phiên tòa giả định là hoạt động rất hữu ích trong đó các sinh viên luật đóng vai trò là luật sư các bên

trong một vụ án giả định để nghiên cứu, xây dựng các lập luận, viết bài biện hộ, bảo vệ và trình bày các lập luận đó trong hồ sơ vụ việc. Ngoài ra, giảng viên còn có thể tổ chức cho sinh viên đi tham dự các phiên tòa diễn ra trên thực tế với tư cách là người quan sát. Sau khi kết thúc phiên tòa, sinh viên sẽ phải nộp một bản thu hoạch ghi lại diễn biến của phiên tòa, lập luận của các bên, phán quyết của tòa án đồng thời đưa bình luận, đánh giá về phiên tòa.

Thứ năm, các cơ sở đào tạo ngành luật cần khuyến khích sinh viên thành lập và tham gia các câu lạc bộ chuyên sâu như câu lạc bộ thực hành pháp luật, câu lạc bộ luật gia trẻ, câu lạc bộ hùng biện, câu lạc bộ tranh tụng, câu lạc bộ trợ giúp pháp lý... tạo ra các sân chơi để sinh viên có cơ hội thể hiện bản thân, thảo luận, tọa đàm về các nội dung, các đề tài pháp luật, rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện; tổ chức cho sinh viên luật được nghe, semina học thuật, đi thực tế, dự phiên tòa, thi tìm hiểu pháp luật, tổ chức giao lưu giữa các cơ sở đào tạo luật trong các cuộc thi, phối hợp với các địa phương về tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cộng đồng.

Thứ sáu, các cơ sở đào tạo ngành luật cần đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp, phong trào thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ pháp luật. Tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động của đoàn thanh niên, hội sinh viên sao cho đa dạng, phong phú, thích hợp với nhiều đối tượng, sở thích, khả năng khác nhau của sinh viên, qua đó rèn luyện thể chất và kỹ năng phản biện cho sinh viên.

Nhóm giải pháp đối với đối với giảng viên ngành luật

Thứ nhất, giảng viên tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy vừa bảo đảm truyền đạt kiến thức

đồng thời trang bị kỹ năng mềm nói chung và kỹ năng thuyết trình nói riêng cho sinh viên. Trong quá trình giảng dạy của mình, bên cạnh việc giảng lý thuyết, giảng viên cần kết hợp sử dụng các tình huống thực tế như vụ việc hành chính, vụ tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, vụ án hình sự... có liên quan đến bài học để yêu cầu sinh viên phân tích, áp dụng pháp luật giải quyết. Trong mỗi giờ học, giảng viên đưa ra những tình huống pháp luật để sinh viên tranh luận, tự do bày tỏ ý kiến của mình giúp sinh viên mạnh dạn, tự tin trình bày quan điểm và bảo vệ quan điểm của mình. Sinh viên có thể được chia thành hai nhóm, hay những nhóm nhỏ để chuẩn bị sẵn sàng các ý kiến tranh luận cho bên của họ. Cả nhóm sẽ giúp những người được lựa chọn đứng ra thay mặt nhóm tranh luận. Sau đó, cuộc tranh luận bắt đầu và sinh viên biểu quyết ủng hộ hay phản đối quan điểm đưa ra. Thông qua hoạt động tranh luận, sinh viên được rèn luyện kỹ năng tư duy và phản biện.

Thứ hai, giảng viên cần sử dụng bản án trong giảng dạy luật tạo hứng thú cho người học và đạt hiệu quả cao trong rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện. Bên cạnh đó, phương pháp diễn vai (role play) cho sinh viên tham gia diễn những kịch bản giả định liên quan đến một tình huống pháp luật cụ thể cũng là phương pháp hay, kích thích sáng tạo, tư duy và lập luận, phản biện cho sinh viên. Giảng viên không còn đơn thuần đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức mà trở thành người hướng dẫn cho sinh viên, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc nhóm nhỏ để sinh viên tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng một kho tư liệu điện tử các hồ sơ án, án lệ, hợp đồng, thực hiện quy trình, thủ tục qua việc biên soạn và mã hoá của nhóm giảng viên và sinh viên. Đây sẽ là nguồn tham khảo có giá trị cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu, cập nhật thực tiễn pháp lý, nâng cao kỹ năng vận dụng, học tập, thực hành kỹ năng và giải quyết các tình huống pháp lý, từ đó tự tin hơn trong thực tiễn hành nghề.

Nhóm giải pháp đối với sinh viên ngành luật

Thứ nhất, sinh viên ngành luật cần nhận thức được vai trò của kỹ năng phản biện đối với học tập, nghiên cứu hiện tại và sự cần thiết của kỹ năng phản biện đối với hoạt động nghề nghiệp tương lai của người học luật. Vì vậy, sinh viên ngành luật nên dựa trên những khả năng của bản thân, mục tiêu trong tương lai để rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện qua mỗi học phần, mỗi học kỳ và mỗi năm học. Trong quá trình học, sinh viên thường xuyên làm việc theo nhóm, phải thuyết trình tốt trong các buổi thảo luận, có kỹ năng lập luận, phản xạ tốt.

Thứ hai, sinh viên một mặt cần không ngừng trau dồi, tích lũy kiến thức tổng quát về nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp luật chuyên ngành, nắm vững thông tin đa dạng về các lĩnh vực có liên quan... để khi tranh luận thì mình luôn là người chủ động, có thông

tin đầy đủ và chính xác khiến người khác thuyết phục; đồng thời cần chủ động tham gia các hoạt động học tập như thuyết trình, làm việc nhóm, tích cực tham gia những hoạt động, cuộc thi có liên quan đến kỹ năng tranh luận cho sinh viên. Đây là một trong những giải pháp mang lại hiệu quả cao. Khi tham gia những hoạt động trên, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về kỹ năng tranh luận cũng như học hỏi được kinh nghiệm từ thầy cô và các bạn sinh viên khác, từ đó cải thiện và nâng cao kỹ năng tranh luận của bản thân.

Thứ ba, sinh viên cũng cần chủ động tham gia hoạt động ngoại khóa hay hoạt động xã hội của nhà trường. Các hoạt động tư vấn pháp lý hay tuyên truyền phổ biến pháp luật là những hoạt động bổ ích để có cơ hội tìm hiểu, học hỏi, nâng cao kỹ năng tranh luận, phong thái tự tin, chững chạc.

Kết luận

Thị trường lao động nghề luật hiện nay rất đa dạng và năng động, đặt ra những yêu cầu ngày càng cao cho cử nhân ngành luật. Việc rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện cho sinh viên luật là yêu cầu cấp thiết, quan trọng nhằm góp phần đào tạo ra những cử nhân luật vừa có kiến thức, vừa có kỹ năng tốt góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật, đáp ứng các yêu cầu của thế giới việc làm và bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế.

N.T.H - N.T.B - N.T.P.N

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023
2. Nguyễn Thị Hòa, Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học, Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai, số 05/2017, tr. 23-30.
3. Kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên luật, <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/3250.ky-nang-mem-can-thiet-cho-sinh-vien-luat.html>, ngày 21/11/2024.
4. <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/doanh-nghiep-dau-dau-vi-cu-nhan-thieu-du-thu-20181213155835748.htm>, ngày 21/11/2024
5. <http://nganhluatvn.edu.vn/co-hoi-nghiep-nghiep/thuc-trang-khat-nhan-luc-nganh-luat-kinh-te-cua-viet-nam/>, ngày 20/11/2024.

NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ HÀNH VI SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

TS TRẦN THỊ THANH VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU*

Tóm tắt: Tội phạm công nghệ cao tại Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng, diễn biến phức tạp và gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Mặc dù các cơ quan chức năng đã triển khai nhiều giải pháp để ngăn chặn, nhưng tốc độ phát triển của các phương thức phạm tội vẫn vượt xa khả năng kiểm soát. Các đối tượng phạm tội thường có tổ chức mạng lưới liên quốc gia, sử dụng các phương thức tinh vi như lừa đảo qua sàn giao dịch điện tử, thẻ ngân hàng giả, truy cập trái phép vào tài khoản... Thực tế cho thấy, có nhiều người dân trở thành nạn nhân của lừa đảo sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản do sự hiểu biết về vấn đề này còn hạn chế. Bài viết phân tích tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao ở nước ta thời gian qua, thực trạng nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao nhận thức của người dân để phòng tránh loại tội phạm này.

Từ khóa: Tội phạm công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Abstract: High-tech criminals in Vietnam are increasing rapidly, complicated and causing serious consequences. Although the authorities have implemented many solutions to prevent, but the growth rate of criminal methods still far beyond the control. The subjects often organize international network, use sophisticated methods such as fraud through electronic trading platforms, fake bank cards, illegal access to the account ... In fact, many people become victims of fraud using high-tech appropriation of property due to the knowledge of this issue is limited. The article analyzes the situation of criminals using high technology in our country over the past time, the situation of people's awareness about the act of using high technology to appropriate property, thereby proposing solutions to raise people's awareness to prevent this type of crime.

Keywords: High-tech criminals, property appropriation fraud.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, tình trạng tội phạm công nghệ cao đang ngày càng gia tăng. Tình hình tội phạm công nghệ cao trong những năm qua Việt Nam có xu hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ tinh vi, gây ra thiệt hại nghiêm trọng tới nền kinh tế. Dù các cơ quan chức năng đã có nhiều giải pháp nhằm ngăn chặn thiệt hại nhưng tốc độ phát triển của các phương thức phạm tội vượt xa khả năng kiểm soát. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tội phạm này là nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Ví dụ, ngày 21/8/2024, Công an TP. Hà Nội phối hợp cùng Cục Cảnh sát hình sự và Cục An ninh mạng và phòng

chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và Công an TP. Hồ Chí Minh triệt phá một đường dây tội phạm xuyên quốc gia. Nhóm đối tượng hoạt động bằng cách mời gọi đầu tư trên các sàn giao dịch ngoại hối, chứng khoán và cổ phiếu trái phép. Cơ quan điều tra đã khởi tố 18 nghi phạm, tạm giữ 280 máy tính, 20 xe ô tô, tịch thu, phong tỏa số tài sản trị giá hơn 2.000 tỷ đồng. Điều này cho thấy tội phạm không chỉ dừng lại ở việc giả mạo email hay tin nhắn rác thông thường, mà đã xây dựng hệ thống phức tạp với các trang web lừa đảo đa ngôn ngữ, phần mềm độc hại với quy mô mạng lưới liên quốc gia¹.

Theo tâm lý học, nhận thức (cognition) là quá trình con người thu nhận, phản ánh, xử lý, lưu trữ và sử dụng thông tin từ thế giới xung quanh, nhằm hiểu biết và

tương tác với hiện thực khách quan. Còn hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản, là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động an toàn của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử và các thiết bị số khác; xâm phạm đến quyền và lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hành vi trên do người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, thường có kiến thức và kỹ năng trong việc sử dụng công nghệ cao, cố ý thực hiện hành vi bằng cách sử dụng công nghệ cao nhằm chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bằng công cụ, phương tiện là sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử và các thiết bị số khác, người phạm tội có rất nhiều cách thức để thực hiện

* Giảng viên Trường Đại học Kiểm sát; Nhóm nghiên cứu: Phạm Thu Hà, Hoàng Vũ Minh, Nguyễn Thị Thảo Linh, Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Tú Tài.

¹ Minh Hà, *Phong tỏa hơn 2.000 tỷ đồng, khởi tố 18 người dùng công nghệ cao lừa đảo xuyên quốc gia*, <https://vneconomy.vn/phong-toa-hon-2-000-ty-dong-khoi-to-18-nguoi-dung-cong-nghe-cao-lua-dao-xuyen-quoc-gia.htm>, ngày 12/3/2025.

hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Các hành vi đó có thể nhóm thành các hoạt động như sau:

(i) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

(ii) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

(iii) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản; truy cập bất hợp pháp vào tài khoản nhằm chiếm đoạt tài sản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng mã truy cập của người khác mà không được sự cho phép của người đó để truy cập vào tài khoản không phải của mình nhằm chiếm đoạt tài sản.

(iv) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản, sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm tạo niềm tin cho người chủ tài sản, người quản lý tài sản, làm cho họ tưởng là thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó.

(v) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản².

Theo thống kê của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong giai đoạn 2018-2023, trên cả nước, cơ quan điều tra đã khởi tố

4.167 vụ/1.302 bị can, viện kiểm sát nhân dân đã truy tố 499 vụ/1.036 bị can, tòa án nhân dân xét xử 471 vụ/879 bị can. Diễn biến các vụ khởi tố, truy tố và xét xử tăng lên hàng năm, trong đó tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2023. Nếu lấy năm 2018 làm mốc để so sánh sự gia tăng của tình hình tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông được khởi tố thì các năm tiếp theo sự gia tăng so với năm 2018 lần lượt là: năm 2019 tăng 52,15%, năm 2020 tăng 132,52%, năm 2021 tăng 212,88%, năm 2022 tăng 465,03%, năm 2023 tăng 1081,60%.

Như vậy, sau 06 năm tính từ 2018 thì số vụ án trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông được cơ quan điều tra khởi tố đã tăng lên tới 1081,60% cho thấy diễn biến phức tạp của loại tội phạm này. Do đó, nâng cao nhận thức của người dân về hành động vi phạm sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản mang tính cấp thiết trong công tác phòng ngừa và ngăn chặn³.

Theo các chuyên gia của Công ty Công nghệ an ninh mạng quốc gia Việt Nam, nằm trong “top 3” điểm yếu bị tấn công nhiều nhất, điểm yếu con người chiếm tỷ lệ cao nhất (32,6%), theo sau là lỗ hổng của các nền tảng, dịch vụ, phần mềm cài đặt trên máy chủ (27,4%) và điểm yếu cuối cùng là lỗ hổng của website do tổ chức tự phát triển (25,3%). Điểm yếu đến từ con người chiếm tỷ lệ cao và cũng là điểm yếu cần nhiều thời gian để khắc phục⁴. Yếu tố con người chính là điểm yếu để tội phạm sử dụng công nghệ cao khai thác, sự thiếu hiểu biết về các phương thức, thủ đoạn thực hiện của tội phạm công nghệ cao là nguyên nhân cơ bản khiến nhiều người trở thành nạn nhân của hành

vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Xuất phát từ những điều trên, việc nghiên cứu nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản cần thiết và có ý nghĩa.

Thực trạng nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản

Để đánh giá thực trạng nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản, chúng tôi đã thiết kế bảng khảo sát và khảo sát ở 469 người dân trên địa bàn cả nước. Bảng khảo sát gồm 40 mệnh đề, là những vấn đề liên quan đến nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản (mỗi vấn đề gồm 10 mệnh đề), gồm: mức độ hiểu biết, biểu hiện cảm xúc, biểu hiện hành vi và các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của người dân ở thành thị và nông thôn. Mức độ nhận thức của người dân được tìm hiểu bằng thang Likert 5 mức độ (trong đó: 1 - Hoàn toàn không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Bình thường, 4 - Đồng ý, 5 - Hoàn toàn đồng ý). Điểm càng cao càng thể hiện mức độ nhận thức cao của người đó về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Bốn biến số được tạo ra gồm biến tổng hợp và ba biến số về nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản biểu hiện qua các mặt sự hiểu biết, cảm xúc và hành vi, được tính bằng điểm trung bình cộng của các mệnh đề tương ứng trong phiếu khảo sát. Sau đó, dựa vào điểm trung bình chung và độ lệch chuẩn của các điểm số trên của mẫu nghiên cứu, tác giả phân chia mức độ nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản thành ba mức độ. Cụ thể, nhóm

² Phạm Mạnh Hùng, Lại Viết Quang (đồng chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - tập 2)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr.146, 147.

³ Võ Ngọc Khánh Linh, *Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông - Một số nguyên nhân, kiến nghị và giải pháp phòng ngừa*, <https://tkshcm.edu.vn/toi-pham-trong-linh-vuc-cong-nghe-thong-tin-mang-vien-thong-mot-so-nguyen-nhan-kien-nghi-va-giai-phap-phong-ngua/>, ngày 22/3/2025.

⁴ Công ty Công nghệ an ninh mạng quốc gia Việt Nam (NCS), *Báo cáo Tổng kết an ninh mạng Việt Nam năm 2023 và dự báo 2024*.

người dân có mức độ nhận thức cao về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản khi có điểm trung bình từ 4,5 điểm đến 4,93 điểm; nhóm người dân có mức độ nhận thức khá về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản khi có điểm trung bình từ 3,2 đến 4,4 điểm; nhóm người dân có mức độ nhận thức thấp về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản khi có điểm trung bình từ 1,9 đến 3,1 điểm. Các kết quả tính toán của nghiên cứu được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học với phần mềm SPSS 27.

Kết quả cụ thể về nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản cho thấy điểm trung bình chung nhận thức của người dân trải dài từ 1,9 đến 4,93 điểm. Ở hai điểm mút hai đầu, điểm thấp nhất và điểm cao nhất chiếm tỷ lệ không nhiều. Bên cạnh đó, biểu đồ cho thấy phần lớn người dân có mức nhận thức dao động từ 3,2 đến 4,4 điểm với đỉnh tần suất rơi vào khoảng 3,8 điểm, cho thấy nhiều người đã có hiểu biết khá rõ về các hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, ở hai đầu của biểu đồ vẫn tồn tại một nhóm nhỏ có nhận thức thấp (1,9 đến 3,1 điểm) chiếm 12,6% và nhận thức cao (từ 4,5 đến 4,93 điểm)

chiếm 16,4%. Nhóm có nhận thức thấp chiếm tỷ lệ không lớn nhưng đáng lưu ý, vì họ có thể trở thành đối tượng dễ bị tấn công nhất do thiếu thông tin và kỹ năng nhận diện các chiêu trò lừa đảo tinh vi. Như vậy, phần lớn người dân đã có nhận thức khá tốt về hành vi sử dụng công nghệ cao nhằm chiếm đoạt tài sản.

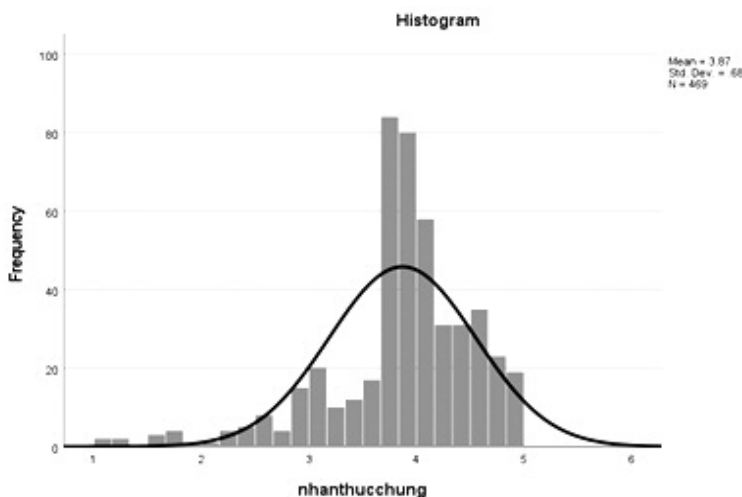
Nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản còn được thể hiện cụ thể ở các mặt: sự hiểu biết, cảm xúc và hành vi của người dân.

Về sự hiểu biết, người dân nhận thức rõ mức độ đe dọa từ hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản, đa số đồng tình rằng tội phạm công nghệ cao tiềm ẩn nguy cơ cao, đặc biệt là hành vi lừa đảo trên không gian mạng có thể xảy ra với bất kỳ ai. Họ nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của hành vi này không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn đến xã hội và quốc gia, bao gồm các tác động kinh tế, xã hội và pháp lý. Người dân đã nắm được các phương thức lừa đảo phổ biến như phishing, ransomware và giả mạo tài khoản, cách nhận diện các dấu hiệu xâm nhập bất hợp pháp vào tài khoản... Hiểu rõ sự quan trọng của phương thức bảo mật cá nhân như sử dụng mật khẩu mạnh

và xác thực hai yếu tố. Mặc dù người dân nhận thức về trách nhiệm pháp lý khá cao, vẫn tồn tại một số cá nhân chưa nhận thức được mức độ nghiêm trọng của tội phạm công nghệ cao và chưa sẵn sàng tố giác khi trở thành nạn nhân.

Về cảm xúc, phần lớn người dân đều có cảm xúc đồng cảm, thương xót với nạn nhân của hành vi trên, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức đấu tranh chống tội phạm của họ ở mức cao. Người dân có sự hào hứng, nhiệt tình, nghiêm túc khi tham gia các buổi tập huấn về an toàn thông tin cho người dùng để chuẩn bị tâm lý khi gặp phải những đối tượng có hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Đây là một biểu hiện của mặt cảm xúc tích cực. Một số cá nhân dù đã được tập huấn, trang bị những kiến thức, kỹ năng để phòng ngừa hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản nhưng gặp phải hành vi này họ vẫn còn lúng túng, lo lắng khi khó có thể áp dụng được các biện pháp phòng ngừa. Theo Lê Lan Chi, sợ hãi tội phạm với tính chất một hiện tượng tâm lý xã hội là cảm nhận chung của số đông nhiều cá nhân mang tính lây lan và ít nhiều bị chi phối bởi hiệu ứng số đông⁵. Cảm xúc lo lắng gia tăng xuất phát từ việc họ đã có nhận thức về mặt hậu quả của loại tội phạm đó. Đây là những cảm nhận chủ quan của cá nhân nhưng cũng chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khách quan như mức độ phổ biến của tội phạm trong xã hội, truyền thông đại chúng, trải nghiệm cá nhân, cũng như các biện pháp phòng ngừa tội phạm do chính quyền thực hiện.

Về mặt hành vi, người dân nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin cá nhân và có hành động thu thập thông tin, chứng cứ để trình báo với cơ quan chức năng. Theo khảo sát, người dân có mức độ cao nhất trong hành vi chủ động



Biểu đồ 1. Nhận thức chung về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản.

⁵ Lê Lan Chi (2016), *Nhận diện hiện tượng sợ hãi tội phạm trong xã hội hiện đại*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học tập 32 (4), tr. 9.

kiểm tra tài khoản và tài sản số để phát hiện thiệt hại. Đa số chủ động thực hiện các hành vi bảo mật như sử dụng mật khẩu phức tạp, từ chối tham gia các giao dịch rủi ro và kiểm tra tính xác thực của website, nhằm bảo vệ tài sản và thông tin cá nhân. Tuy nhiên, một số người vẫn sử dụng một mật khẩu cho nhiều tài khoản cá nhân do sự thuận tiện và dễ nhớ mặc dù họ nhận thức được nguy cơ của tội phạm công nghệ cao. Khi đối mặt với các tình huống lừa đảo, như cuộc gọi yêu cầu cung cấp mã OTP để xác minh tài khoản, phần lớn người tham gia khảo sát chọn từ chối và báo cáo. Ở một tình huống phức tạp hơn, khi nhận được cuộc gọi video Deepfake giả mạo người thân bị bắt cóc, phản ứng của họ có phần thận trọng nhưng chưa thực sự tốt, do khó phân biệt tính chân thực “thật - giả” của công nghệ này. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù người dân đã có ý thức cảnh giác nhất định, nhưng họ vẫn chưa hoàn toàn tự tin trong việc xử lý các tình huống lừa đảo phức tạp, đòi hỏi sự phản ứng nhanh trong một khoảng thời gian ngắn.

Những hạn chế và nguyên nhân của nó trong nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản

Thứ nhất, nhận thức của người dân còn kém, nhận thức chung ở mức khá, phản ứng trước hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản chưa tốt. Theo số liệu nghiên cứu, có 12,6% người dân được khảo sát có nhận thức thấp (điểm 1,9 - 3,1 điểm), nhận thức chung chỉ ở mức khá (điểm trung bình = 3,87 điểm), người có nhận thức thấp thường ở nhóm người dưới 18 tuổi và 35 - 60 tuổi; so sánh về giới tính, nữ giới có điểm trung bình nhận thức cao hơn nam. Bên cạnh đó, nhiều người dân mặc dù đã được tập huấn nhưng

vẫn là nạn nhân của tội phạm.

Nguyên nhân là nhiều người dân không nắm vững kiến thức về an ninh mạng, không biết cách nhận diện các hình thức sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản nên dễ mắc bẫy của tội phạm. Họ không biết cách bảo vệ thông tin cá nhân hoặc thiếu cảnh giác khi bị tấn công, dẫn tới dễ trở thành nạn nhân. Về thái độ, một bộ phận người dân còn chủ quan, thiếu cảnh giác, tin rằng mình đủ thông minh để không mắc bẫy từ những hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Theo nghiên cứu của Nicholas Patterson và cộng sự, một số kiến thức thực tế về hành vi sử dụng máy tính sai cách của tội phạm mà người dân tiếp cận được phải dựa trên các góc độ tâm lý cụ thể..., việc thiếu hiểu biết và cảnh giác của người dùng tạo điều kiện cho các hoạt động tội phạm mạng phát triển⁶. Về hành vi, người dân có phần thận trọng trước hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản nhưng phản ứng chưa tốt. Nhiều nạn nhân nghĩ rủi ro sẽ không lặp lại, một số thì rơi vào trạng thái sợ hãi, tránh né thông tin về an ninh mạng để không nhớ lại trải nghiệm tiêu cực.

Thứ hai, người dân chưa có điều kiện tham gia tập huấn hoặc đã tham gia tập huấn nhưng vẫn trở thành nạn nhân của tội phạm công nghệ cao. Có hơn 50% người tham gia khảo sát sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, tuy nhiên số lượng người dân ở đây tham gia tập huấn thấp hơn nhiều so với người ở thành thị. Khó khăn này xuất phát từ chiến lược giáo dục an ninh mạng chưa bài bản, chưa đa dạng đối tượng tiếp cận, đặc biệt là các nhóm yếu thế như trẻ vị thành niên, người cao tuổi, dân tộc thiểu số, hoặc người dân vùng sâu vùng xa; truyền thông và giáo dục cộng đồng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Phần lớn việc giáo dục cộng đồng vẫn dựa

vào các kênh truyền thống (truyền hình, báo in) và chưa tận dụng tối đa các kênh kỹ thuật số, mạng xã hội để tiếp cận đa dạng đối tượng người dùng. Các chiến dịch tuyên truyền hiện nay chủ yếu tập trung vào đô thị và phát động qua kênh trực tuyến - vốn không phù hợp và có tính khả thi đối với nhóm ít tiếp cận internet.

Thứ ba, nhận thức về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản còn bị động. Công nghệ cao và ứng dụng của công nghệ đang có những bước tiến tích cực cả về số lượng và chất lượng, song hành cùng sự phát triển đó là sự biến hóa không ngừng về thủ đoạn của tội phạm sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Chỉ trong năm 2024, lực lượng chức năng đã ngăn chặn truy cập trên 23.500 trang mạng, tài khoản mạng xã hội có hành vi vi phạm pháp luật; khởi tố 1.521 vụ, 658 đối tượng phạm tội, và đang có xu hướng tăng dần cả về số lượng và phương thức phạm tội⁷. Tội phạm công nghệ cao liên tục sử dụng các phương thức mới như deepfake giả mạo người thân, mã độc AI... hay thậm chí là các thủ đoạn mà những nhà chức trách, nghiên cứu cũng không thể lường trước được. Điều này khiến cho người dân, cơ quan chức năng luôn ở thế bị động, công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm công nghệ cao gặp nhiều khó khăn.

Thứ tư, người dân chưa nắm rõ quy trình tố giác vì quy trình còn phức tạp, khó khăn và khó tiếp cận nạn nhân. Phòng vấn một số ý kiến tham gia khảo sát với câu hỏi “Anh/chị hãy chia sẻ lý do không báo cáo hành vi của tội phạm”, nhiều người tham gia khảo sát đã chia sẻ về các mối lo ngại về quy trình phức tạp, tốn thời gian, tiền bạc, công sức và nghi ngờ về khả năng xử lý hậu quả. Mặc dù đã xuất hiện các chương trình, dự án, phòng

⁶ Nicholas Patterson, Michael Hobbs, Frank Jiang và Lei Pan (2019), *Cyber security insights into selfproclaimed virtual world hackers*, School of Information Technology, Deakin University, Geelong, Australia, tr. 74.

⁷ Hoàng Chung, *Tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng với nhiều phương thức, thủ đoạn mới*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/toi-pham-cong-nghe-cao-tiep-tuc-gia-tang-voi-nhieu-phuong-thuc-thu-doan-moi-804553> ngày 09/03/2024

ban, tổ chức tiếp nhận và đường dây nóng (hotline) giúp cho người dân thuận tiện trong việc tố cáo các hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên, khả năng tiếp cận của các hoạt động trên đến những người thật sự cần còn hạn chế. Hoạt động tiếp nhận còn rườm rà, nhiều thủ tục giấy tờ, người dân đến trình báo phải chờ đợi lâu, hoặc phải cung cấp nhiều chứng cứ tài liệu chưa được chuẩn bị sẵn, gây tốn thời gian và thậm chí là tiền bạc. Các kênh tố giác trực tuyến đã được phát triển, tuy nhiên chưa được thiết kế tối ưu cho người dùng, chưa được quảng cáo, phổ biến rộng rãi, phù hợp đến từng đối tượng.

Thứ năm, hạn chế trong việc quản lý nhà nước. Trước hết, trình độ cán bộ chuyên trách còn hạn chế. Là những người tiếp xúc trực tiếp với công dân, nhưng trình độ công nghệ thông tin của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế nên gặp nhiều khó khăn trong việc phát hiện, xử lý tội phạm công nghệ cao; việc sử dụng chứng cứ điện tử chưa thuần thục, còn lúng túng; chưa được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng thu giữ, bảo quản phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử; phân tích, chuyển hóa chứng cứ điện tử, kỹ năng sử dụng chứng cứ điện tử để chứng minh tội phạm... Điều này làm giảm đi uy tín của cơ quan nhà nước, khiến cho người dân mất niềm tin dẫn đến nhận thức của người dân về hoạt động trên trở nên tiêu cực hơn. Ngân sách đầu tư cho nghiên cứu công nghệ phòng ngừa và xử lý, đối phó loại tội phạm này còn hạn chế, dẫn đến việc triển khai các giải pháp bảo mật chưa đồng bộ. Cơ sở vật chất còn sơ sài, chưa hiện đại, chưa tích hợp các công nghệ kịp thời tại các cơ quan nhà nước, các văn phòng, ban, cơ sở cần thiết. Hành lang pháp lý chưa có tính hoàn thiện cao, vẫn còn xuất hiện sự bất đồng quan điểm trong việc xác định tội danh (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại Điều 290

và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174 Bộ luật Hình sự về đối tượng lừa đảo theo phương thức truyền thống nhưng có sử dụng công nghệ cao). Các quy định xử lý vụ án hình sự vẫn dựa trên phương pháp điều tra truyền thống, trong khi môi trường mạng đòi hỏi công cụ số hóa và phân tích dữ liệu lớn. Chưa có cơ chế pháp lý về sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan công quyền, ngân hàng, nhà mạng và tổ chức tài chính.

Giải pháp nâng cao nhận thức của người dân về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản

Thứ nhất, người dân cần tự nâng cao kiến thức, kỹ năng và chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân trước những hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Tích cực tham gia các khóa đào tạo về an ninh mạng; chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân như thói quen sử dụng mật khẩu mạnh, hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân, cẩn trọng với các đường link lạ, kiểm tra thường xuyên các tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng với các giao dịch có dấu hiệu bất thường... Luôn chủ động hợp tác với các cơ quan chức năng và tổ chức bảo mật có liên quan; đồng thời mỗi người dân là một tuyên truyền viên, chia sẻ kiến thức về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản cho mọi người xung quanh. Mỗi người dân cần hình thành thói quen sử dụng mật khẩu mạnh để bảo vệ các tài khoản của mình, nên thiết lập mật khẩu dưới dạng tổ hợp giữa chữ hoa, chữ thường, chữ số và ký tự đặc biệt. Đồng thời thay đổi mật khẩu định kỳ và kích hoạt phương thức xác thực hai yếu tố (2FA), tránh chia sẻ tài khoản cá nhân cho người khác, hạn chế công khai thông tin cá nhân, cẩn thận trọng với các đường dẫn, tập tin đính kèm không rõ nguồn gốc. Luôn bình tĩnh, chủ động và ổn định tinh thần khi nhận thấy có dấu hiệu của hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản để chuẩn bị hướng xử lý kịp thời.

Thứ hai, các cơ quan chức năng cần thúc đẩy mạnh mẽ trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và xây dựng chiến lược giáo dục, tập huấn về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Công tác giáo dục hiện đang được thực hiện có hiệu quả khi đa số người dân có nhận thức khá tốt về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản. Việc giáo dục và truyền thông phổ biến kiến thức về hành vi sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản từ sớm không chỉ giúp người dân giảm thiểu nguy cơ trở thành nạn nhân của hành vi này, mà còn có thể lan tỏa nhận thức ra cộng đồng, góp phần xây dựng một xã hội an toàn hơn. Bên cạnh đó, cần mở rộng tập huấn tập trung vào các nhóm tuổi dưới 18 và 35-60 tuổi thông qua hội thảo cộng đồng, ứng dụng di động hoặc video hướng dẫn trực quan. Cơ quan chức năng cần đa dạng, sáng tạo các hình thức, thời điểm, phương pháp tuyên truyền, ứng dụng công nghệ và phát động tuyên truyền trên các nền tảng số. Cập nhật và điều chỉnh giao diện các website, Zalo, Facebook, Tiktok,... được sử dụng làm phương tiện phổ biến kiến thức giáo dục phải được thiết kế trực quan, dễ tiếp cận, nhằm tuyên truyền giúp người dân dễ dàng cập nhật được tin tức về tình hình, kiến thức, kỹ năng đối với phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản.

Thứ ba, cải thiện quy trình báo cáo, tố giác tội phạm. Đối với cơ sở tiếp nhận thông tin tội phạm trực tiếp, cần đơn giản hóa quy trình báo cáo, mở rộng về số lượng các cơ quan tiếp nhận sao cho thuận lợi nhất cho người dân. Đối với quy trình báo cáo trực tuyến, đây là một công thông tin cần được chú trọng phát triển hơn trong tương lai với giao diện thân thiện, trực quan, dễ tiếp cận và có cơ chế bảo mật, an toàn thông tin cho người dân. Công thông tin này phải được quảng bá rộng rãi, cho phép người dân dễ dàng tố giác qua SMS, email hoặc

ứng dụng di động. Ngoài ra, cơ quan chức năng có thể công khai tiến độ xử lý các vụ việc trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Chẳng hạn, mô hình “Cyber Crime Portal” của Ấn độ đã công khai xử lý 85% tin báo trong vòng 48 giờ (Interpol, 2021) để người dân dễ dàng theo dõi và nắm bắt thông tin, nâng cao tính minh bạch và củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật, giúp người dân cảm thấy yên tâm, từ đó tích cực tham gia hơn vào việc cung cấp thông tin, tố giác tội phạm.

Thứ tư, Chính phủ nên tăng ngân sách để đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ. Để hoạt động của các cơ quan chuyên môn có hiệu quả, đảm bảo ứng dụng và có giá trị trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn, thiết yếu phải có trang

thiết bị hiện đại, phần mềm chuyên dụng để điều tra, phân tích và xử lý các chứng cứ kỹ thuật số. Việc đào tạo kiến thức và kỹ năng về tin học, ngôn ngữ cho các cán bộ của cơ quan chuyên môn cũng vô cùng quan trọng. Tội phạm càng trở nên phát triển nhanh về phương thức và cả quy mô quốc tế, vậy nên, cán bộ chuyên trách phải có được đào tạo, học tập theo yêu cầu của thời đại dưới sự chỉ đạo, chủ trương đầu tư phát triển nguồn nhân lực của Nhà nước.

Thứ năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần tiếp tục rà soát, tổng kết, xây dựng, củng cố, hoàn thiện hành lang pháp lý, quy định chặt chẽ, thống nhất. Đối với quy định về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm

đoạt tài sản tại Điều 290 cần có sự tách bạch với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 về đối tượng lừa đảo theo phương thức truyền thống nhưng có sử dụng công nghệ cao. Việc áp dụng quy định tại điều luật nào để xác định tội danh đối với các trường hợp này trên thực tế cũng còn quan điểm trái chiều⁸, có địa phương áp dụng điều 174 để xét xử nhưng địa phương khác lại áp dụng Điều 290. Bổ sung, hoàn thiện thêm các quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ cao và các cơ quan chức năng cần tham mưu cho Chính phủ ban hành đầy đủ nghị định để hướng dẫn thực hiện Luật Giao dịch điện tử, Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Công nghệ thông tin...⁹

T.T.T

Tài liệu tham khảo

1. Minh Hà, *Phong tỏa hơn 2.000 tỷ đồng, khởi tố 18 người dùng công nghệ cao lừa đảo xuyên quốc gia*, <https://vneconomy.vn/phong-toa-hon-2-000-ty-dong-khoi-to-18-nguoi-dung-cong-nghe-cao-lua-dao-xuyen-quoc-gia.htm>, ngày 12/3/2025.
2. Phạm Mạnh Hùng, Lại Viết Quang (đồng chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - tập 2)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr.146, 147.
3. Võ Ngọc Khánh Linh, *Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông - Một số nguyên nhân, kiến nghị và giải pháp phòng ngừa*, <https://tkshcm.edu.vn/toi-pham-trong-linh-vuc-cong-nghe-thong-tin-mang-vien-thong-mot-so-nguyen-nhan-kiem-nghi-va-giai-phap-phong-ngua/>, ngày 22/3/2025.
4. Công ty Công nghệ an ninh mạng quốc gia Việt Nam (NCS), *Báo cáo Tổng kết an ninh mạng Việt Nam năm 2023 và dự báo 2024*.
5. Lê Lan Chi (2016), *Nhận diện hiện tượng sớ hãi tội phạm trong xã hội hiện đại*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học tập 32 (4), tr. 9.
6. Nicholas Patterson, Michael Hobbs, Frank Jiang và Lei Pan (2019), *Cyber security insights into selfproclaimed virtual world hackers*, School of Information Technology, Deakin University, Geelong, Australia, tr. 74.
7. Hoàng Chung, *Tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng với nhiều phương thức, thủ đoạn mới*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/toi-pham-cong-nghe-cao-tiep-tuc-gia-tang-voi-nhieu-phuong-thuc-thu-doan-moi-804553>, ngày 09/3/2024.
8. Bùi Thảo, *Sử dụng phương tiện điện tử chiếm đoạt tài sản: Còn vướng mắc trong nhận thức và định tội danh*, <https://vksndthai Binh.gov.vn/Article/4616/Su-dung-phuong-tien-dien-tu-chiem-doat-tai-san-Con-vuong-mac-trong-nhan-thuc-va-dinh-toi-danh.html>, ngày 10/3/2025.
9. Cao Anh Đức, *Tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam trong thời gian qua và giải pháp phòng ngừa*, Tạp chí Kiểm sát, số 10/2016.
10. Bùi Thị Liên, Nguyễn Hữu Đức (2024), *Đặc điểm tâm lý nạn nhân của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng và phương hướng phòng ngừa*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, tr. 334.
11. Nguyễn Quang Uẩn, *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, tr. 67.
12. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng, 2003, tr. 710.
13. Gary Cordner (n.d.), *Reducing Fear of Crime - Strategies for Police*, tr. 3.
14. Economic Impact of Cybercrime - No Slowing Down (2018), February.

⁸ Bùi Thảo, *Sử dụng phương tiện điện tử chiếm đoạt tài sản: Còn vướng mắc trong nhận thức và định tội danh*, <https://vksndthai Binh.gov.vn/Article/4616/Su-dung-phuong-tien-dien-tu-chiem-doat-tai-san-Con-vuong-mac-trong-nhan-thuc-va-dinh-toi-danh.html>, ngày 10/3/2025.

⁹ Cao Anh Đức, *Tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam trong thời gian qua và giải pháp phòng ngừa*, Tạp chí Kiểm sát, số 10/2016.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG KHI MUA SẮM QUA MẠNG XÃ HỘI*

BÙI MINH CHÂU, LÊ HỒNG MINH**

Tóm tắt: Kinh doanh qua mạng xã hội (social commerce) tuy mới xuất hiện trong vài thập kỷ gần đây như là một hình thức kinh doanh mới, nhưng đã nhận được nhiều sự quan tâm và đang dần trở nên phổ biến. Quản lý các hoạt động kinh doanh qua mạng xã hội để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt ở Việt Nam hiện nay, trong bối cảnh các nền tảng mạng xã hội ngày càng được phổ biến và các quốc gia trên toàn thế giới đang từng bước thúc đẩy phát triển thị trường thương mại điện tử. Từ việc khái quát, phân tích pháp luật về kinh doanh qua mạng xã hội, các tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh qua mạng xã hội.

Từ khóa: Kinh doanh, mạng xã hội, bảo vệ người tiêu dùng.

Abstract: Business via social networks, although it has just appeared in some recent decades as a new form of business, has received a lot of attention and is gradually becoming popular. Managing business activities via social networks to protect consumers' interests is the topic that attracts special attention in Vietnam today, in the context of increasingly popular social networking platforms and countries around the world are gradually promoting the development of the e-commerce market. From the generalization and analysis of law for business via social networks, the authors propose a number of solutions to complete the provisions of Vietnamese law on business via social networks.

Keywords: Business, social networks, consumer protection.

Đặt vấn đề

Khái niệm “social commerce” hay “kinh doanh qua mạng xã hội” lần đầu tiên được đưa ra bởi Yahoo! (2005)¹ chỉ hình thức kinh doanh kết hợp mạng xã hội (social network) và thương mại điện tử (e-commerce) để thúc đẩy trao đổi hàng hóa trực tuyến. Hình thức kinh doanh này cho phép các chủ thể phân phối hàng hóa, dịch vụ khai thác hiệu quả mạng lưới kết nối rộng lớn của mạng xã hội để thiết lập mối quan hệ với khách hàng, mở rộng thị trường phân phối. Theo số liệu từ Metric (nền tảng số liệu thương mại điện tử), thống kê trên phạm vi năm sàn thương mại điện tử nổi bật nhất tại Việt Nam là Shopee, Lazada, Tik Tok Shop, Tiki, và Sendo, trong nửa đầu năm 2024, Tik Tok Shop - một tính năng thương mại điện tử được tích hợp

trong nền tảng mạng xã hội đến từ Trung Quốc - Tik Tok đã chiếm 23,2% thị phần doanh số của các sàn thương mại điện tử Việt Nam (đạt doanh thu khoảng 18.360 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, dữ liệu cũng ghi nhận sự tăng trưởng doanh số lên tới hơn 110% của nền tảng này ở một số quý so với cùng kỳ năm ngoái. Sự vươn lên mạnh mẽ của Tiktok là minh chứng cho sự phát triển của loại hình kinh doanh mới này. Tốc độ phát triển chóng mặt và độ phủ sóng của mô hình này đem lại nhiều cơ hội và lợi nhuận khổng lồ cho các chủ thể kinh doanh nhưng bên cạnh đó cũng là những nguy cơ tiềm ẩn gây ảnh hưởng tới người tiêu dùng như lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng... Do vậy, việc xây dựng quy định pháp luật chi tiết, hợp lý để nâng cao và bảo vệ

quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực này là rất cần thiết.

Khái quát về kinh doanh qua mạng xã hội

Mới xuất hiện trong hai thập kỷ trở lại đây, thuật ngữ “kinh doanh qua mạng xã hội” chưa được định nghĩa nhất quán bởi khái niệm này liên quan tới nhiều phương diện nên có các cách định nghĩa khác nhau đề xuất bởi các quan điểm khác nhau. Trong các nghiên cứu, một số tác giả sử dụng các thuật ngữ khác thay thế cho khái niệm này như mua sắm qua mạng xã hội (social shopping), tiếp thị truyền thông xã hội (social network marketing)...² Pháp luật Việt Nam cũng như các nước trên thế giới chưa có quy định cụ thể định nghĩa cho khái niệm “kinh doanh qua mạng xã hội”. Bài viết phân tích khái niệm

• Bài viết trích từ đề tài nghiên cứu khoa học “Pháp luật về kinh doanh qua mạng xã hội ở Việt Nam” 2025, Trường Đại học Luật Hà Nội.

•• Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Yahoo! Shopping (2005); Social Commerce via the Shoppisphere & Pick Lists; <https://web.archive.org/web/20100123163635/http://www.ysearchblog.com/2005/11/14/social-commerce-via-the-shoppisphere-pick-lists/>; ngày 06/9/2024.

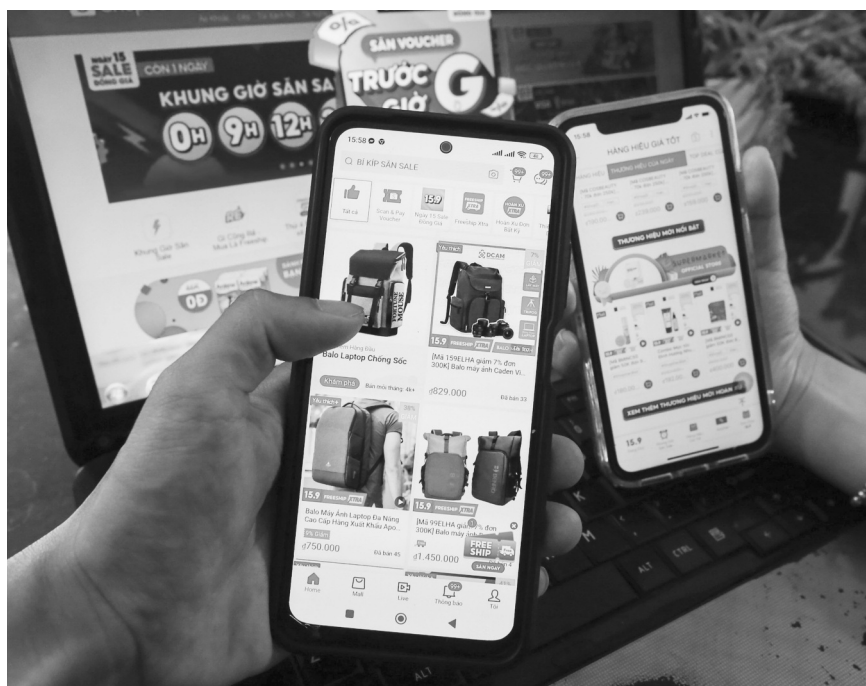
² R. G. Curty, P. Zhang (2013), *Website features that gave rise to social commerce: a historical analysis*, Electronic Commerce Research and Applications 12, tr. 260-279.

này kết hợp từ định nghĩa “mạng xã hội” và “kinh doanh”.

Một trong những định nghĩa sớm nhất của “kinh doanh qua mạng xã hội” (social commerce) được đưa ra bởi một nhóm nghiên cứu Trung Quốc vào năm 2010: “Một phương pháp thương mại điện tử mới kết hợp mạng xã hội vào việc mua sắm” (combining social networking with shopping)³. Nhóm nghiên cứu này cho rằng kinh doanh qua mạng xã hội bao gồm hai thành tố: thương mại điện tử và nền tảng mạng xã hội.

Đến năm 2013, một bài viết trên Tạp chí Electronic Commerce Research and Applications đã định nghĩa như sau: “Một ứng dụng thương mại dựa trên internet, tận dụng các nền tảng mạng xã hội và các công nghệ web 2.0 để hỗ trợ tương tác xã hội và cung cấp các nội dung do người dùng tạo ra nhằm hỗ trợ khách hàng đưa ra quyết định và tăng khả năng mua lại sản phẩm, dịch vụ trong các thị trường và cộng đồng trực tuyến”⁴. So với định nghĩa của nhóm nghiên cứu Trung Quốc năm 2010, định nghĩa này chỉ ra 4 thành tố tạo nên kinh doanh qua mạng xã hội là: thương mại điện tử, nền tảng mạng xã hội, web 2.0 và hoạt động xã hội (social activities - như là tương tác xã hội, các nội dung do người dùng tạo ra...).

Dựa trên cơ sở các định nghĩa của “mạng xã hội” và “kinh doanh” nêu trên, các tác giả đưa ra định nghĩa về kinh doanh qua mạng xã hội như sau: “Kinh doanh qua mạng xã hội là một loại hình cung ứng sản phẩm trên nền tảng các trang mạng xã hội, trong đó người bán sử



Hình minh họa.

dụng các nền tảng mạng xã hội như một công cụ để sản phẩm, dịch vụ của họ tiếp cận được tới người mua nhằm mục đích sinh lợi”.

Là cơ hội mới phát triển cho thị trường thương mại điện tử, tuy nhiên kinh doanh qua mạng xã hội vẫn hàm chứa những bất cập cần phải giải quyết, nhất là các vấn đề ảnh hưởng tới người tiêu dùng. Trong các giao dịch qua mạng xã hội, người bán và người mua sẽ không gặp nhau trực tiếp, người mua không thể tự mình đánh giá chất lượng sản phẩm một cách chính xác, việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ cũng gặp khó khăn. Bên cạnh đó, còn tồn tại những khó khăn trong quản lý và kiểm soát các mạng xã hội xuyên biên giới, dẫn đến các vấn đề vi phạm quyền lợi người tiêu dùng chưa được xử

lý. Tại Việt Nam, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (thuộc Bộ Công thương) ghi nhận trung bình mỗi năm, đơn vị này tiếp nhận và xử lý từ 500 - 2.000 khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến các giao dịch online, trong đó số lượng khiếu nại về hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc, hàng hóa vi phạm sở hữu trí tuệ... có xu hướng ngày càng gia tăng⁵. Bên cạnh đó, theo khảo sát của nhóm nghiên cứu, có xấp xỉ 80% người dùng gặp vấn đề với chất lượng hàng hóa, 40% gặp vấn đề với dịch vụ vận chuyển và 25% gặp vấn đề với rò rỉ thông tin cá nhân. Do vậy, việc xây dựng hành lang pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là rất cần thiết, nhất là khi tốc độ phát triển và phủ sóng của mô hình kinh doanh qua mạng xã hội đang tăng “chóng mặt”.

³ K.L.Hsiao, J.C.C.Lin, X.Y.Wang, H.P.Lu, H.Yu (2010), *Antecedents and consequences of trust in online product recommendations: An empirical study in social shopping*; Online Information Review 34, tr.935-953.

⁴ Z.Huang, M.Benyoucef (2013), *From e-commerce to social commerce: A close look at design features*, Electronic Commerce Research and Applications 12, tr.246-259.

⁵ Yến Nhung, *Hoàn thiện pháp lý bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử*, <https://diendanodoanhnghep.vn/hoan-thien-phap-ly-bao-ve-nguoi-tieu-dung-trong-thuong-mai-dien-tu-10143361.html>, ngày 05/02/2025.

Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi mua sắm qua mạng xã hội

Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng trong đó có bảo vệ người tiêu dùng trên các nền tảng mạng xã hội tại Việt Nam được đặc biệt quan tâm và chú trọng hoàn thiện. Tỷ lệ người dùng internet tham gia mua sắm trực tuyến chiếm đến 74,8%, trong đó tỷ lệ người dùng sử dụng mạng xã hội để mua sắm chiếm 42% vào năm 2021, tăng xấp xỉ 10% so với tỷ lệ ấy năm 2020⁶. Con số này cho thấy tốc độ tăng trưởng và phủ sóng của mua sắm qua mạng xã hội là không hề nhỏ. Các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội, cùng với đó đã nhanh chóng thích nghi với loại hình kinh doanh mới này, đưa ra vô số khuyến mãi, phương thức quảng bá sản phẩm, dịch vụ khác nhau để thu hút người tiêu dùng. Tuy nhiên, thực trạng pháp luật hiện hành, cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam còn một số tồn tại hạn chế, cụ thể như sau:

Về bảo đảm chất lượng hàng hóa

Trách nhiệm của chủ thể kinh doanh trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng được quy định tại Điều 21 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 (Luật BVQLNTD), theo đó, người tiêu dùng phải được biết những thông

tin cơ bản như: cá nhân, tổ chức kinh doanh; các thông tin cơ bản của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ (đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá, xuất xứ hàng hóa, thời hạn sử dụng, phí, chi phí, phương thức, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển, thanh toán); nhận xét của người tiêu dùng về hàng hóa; chính sách bảo hành;...⁷. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay, trên các nền tảng mạng xã hội cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, đa số chủ thể kinh doanh không thực hiện trách nhiệm này. Hàng hóa, dịch vụ lưu thông trên thị trường mạng xã hội còn tình trạng công khai thiếu thông tin hoặc gây hiểu lầm cho người tiêu dùng, đi cùng với đó là tình trạng không bảo đảm chất lượng hàng hóa khi đến tay người tiêu dùng.

Việc các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội không công khai đầy đủ, trung thực thông tin cơ bản về hàng hóa, ngoài việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này chưa được thắt chặt (do việc xác định chủ thể vi phạm, nhất là tại các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới còn gặp nhiều rào cản), còn do hiểu biết pháp luật của đại đa số các chủ thể chưa cao, các quy định của nền tảng còn lỏng lẻo, chưa tương thích với hệ thống pháp luật nước sở tại. Điều 22 Luật BVQLNTD đã quy định rõ trách

nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng, trong đó bao gồm: bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do chủ thể kinh doanh cung cấp và chương trình đánh giá, xếp hạng liên quan (nếu có); Yêu cầu chủ thể kinh doanh cung cấp thông tin, tài liệu, phương tiện để chứng minh tính chính xác, đầy đủ của thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; chịu trách nhiệm liên đới về việc cung cấp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp chứng minh đã thực hiện tất cả biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Theo quan sát thực tiễn của nhóm nghiên cứu, nền tảng mạng xã hội như Facebook mặc dù có đầy đủ các chức năng như một sàn thương mại điện tử nhưng lại không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ này. Bên cạnh đó, nền tảng này cũng không quy định các chủ thể bán hàng trên nền tảng phải cung cấp đầy đủ thông tin hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ tại khoản 1 Điều 21 Luật BVQLNTD. Khi thử nghiệm đăng bán trên Facebook Marketplace, nhóm nghiên cứu chỉ cần cung cấp các thông tin gồm hình ảnh, tiêu đề (tên sản phẩm), giá, phân loại, tình trạng (mới

⁶ Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, *Sách Thương mại điện tử Việt Nam năm 2022*, tr. 37, https://trungtamwto.vn/file/21930/bctmdt2022-final-pdf_08c88.pdf, ngày 10/02/2025.

⁷ Điều 21 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023:

“Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây:

1. Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về các nội dung sau đây:

a) Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá, xuất xứ hàng hóa, thời hạn sử dụng, phí, chi phí, phương thức, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển, thanh toán;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh;

c) Nhận xét, đánh giá của người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh (nếu có);

2. Thực hiện ghi nhãn hàng hóa bảo đảm trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa theo quy định của pháp luật;

3. Niêm yết giá theo quy định của pháp luật về giá;

4. Cung cấp thông tin về khả năng cung ứng linh kiện, phụ kiện thay thế của sản phẩm, hàng hóa;

5. Cung cấp hướng dẫn sử dụng; chính sách bảo hành theo quy định tại Điều 30 của Luật này trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có bảo hành;

6. Minh bạch thông tin về thành phần, chức năng, lợi ích khác biệt đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất, dịch vụ được cung cấp dành riêng cho từng giới tính;

7. Thông báo chính xác, đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch.”

100%, đã qua sử dụng như mới, đã qua sử dụng tốt, đã qua sử dụng khá tốt). Như vậy, so sánh với quy định pháp luật tại Việt Nam, Facebook với vai trò bên thứ ba chỉ yêu cầu chủ thể bán hàng cung cấp những thông tin kể trên, thiếu thông tin cơ bản của các chủ thể kinh doanh, kích thước, số lượng, khối lượng, công dụng, xuất xứ, thời hạn sử dụng, phí, chi phí, phương thức và thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển và thanh toán đều không bị bắt buộc cung cấp dựa trên thử nghiệm đăng bán của nhóm nghiên cứu. Ngoài ra, khi thử nghiệm, nhóm nghiên cứu nhận thấy nền tảng này không kiểm duyệt những thông tin người bán phải cung cấp, cũng không yêu cầu người bán chứng thực thông tin theo đúng nghĩa vụ của nền tảng được quy định tại Điều 22 Luật BVQLNTD.

Bên cạnh đó, khi tham gia vào hoạt động kinh doanh qua mạng xã hội, người tiêu dùng thường nhận hàng, sau đó ký nhận vào giấy nhận hàng của bên giao hàng, không phải các hóa đơn, chứng từ của bên bán. Điều này có khả năng đe dọa trực tiếp đến người tiêu dùng, nhất là đối với hàng hóa có giá trị lớn, bởi người mua trong đa số trường hợp không thể kiểm tra hàng hóa, do vậy khi hàng hóa phát sinh vấn đề (hàng hóa hỏng, không đúng với chất lượng công bố...) sau khi nhận rất khó quy trách nhiệm cho bên bán hay bên giao hàng do không có hóa đơn, giấy tờ cụ thể, nhiều giao dịch thậm chí bằng lời nói khi hai bên giao kết qua điện thoại.

Về bảo vệ bí mật thông tin cá nhân người tiêu dùng

Vấn đề bảo mật thông tin cá nhân là một vấn đề luôn được

người tiêu dùng quan tâm khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, nhất là đối với hoạt động kinh doanh qua mạng xã hội vốn đã chưa được quản lý chặt chẽ. Theo khảo sát của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, việc người tiêu dùng lo ngại thông tin cá nhân bị tiết lộ chiếm tới 33% là lý do lớn thứ ba mà nhóm được khảo sát cho rằng là trở ngại khi mua hàng trực tuyến; khi khảo sát lý do chưa mua sắm trực tuyến, 43% nhóm khảo sát cho rằng là do sợ lộ thông tin cá nhân⁸. Theo khảo sát nhận thức của người mua hàng qua mạng xã hội năm 2024-2025 của nhóm nghiên cứu, có khoảng 25% người dùng đã từng gặp vấn đề với rò rỉ thông tin cá nhân.

Bảo vệ thông tin khách hàng tham gia hoạt động kinh doanh qua mạng xã hội nói riêng và hoạt động thương mại điện tử nói chung được quy định cụ thể tại số Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021). Theo đó, khi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của khách hàng, bên thu thập phải bảo đảm xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin người tiêu dùng đầy đủ các nội dung luật định, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thông báo đúng thời điểm (nghĩa vụ thông báo phải được hiển thị rõ ràng cho người tiêu dùng trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin), phải có sự đồng ý của khách hàng (trừ trường hợp đặc biệt theo luật định), trách nhiệm sử dụng thông tin cá nhân, trách nhiệm lưu trữ, bảo vệ dữ liệu... Tuy đã có hàng rào pháp lý tương đối để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, nhưng có nhiều vấn đề như hình thức thể hiện thông báo, vấn đề

điều chỉnh nội dung đã thông báo cho khách hàng... vẫn chưa được điều chỉnh trong pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng tham gia kinh doanh qua mạng xã hội.

Các vụ lộ lọt thông tin ở Việt Nam hiện nay có xu hướng ngày càng tăng, nhất là trong thời điểm đại dịch Covid-19, khi cả nước thực hiện giãn cách xã hội. Hiện nay không hiếm bắt gặp các “cuộc gọi rác”, “cuộc gọi lừa đảo”; nạn nhân của chính các cuộc gọi này cũng không biết bằng cách nào mà thông tin cá nhân của họ bị lộ, lọt ra ngoài. Theo chia sẻ của chị N.Q.D (Hà Nội), sau khi đặt mua hàng trên mạng xã hội Facebook, chị D nhận về một gói hàng toàn túi ni lông và phải thanh toán 560.000 đồng. Trong khi đó, món hàng thực sự mà chị Duyên đặt là một chiếc váy có giá trị tương đương. Khi chị Duyên liên hệ với cửa hàng, cửa hàng khẳng định vì đơn hàng quá tải nên gửi hàng muộn, món hàng “túi ni lông” chị Duyên nhận không phải họ gửi⁹. Có thể thấy rằng hiện nay vấn đề bảo mật thông tin cá nhân của khách hàng trong hoạt động kinh doanh qua mạng xã hội còn nhiều kẽ hở và chưa bảo đảm, cản trở sự phát triển của thương mại điện tử tại Việt Nam.

Theo ông Nguyễn Phú Lương, Phó trưởng Phòng Giám sát an toàn thông tin (Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông), nguyên nhân rò rỉ thông tin có thể đến từ phía người dùng hoặc do phía các nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ, làm lộ thông tin cá nhân. Điều này có thể do lỗ hổng trên các hệ thống, ứng dụng của đơn vị cung

⁸ Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, *ltd*, tr. 40-41.

⁹ Lương Hạnh, *Nguyên cơ lộ lọt thông tin khi mua hàng online trên mạng xã hội*, <https://laodong.vn/ban-doc/nguyen-co-lo-lot-thong-tin-khi-mua-hang-online-tren-mang-xa-hoi-1209421.ltd>; ngày 05/02/2025.

¹⁰ Phong Linh, *Phát hoảng vì lộ thông tin cá nhân: 80% nguyên nhân xuất phát từ lý do này...*, <https://thanhnien.vn/phat-hoang-vi-lo-thong-tin-ca-nhan-80-nguyen-nhan-xuat-phat-tu-ly-do-nay-185230817164650831.htm>, ngày 10/02/2025.

cấp dịch vụ, trong chính sách bảo mật thông tin khách hàng của đơn vị cung cấp dịch vụ, cũng có thể do những doanh nghiệp chủ ý đưa thông tin khách hàng cho bên thứ ba¹⁰. Trong khi đó, so sánh với quy định tại khoản 3 Điều 21 Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân của Nhật Bản: “Nếu chủ thể thu thập thông tin cá nhân thay đổi mục đích sử dụng, họ phải thông báo cho khách hàng về mục đích sử dụng đã thay đổi” thì quy định của pháp luật Việt Nam chưa chặt chẽ. Quy định của Nhật Bản được hiểu là trong mọi giao dịch, chủ thể thu thập thông tin chỉ được phép sử dụng thông tin cá nhân của khách hàng với những mục đích đã thỏa thuận, nếu có thay đổi mục đích sử dụng, vượt quá những mong muốn trước đó của khách hàng thì điều đó đã vi phạm quyền của khách hàng. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam chưa có quy định về việc nền tảng mạng xã hội tự ý sử dụng thông tin của người dùng vào các mục đích khác không được sự cho phép của người dùng.

Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong việc giải quyết tranh chấp thương mại điện tử

Các mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay chưa có cơ chế để giải quyết các tranh chấp thương mại điện tử, thậm chí các mạng xã hội cung cấp dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới không công nhận mình là sàn thương mại điện tử theo quy định của pháp luật nhằm chối bỏ trách nhiệm của mình. Pháp luật Việt Nam hiện nay chỉ quy định bốn hình thức giải quyết tranh chấp thương mại: thương lượng, tòa án, hòa giải và trọng tài¹¹. Tuy pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại điện tử tại Việt Nam đã khá đầy đủ, nhưng việc giải quyết các tranh

chấp này chưa kịp thời, thỏa đáng; các hình thức giải quyết luật định cần nhiều thời gian và thủ tục, tỏ rõ cần hình thức giải quyết phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Một số gợi mở hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi mua sắm qua mạng xã hội

Hoàn thiện quy định về bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ trên các nền tảng mạng xã hội

Để hàng hóa đến tay người tiêu dùng bảo đảm chất lượng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần hợp tác với nền tảng mạng xã hội cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoạt động tại Việt Nam để quản lý chặt hoạt động bán hàng, quảng cáo của các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội. Đồng thời, bổ sung các quy định mới để phù hợp với sự phát triển của thị trường, cụ thể như sau:

Một là, quy định các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội, hoạt động thường xuyên, liên tục và phát sinh doanh thu nhất định thì phải đăng ký hoặc thông báo tới Bộ Công thương mới có thể hoạt động. Xuất phát từ thực tiễn, các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội có thể thu được doanh thu rất lớn trong một ngày, cần thiết phải có sự quản lý từ cơ quan nhà nước để kiểm soát. Ở một số quốc gia như Trung Quốc, chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội với tư cách là chủ thể kinh doanh thương mại điện tử phải đăng ký “thực thể thị trường” (市场主体) trừ các cá nhân bán sản phẩm nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, cá nhân sử dụng kỹ năng của mình để tham gia các dịch vụ lao động tiện ích và các giao dịch nhỏ lẻ có giá trị nhỏ với tổng khối lượng giao dịch hàng năm không quá 100.000 nhân

dân tệ¹². Tại Hàn Quốc, mọi chủ thể có hoạt động thương mại điện tử đều phải đăng ký kinh doanh (trừ trường hợp kinh doanh qua mạng một lần), việc không đăng ký kinh doanh có thể dẫn tới phải chịu thêm thuế, không được khấu trừ thuế đầu vào... Việt Nam hiện nay đã tồn tại các quy định, thủ tục về đăng ký, thông báo của các ứng dụng, website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, các quy định hiện hành cũng tập trung chủ yếu vào việc quản lý các nền tảng mà ít quản lý các chủ thể kinh doanh. Vì vậy, từ thực tiễn và tham khảo từ các quốc gia khác, chúng tôi cho rằng, bên cạnh việc hợp tác quản lý với các nền tảng mạng xã hội, pháp luật cần có cơ chế quản lý các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội nói riêng và các chủ thể kinh doanh thương mại điện tử nói chung.

Hai là, cần bổ sung quy định về việc cung cấp hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử khi tham gia giao dịch qua mạng xã hội. Các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội phải cung cấp hóa đơn điện tử hoặc lựa chọn lập hợp đồng điện tử có chữ ký số của các bên tham gia khi thực hiện giao dịch qua mạng xã hội. Bên cạnh đó, khi bên giao hàng nhận hàng hóa từ chủ thể kinh doanh, phải có xác nhận tình trạng hàng hóa từ hai phía để bảo đảm hàng hóa tới tay người tiêu dùng đúng tình trạng, chất lượng, thông số kỹ thuật... Xuất phát từ hàng loạt hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản phát sinh từ các giao dịch trên mạng xã hội, các biện pháp kể trên nhằm mục đích bảo đảm an ninh thương mại điện tử và bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng khi mua hàng qua mạng xã hội.

¹¹ Điều 317 Luật Thương mại năm 2005.

¹² Điều 10 Luật Thương mại điện tử của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 2018 (中华人民共和国电子商务法- 2018年).

Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Một là, xây dựng lại định nghĩa “thông tin cá nhân”. Tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử, định nghĩa thông tin cá nhân được xây dựng theo phương pháp liệt kê, bao gồm các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể như tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật. Tuy nhiên “những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật”, theo tác giả, không giúp định danh một cá nhân cụ thể mà thuộc phạm vi quyền riêng tư về bí mật cá nhân. Chính vì vậy, cần có sự phân biệt thành hai khái niệm thông tin cá nhân và bí mật cá nhân để làm nền tảng xây dựng các quy định phù hợp với từng khái niệm.

Hai là, bổ sung quy định về hình thức thể hiện thông báo về việc thu thập, sử dụng dữ liệu cá nhân của người dùng mà các nền tảng gửi đến người dùng. Tại Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu (GDPR), Đạo luật bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản (APPI) đều có các quy định mang tính định hướng cho bên thu thập dữ liệu - đề cập trong bài viết này là các chủ thể kinh doanh qua mạng xã hội. Các bên thu thập dữ liệu có thể lựa chọn thông báo qua văn bản, lời nói hoặc các phương thức điện tử như mail, fax... Các quy định về hình thức thể hiện thông báo, ngoài việc giúp chủ thể thu thập thông tin thông báo tới khách hàng đúng quy định pháp luật, còn giúp khách hàng nhận thức đầy đủ về các hình thức thông báo, tạo thuận lợi cho việc

các bên thỏa thuận lựa chọn hình thức phù hợp, giúp người tiêu dùng tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình. Theo nghiên cứu của nhóm sinh viên, hiện pháp luật Việt Nam chưa có quy định về hình thức thể hiện thông báo mục đích sử dụng thông tin cá nhân cho người dùng. Do vậy, để xây dựng một hành lang pháp lý toàn diện, việc bổ sung quy định này là cần thiết.

Ba là, bổ sung các quy định về sửa đổi nội dung đã thông báo về việc thu thập, sử dụng dữ liệu cá nhân của người dùng mà các nền tảng gửi đến người dùng. Tham khảo từ pháp luật Nhật Bản: “Nếu chủ thể thu thập thông tin cá nhân thay đổi mục đích sử dụng, họ phải thông báo cho khách hàng về mục đích sử dụng đã thay đổi”¹³. Quy định này có nghĩa là trong mọi giao dịch trong đời sống thường ngày, chủ thể thu thập thông tin chỉ được phép sử dụng thông tin cá nhân của khách hàng với những mục đích đã thỏa thuận, nếu có thay đổi mục đích sử dụng, vượt quá những mong muốn trước đó của khách hàng thì điều đó đã vi phạm quyền của khách hàng. Vì vậy, với mục đích bảo đảm tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng nhưng vẫn tạo điều kiện linh hoạt cho hoạt động của doanh nghiệp, pháp luật Việt Nam cần thiết bổ sung quy định này.

Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại điện tử phát sinh trên nền tảng mạng xã hội

Hiện nay, Việt Nam chưa ban hành văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hình thức riêng biệt giải quyết tranh chấp thương mại điện tử, các hình thức giải quyết

tranh chấp truyền thống lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế bởi các đặc tính mới của kinh doanh qua mạng xã hội nói riêng và thương mại điện tử nói chung. Trung Quốc là một trong những quốc gia tiên phong áp dụng hình thức tòa án trực tuyến vào thương mại điện tử, Singapore cũng đã áp dụng hình thức hội nghị từ xa trong lĩnh vực này. Tương tự ở châu Âu và Hoa Kỳ, phương thức ODR - Online Dispute Resolution (giải quyết tranh chấp trực tuyến) từ lâu đã được áp dụng rộng rãi trên các nền tảng thương mại điện tử¹⁴. Có thể thấy, để có thể giải quyết các tranh chấp thương mại điện tử phát sinh trên nền tảng mạng xã hội nhanh chóng, hiệu quả thì cần phải có các biện pháp giải quyết tranh chấp trực tuyến.

Thực tế pháp luật Việt Nam đã tồn tại những quy định sơ khai về ODR nằm rải rác trong các văn bản pháp luật như: Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Thương mại năm 2005, Luật Viễn thông năm 2023, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015... Tuy nhiên, các quy định trên vẫn chỉ mang tính nguyên tắc nên chưa thể áp dụng vào thực tiễn. Vì vậy pháp luật Việt Nam cần bổ sung những nội dung sau:

Một là, cần có quy định cụ thể về trình tự và thủ tục giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR). Hiện nay, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đã có những quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, để phù hợp với sự phát triển của thương mại điện tử, cần xem xét việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong Bộ luật này. Bên cạnh đó, Luật Trọng tài thương

¹³ Khoản 3 Điều 21 Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản (個人情報の保護に関する法).

¹⁴ Trần Hạnh Linh, *Kinh nghiệm quốc tế về áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Công thương, số 11, tháng 5/2023.

mại năm 2010 cũng cần được điều chỉnh hoặc bổ sung các quy định về quy trình giải quyết tranh chấp thương mại điện tử bằng ODR, trên cơ sở kế thừa những quy định trước đây. Việc này nhằm bảo đảm tính pháp lý và tính thực tiễn của phương thức ODR trong giải quyết tranh chấp thương mại điện tử. Ngoài ra, do trọng tài ODR ngày càng được sử dụng phổ biến và mang lại hiệu quả cao, các trung tâm trọng tài tại Việt Nam cũng cần xem xét ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy tắc tố tụng trọng tài. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp thực hiện giải quyết tranh chấp trực tuyến một cách minh bạch, công bằng và hiệu quả.

Hai là, cần ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến địa điểm giải

quyết tranh chấp thương mại điện tử. Do phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến có tính đặc thù, cần có quy định cụ thể về địa điểm diễn ra quá trình giải quyết tranh chấp cũng như địa điểm ban hành phán quyết trọng tài. Theo Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hiện nay được xác định là “địa điểm về mặt địa lý” chứ không phải “địa điểm về mặt pháp lý”. Điều này có thể tạo ra rủi ro pháp lý đối với hiệu lực của phán quyết trọng tài. Vì vậy, cần sửa đổi quy định theo hướng xác định địa điểm giải quyết tranh chấp thương mại điện tử bằng hình thức ODR không chỉ là địa điểm theo nghĩa địa lý mà còn là địa điểm có giá trị pháp lý. Điều này sẽ giúp bảo đảm tính hợp pháp của phán quyết trọng tài, đồng thời vẫn phù hợp với quy định hiện

hành của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 về việc cho phép các bên tự thỏa thuận về địa điểm giải quyết tranh chấp¹⁵.

Kết luận

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, kinh doanh qua mạng xã hội còn gặp nhiều khó khăn, thách thức đến từ nhận thức, hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách và từ các chủ thể tham gia. Trên cơ sở thực tiễn và tham khảo pháp luật của các quốc gia khác, Việt Nam có thể gợi mở ra một số vấn đề cơ bản về bảo vệ người tiêu dùng mua hàng qua nền tảng mạng xã hội như bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ; bảo vệ dữ liệu cá nhân người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp thương mại điện tử phát sinh trên nền tảng mạng xã hội.

B.M.C - L.H.M

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, *Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2021*, tr. 40-41.
2. Trần Hạnh Linh, *Kinh nghiệm quốc tế về áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Công thương, số 11, tháng 5/2023.
3. Lương Hạnh, *Nguy cơ lộ thông tin khi mua hàng online trên mạng xã hội*, <https://laodong.vn/ban-doc/nguy-co-lo-lot-thong-tin-khi-mua-hang-online-tren-mang-xa-hoi-1209421.ldo>, ngày 05/02/2025.
4. Yến Nhung, *Hoàn thiện pháp lý bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử*, <https://diendanodoanhnghiep.vn/hoan-thien-phap-ly-bao-ve-nguoi-tieu-dung-trong-thuong-mai-dien-tu-10143361.html>, ngày 05/02/2025.
5. Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản (個人情報の保護に関する法).
6. Luật Thương mại điện tử của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 2018 (中华人民共和国电子商务法- 2018年).
7. Đạo luật An toàn trực tuyến 2021 (Online Safety Act 2021).
8. K.L.Hsiao, J.C.C.Lin, X.Y.Wang, H.P.Lu, H.Yu (2010), *Antecedents and consequences of trust in online product recommendations: An empirical study in social shopping*, Online Information Review 34; tr. 935-953.
9. R. G. Curty, P. Zhang (2013), *Website features that gave rise to social commerce: a historical analysis*, Electronic Commerce Research and Applications 12, tr. 260-279.
10. Z.Huang, M.Benyoucef (2013), *From e-commerce to social commerce: A close look at design features*, Electronic Commerce Research and Applications 12, tr.246-259.
11. J. A. Obar, S. Wildman (2015), *Social media definition and the governance challenge: An introduction to the special issue*, Telecommunications Policy; tr. 745-750.
11. Reeta Sahoo, Gagan Sahoo (2016), *Foundation of Information Technology*, Nxb New Saraswati House, New Delhi (India), tr. 18.
12. Yahoo! Shopping (2005), *Social Commerce via the Shoppisphere & Pick Lists*, <https://web.archive.org/web/20100123163635/http://www.ysearchblog.com/2005/11/14/social-commerce-via-the-shoppisphere-pick-lists/>, ngày 06/9/2024.
13. The Black's Law Dictionary, <https://thelawdictionary.org/social-media/>, ngày 02/12/2024.
14. Grand View Research, *GVR Report cover Social Commerce Market Size, Share & Trends Report Social Commerce Market Size, Share & Trends Analysis Report By Business Model, By Product Type, By Platform/Sales Channel, By Region, And Segment Forecasts, 2023-2030*, <https://www.grandviewresearch.com/industry-analysis/social-commerce-market>, ngày 01/02/2025.

¹⁵ Khoản 8 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU TRONG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ

THS NGUYỄN LÊ VÂN*

Tóm tắt: Buôn lậu hàng hóa nhập khẩu là một trong những vấn đề nghiêm trọng mà nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đang phải đối mặt. Không chỉ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, buôn lậu còn đe dọa đến sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng, bởi các mặt hàng buôn lậu thường không được kiểm soát về chất lượng, xuất xứ và an toàn vệ sinh thực phẩm. Do đó, việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng chống buôn lậu trong xuất nhập khẩu hàng hóa một cách có hiệu quả trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bài viết phân tích những quy định pháp luật hiện hành về phòng chống buôn lậu trong xuất nhập khẩu hàng hóa tại cảng hàng không quốc tế, qua đó đề xuất hướng hoàn thiện các quy định này.

Từ khóa: Buôn lậu, phòng chống buôn lậu, cảng hàng không quốc tế.

Abstract: Imported goods smuggling is one of the serious problems that many countries, including Vietnam are facing. Not only causing damage to the state budget, smuggling also threatens the health and safety of consumers, because smuggling items are often not controlled in quality, origin and food safety and hygiene. Therefore, the implementation of the law on smuggling prevention in import and export effectively becomes more urgent than ever. The article analyzes the current law provisions on smuggling prevention in import and export at international airport, thereby proposing the direction of completing these provisions.

Keywords: Smuggling, smuggling prevention, international airport.

Đặt vấn đề

Buôn lậu được xác định là một trong những tội phạm nguy hiểm, không chỉ làm thiệt hại đến nền kinh tế đất nước, gây thất thu thuế cho Nhà nước mà còn đe dọa phá vỡ chính sách kinh tế đất nước, xã hội, ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của người tiêu dùng. Ở nước ta trong những năm gần đây, hoạt động buôn lậu, đặc biệt buôn lậu trong xuất, nhập khẩu hàng hóa tại các cảng hàng không quốc tế trên địa bàn cả nước diễn biến rất phức tạp với quy mô ngày càng rộng lớn, các vụ buôn lậu bị phát hiện ngày càng nhiều, giá trị hàng phạm pháp có nhiều vụ lên tới hàng tỷ đồng. Người phạm tội sử dụng nhiều thủ đoạn xảo quyệt hơn và chúng luôn sẵn sàng manh động, chống người thi hành công vụ khi bị bắt quả tang. Vì vậy, việc nghiên cứu làm rõ các quy định của pháp luật về phòng chống buôn lậu trong xuất nhập khẩu hàng hóa tại cảng hàng không quốc tế nhằm

phát hiện, đề xuất, kiến nghị giải quyết các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn áp dụng là rất cần thiết.

Quy định pháp luật

Về phạm vi hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không quốc tế

Buôn lậu là một hiện tượng kinh tế - xã hội, xuất hiện khi có hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan quản lý hoạt động thương mại ở mỗi quốc gia. Buôn lậu là hoạt động kinh tế bất hợp pháp với mục đích giúp các chủ thể thực hiện đạt được lợi nhuận trên cơ sở không tuân thủ các quy định của Nhà nước về thuế quan.

Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, buôn lậu có thể được hiểu là *buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý*. Công ước quốc tế về giúp đỡ hành chính giữa các nước nhằm ngăn ngừa, điều tra, trấn áp các hành vi vi phạm hải quan năm 1977 (gọi tắt là

Công ước Nairobi) đưa ra khái niệm như sau về buôn lậu: “*Buôn lậu là gian lận thương mại nhằm che giấu sự kiểm tra, kiểm soát của hải quan bằng mọi thủ đoạn, mọi phương tiện trong việc đưa hàng hóa lên lút qua biên giới*”.

Nghị định số 01/2015/NĐ-CP tại Điều 5 quy định phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không có vận chuyển quốc tế là ranh giới cụ thể của cảng hàng không được quy định trong quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, bao gồm: khu vực nhà ga hành khách, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khu vực cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế; khu vực xếp dỡ, chuyển tải, khu vực kho bãi chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được vận chuyển qua đường hàng không; kho lưu giữ hàng hóa, hành lý ký gửi, kho lưu giữ hàng hóa, hành lý thất lạc của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; khu

vực sân đỗ tàu bay; khu vực chứa và cấp nhiên liệu; khu vực thiết bị phục vụ mặt đất; khu vực sửa chữa, bảo dưỡng máy bay; đường công vụ.

Theo Điều 8 Nghị định số 01/2015/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 12/2018/NĐ-CP), phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu là địa điểm cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan hoặc giám sát hải quan hoặc kiểm soát hải quan hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan, bao gồm: trụ sở cơ quan hải quan; các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu có doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan; khu thương mại tự do, khu chế xuất; trụ sở, kho hàng của doanh nghiệp chế xuất; khu phi thuế quan; khu vực ưu đãi hải quan khác; khu vực hải quan riêng; khu vực cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS); kho ngoại quan, kho bảo thuế, kho bãi chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của các tổ chức vận tải kinh doanh và giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; các khu vực trên biển, trên sông, trên bộ khi có phương tiện vận tải neo, đậu, di chuyển để vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa, phương tiện vận tải chuyển tải, chuyển cửa khẩu, quá cảnh đang trong quá trình làm thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan; trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan, bao gồm nơi làm việc, nơi sản xuất, nơi cung ứng các dịch vụ, kho bãi, nhà xưởng, nơi lưu giữ, bảo quản, thuê, gửi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

Kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế



Kiểm tra hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Nội Bài.

Ảnh: TTXVN

trong nội địa để bán hàng miễn thuế cho hành khách xuất cảnh, nhập cảnh. Khu vực đang tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa tạm nhập, tái xuất. Khu vực, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ sở sản xuất, cơ sở gia công lại, công trình. Địa điểm kiểm tra tập trung theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Khu vực, địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ trong lãnh thổ Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Khu vực đang lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan. Nơi có phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan trên các tuyến đường.

Quy định về phòng, chống buôn lậu

Hệ thống các quy phạm pháp luật trong nước về phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan được chứa đựng trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Cụ thể:

- Luật Hải quan năm 2014: điều chỉnh toàn bộ mọi nội dung, hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, trong đó có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của lực lượng đấu tranh phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại; địa bàn hoạt động; hợp tác quốc tế về kiểm soát hải quan.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015.

- Pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính, gồm: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012; Luật Thương mại năm 2005; các nghị định hướng dẫn thực hiện các luật nêu trên và các văn bản liên quan khác.

- Pháp luật liên quan đến hoạt động điều tra, xử lý hình sự, gồm: Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Tổ chức điều tra hình sự năm 2015; Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; các nghị định hướng dẫn thực hiện các luật nêu trên và các văn bản liên quan khác.

- Pháp luật liên quan đến công tác phối hợp giữa hải quan với các bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương và các lực lượng khác, gồm: Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP; các thông tư về việc trao đổi cung cấp thông tin giữa Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính với một số bộ như: Công an, Quốc phòng, Công thương, Giao thông vận tải...

- Pháp luật liên quan đến trang thiết bị, kinh phí hoạt động, gồm: Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý

tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

Ngoài ra, các cơ quan chức năng như Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hải quan... đã ra ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định nói trên.

Quy định về các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan

Biện pháp nghiệp vụ của lực lượng kiểm soát hải quan là cách thức, kỹ thuật, chiến thuật mà lực lượng kiểm soát hải quan, công chức kiểm soát hải quan được sử dụng để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được hướng dẫn tại Thông tư số 728/2018/TT-BTC ngày 15/6/2018 của Bộ Tài chính, bao gồm:

- Vận động quần chúng.
- Tuần tra hải quan.
- Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan (điều tra nghiên cứu nắm tình hình).
- Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (sưu tra).

- Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (thu thập, xử lý thông tin).

- Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng,

chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (cơ sở bí mật).

- Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (trình sát ngoại tuyến).

- Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (trình sát kỹ thuật).

- Sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (đấu tranh chuyên án).

Như vậy, phương pháp đấu tranh phòng, chống buôn lậu của hải quan có đặc điểm là sự kết hợp giữa các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, doanh nghiệp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tham gia phát hiện tố giác tội phạm; tiến hành thu thập thông tin về tình hình liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu và hoạt động của các đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Trên cơ sở đó, tiến hành áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để thực hiện việc quản lý, kiểm soát, điều tra nhằm phát hiện, bắt giữ và xử lý các vụ vi phạm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về phòng chống buôn lậu trong xuất nhập khẩu hàng hóa

(1) *Khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015* theo hướng: bổ sung thẩm quyền cho cơ quan hải quan

trong hoạt động điều tra, khởi tố đối với các tội danh quy định tại các Điều 191 (tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm), Điều 192 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả).

Theo Điều 33 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, hải quan có thẩm quyền điều tra, khởi tố đối với tội danh quy định tại các Điều 188 (tội buôn lậu), Điều 189 (tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ), Điều 190 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm) của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Điều 33 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 dựa trên tiêu chí hàng hóa đã thu hẹp thẩm quyền điều tra, khởi tố của hải quan đối với hàng hóa là hàng cấm, hàng giả. Xét về bản chất thì tội buôn bán hàng giả được tách từ tội buôn lậu; tội vận chuyển hàng cấm được tách từ tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Nếu đã trao thẩm quyền điều tra, khởi tố cho hải quan đối với tội danh quy định tại Điều 188, Điều 189 thì cũng nên trao thẩm quyền này cho Hải quan đối với tội danh tại Điều 191, Điều 192 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đặc biệt trong những năm gần đây, số lượng các vụ việc liên quan đến việc buôn bán hàng giả, vận chuyển hàng cấm gia tăng như quần áo, giày dép, thuốc lá điếu, pháo nổ, hàng phế liệu, điện tử điện lạnh, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng... Thực tế, các đối tượng buôn lậu thường chỉ thông qua người vận chuyển để đưa hàng cấm vào Việt Nam, khi bị phát hiện thì bỏ trốn, chỉ còn lại người vận chuyển. Do đó, việc hạn chế thẩm quyền điều tra theo loại hàng hóa là không phù hợp với lý luận và thực tiễn.

(2) *Xây dựng và áp dụng có hiệu quả chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cửa khẩu, biên giới.* Khu kinh tế cửa khẩu có sức thu

hút đầu tư khá mạnh mẽ, không chỉ đối với các nhà đầu tư trong nước mà cả với các nhà đầu tư nước ngoài. Các khu kinh tế cũng khẳng định rõ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng tại các cảng hàng không quốc tế, cụ thể:

- Góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa. Do vậy, việc quan tâm triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi sẽ thu hút sự quan tâm đầu tư của doanh nghiệp hai bên, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trao đổi, tạo ra sự phát triển ở các vùng để hình thành khu vực thị trường rộng lớn có khả năng thu hút và thâm nhập với các khu vực thị trường khác.

Sự phát triển của thị trường do các khu kinh tế cửa khẩu cũng đem lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động không chỉ ở khu vực cửa khẩu mà còn ở các vùng lân cận. Trao đổi thương mại thông qua các khu kinh tế cửa khẩu theo đó gia tăng, góp phần phát triển sản xuất trong nước.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, biên giới; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư; phát triển khoa học công nghệ; hợp tác liên doanh, chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Thực tế cho thấy, các khu kinh tế cửa khẩu cũng góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của các tỉnh, thành phố, tạo thêm nhiều ngành công nghiệp, dịch vụ, thu hút lao động nông nghiệp. Thông qua hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đã chiếm lĩnh thị phần của đa dạng thị trường; người nông dân có cơ hội

nắm bắt, mua sắm, sử dụng thiết bị, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao để phát triển nông nghiệp...

- Góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo; thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại, xây dựng mối quan hệ hữu nghị bền vững với nước bạn: sự hình thành và phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đời sống nhân dân theo đó từng bước được nâng lên.

- Sự phát triển khu kinh tế cửa khẩu còn tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung các vùng miền, dân tộc thiểu số..., góp phần đẩy mạnh giao lưu kinh tế văn hóa, quốc phòng an ninh khu vực, thắt chặt tình hữu nghị giữa các quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

(3) Bộ Tài chính cần có chính sách tăng quy mô cho lực lượng chuyên trách kiểm soát hải quan. Nghiên cứu các vụ việc buôn lậu, gian lận thương mại do lực lượng kiểm soát hải quan phát hiện trong thời gian qua cho thấy: tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và tình hình hoạt động của nhiều loại tội phạm khác xảy ra trong địa bàn hoạt động của hải quan diễn biến hết sức phức tạp và có chiều hướng gia tăng, hoạt động ở nhiều địa bàn, trong khi biên chế dành cho công tác kiểm soát chống buôn lậu còn khá mỏng, nên không quản lý, nắm vững được hết địa bàn, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh.

Ngoài ra, cần đầu tư thêm mới các trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng cho công tác chống buôn lậu. Hiện nay hầu hết các trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng cho công tác chống buôn lậu tại các chi cục hải quan như máy

soi hành lý, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc... phần lớn đã xuống cấp, hạn chế tính năng sử dụng hoặc đã hỏng. Mức độ đầu tư mới đáp ứng cho nhu cầu tối thiểu, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và yêu cầu kiểm soát thực tế. Đặc biệt trong điều kiện hiện tại khi phương tiện, trang bị của đối tượng buôn lậu ngày càng hiện đại hơn so với trang thiết bị, phương tiện của lực lượng hải quan.

Bên cạnh đó, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, nêu gương người tốt, việc tốt, quan tâm giải quyết thỏa đáng các chế độ, chính sách cho cán bộ công chức trực tiếp làm công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại. Có chính sách khuyến khích các cá nhân cán bộ công chức kiểm soát hải quan tự nghiên cứu học tập nâng cao trình độ chuyên môn như hỗ trợ kinh phí khi tham gia học hoàn thiện cử nhân, học cao học.

(4) Tổng cục Hải quan, với chức năng nhiệm vụ của mình, xây dựng lực lượng kiểm soát chuyên trách, có bộ máy phù hợp, năng động, hiệu quả mà trước hết cần phải có những con người, cụ thể là những cán bộ công chức kiểm soát hải quan không những cần tinh thông về pháp luật hải quan, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, các điều ước quốc tế có liên quan, giỏi về nghiệp vụ kiểm soát hải quan mà còn phải có phẩm chất chính trị trong sáng, liêm khiết, vững vàng và kỷ luật. Việc sử dụng cán bộ phải kết hợp chặt chẽ, linh hoạt trong việc bố trí sắp xếp số cán bộ công chức đã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ điều tra và có kinh nghiệm trên lĩnh vực kiểm soát hải quan với việc luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật. Đảm bảo bồi dưỡng đào tạo cán bộ công chức kiểm soát hải quan có

100% số lượng đào tạo chuyên sâu, phát huy các kiến thức đã được đào tạo đồng thời tránh lãng phí nguồn nhân lực mà không được sử dụng đúng mục đích.

Không ngừng từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường công tác quản lý đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và loại bỏ những khả năng, điều kiện hoạt động phạm tội buôn lậu.

Ứng dụng, khai thác triệt để, kịp thời sự phát triển công nghệ thông tin của thế giới, các trang thiết bị hiện đại vào hoạt động nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. Cải thiện và tăng cường công tác bảo mật trong hệ thống thông tin hải quan và thủ tục khai báo hải quan điện tử. Tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chia sẻ dùng chung trong các lực lượng thực thi pháp luật bao gồm hải quan, thuế vụ, cảnh sát kinh tế, an ninh kinh tế, bộ đội biên phòng, cảng biển, hàng không... tạo điều kiện phối hợp chia sẻ thông tin, nâng cao hiệu quả đấu tranh chống buôn lậu. Trong công tác nghiệp vụ hải quan cần áp dụng các biện pháp và thiết bị tiên tiến trong kiểm tra, giám sát.

Vận dụng các hiệp định hợp tác quốc tế về hải quan, thường xuyên trao đổi thông tin với cơ quan hải quan các nước, đặc biệt các nước láng giềng nhằm phát triển hữu

nghị, hỗ trợ hợp tác trên nhiều phương diện như hỗ trợ hành chính, xúc tiến mậu dịch, thúc đẩy mậu dịch, thuận lợi hóa thông quan hàng hóa, chống buôn lậu và gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

Ngày nay, đấu tranh chống buôn lậu của hải quan đã thực sự mang tính quốc tế toàn cầu, ngày càng có vị trí và vai trò quan trọng trong mỗi quốc gia. Tất cả các nước trên thế giới đều giao nhiệm vụ chống buôn lậu cho lực lượng hải quan, đồng thời, đảm bảo các điều kiện cần thiết cho lực lượng hải quan thực hiện nhiệm vụ này. Công tác đấu tranh chống buôn lậu của hải quan không chỉ là những công việc nội bộ mà còn được xem là hành động thực hiện các cam kết của mỗi quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế, tham gia bảo vệ những lợi ích chung của cộng đồng.

Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, phối hợp với các nước, khu vực trong công tác phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan là một xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập của Việt Nam. Việc tuân thủ nghiêm túc các công ước, hiệp định, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên cũng góp phần nâng cao hiệu quả của công tác phối kết hợp quốc tế trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

N.L.V

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
2. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
3. Luật Hải quan năm 2014.
4. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015.
5. Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.
6. Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

NGUYỄN KIM HÙNG*

Tóm tắt: Luật Đất đai năm 2024 ra đời đã có những sửa đổi quan trọng trong quy định về kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, quy định mới về việc miễn lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương và việc căn cứ quy hoạch chung đô thị để lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương mang ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý và sử dụng đất đai. Sự thay đổi này không chỉ góp phần tinh giản thủ tục hành chính, mà còn bảo đảm tính hiệu quả, đồng bộ và phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững. Bài viết phân tích những tác động và ý nghĩa của quy định mới này, đồng thời nêu ra một số thách thức trong thực tế và qua đó đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trong thời gian tới.

Từ khóa: Luật Đất đai, quy hoạch sử dụng đất, sử dụng đất cấp tỉnh.

Abstract: The Land Law 2024 was born with important amendments in the regulations on land use plan. In this, the new regulations on the exemption of level provincial land use planning for provincial its not municipal city and the basis of urban general planning to make the provincial level land use plan for municipal city are important for land management and use. This change not only contributes to streamlining administrative procedures, but also ensures efficiency, synchronization and consistent with sustainable development goals. The article analyzes the impacts and significance of this new regulation, and has raised some challenges in practice and thereby proposing solutions to continue completing and improving the effectiveness of the law on provincial level land use plan in the coming time.

Keywords: Land Law, land use planning, provincial level land use.

Khái quát về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Là một công cụ quan trọng trong quản lý nhà nước về đất đai, kế hoạch sử dụng đất giữ vai trò định hướng phân bổ và khai thác quỹ đất theo từng giai đoạn, bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và hiệu quả. Dưới các góc độ tiếp cận khác nhau, kế hoạch sử dụng đất có thể được xem xét trên ba phương diện: kinh tế, xã hội và pháp lý. Dưới góc độ kinh tế, kế hoạch sử dụng đất giúp tối ưu hóa việc phân bổ tài nguyên đất đai, giảm chi phí giao dịch, hỗ trợ thu hút đầu tư, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp, đô thị, hạ tầng, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế hiệu quả. Dưới góc độ xã hội, kế hoạch sử dụng đất bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, hỗ trợ ổn định đời sống, tạo việc làm, cải thiện điều kiện sống và bảo vệ môi trường,

đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên. Dưới góc độ pháp lý, kế hoạch sử dụng đất có giá trị bắt buộc thi hành, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động như thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất. Khái niệm kế hoạch sử dụng đất cũng được quy định trong các văn bản Luật Đất đai của nước ta, cụ thể Luật Đất đai năm 2013 xác định: “Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất”.

Tiếp đó, Luật Đất đai năm 2024 được ban hành tiếp cận khái niệm này theo hướng khái quát hơn khi quy định: “Kế hoạch sử dụng đất là việc phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện”.

Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là một nội dung quan trọng trong hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của mỗi quốc gia. Đây là công cụ

pháp lý giúp cụ thể hóa quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trong từng giai đoạn ngắn hạn, thường là 5 năm hoặc hàng năm, nhằm bảo đảm việc sử dụng đất diễn ra theo đúng định hướng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai. Theo quy định pháp luật Việt Nam, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được xác định theo nguyên tắc phân kỳ 05 năm, xác định rõ diện tích các loại đất cần phân bổ, chuyển đổi hoặc bảo vệ trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho các cấp chính quyền và tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan đến đất đai như giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.

Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh theo Luật Đất đai năm 2024

So với Luật Đất đai năm 2013, quy định về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh có sự điều chỉnh đáng kể

trong Luật Đất đai năm 2024. Nếu trước đây, Luật Đất đai quy định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là bắt buộc, thì hiện nay trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được quy định tách biệt khác nhau giữa các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương và các thành phố trực thuộc Trung ương.

Các tỉnh không phải thành phố trực thuộc Trung ương không phải lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Theo khoản 4 Điều 65 Luật Đất đai năm 2024, các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương không còn phải lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh như trước đây. Thay vào đó, các địa phương này chỉ cần thực hiện phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo từng kỳ kế hoạch 05 năm. Quy định này đánh dấu một bước tiến trong việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, giúp giảm tải gánh nặng cho chính quyền địa phương và nâng cao hiệu quả triển khai quy hoạch, kế hoạch.

Trước đây, theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, các tỉnh đều phải lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh song song với quy hoạch sử dụng đất, điều này có thể dẫn đến tình trạng chồng chéo giữa quy hoạch và kế hoạch, làm giảm tính đồng bộ và gây khó khăn trong công tác triển khai thực tế. Thay đổi như quy định hiện nay có ý nghĩa quan trọng trong việc tinh giản thủ tục lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Việc miễn lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh nhưng vẫn yêu cầu thực hiện phân kỳ quy hoạch theo từng giai đoạn 5 năm vừa giúp bảo đảm tính liên tục trong quản lý đất đai, đồng thời tạo điều kiện để các tỉnh, thị xã chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế địa phương mình. Đặc biệt, với các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương chủ yếu bao gồm khu vực nông thôn, miền núi,



Hình minh họa.

trung du, với sự phân bố đất đai đa dạng giữa đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn nên công tác quản lý đất đai phải linh hoạt theo chu kỳ 5 năm sẽ phù hợp hơn với sự thay đổi trong chính sách phát triển nông nghiệp, công nghiệp và bảo vệ môi trường.

Nhìn từ góc độ pháp lý, quy định này phản ánh nguyên tắc phân quyền và trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các tỉnh trong quản lý đất đai. Bằng cách đơn giản hóa thủ tục lập kế hoạch, Nhà nước tạo điều kiện để các địa phương tập trung vào thực hiện quy hoạch sử dụng đất thay vì phải trải qua quá trình lập kế hoạch phức tạp. Việc miễn lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương có tác động đến công tác quản lý và sử dụng đất như sau:

Thứ nhất, thay vì mỗi tỉnh phải lập cả quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh riêng biệt thì hiện nay chỉ cần triển khai phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo từng kỳ kế hoạch 5 năm, giúp giảm tải công

việc cho cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, tránh tình trạng chồng chéo và mất thời gian trong quá trình lập và phê duyệt kế hoạch.

Thứ hai, các địa phương có thể chủ động hơn trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo tình hình thực tế, tăng cường tính linh hoạt trong quản lý đất đai. Việc phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn 5 năm cho phép chính quyền địa phương cập nhật và điều chỉnh các mục tiêu sử dụng đất phù hợp với sự thay đổi trong điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu đầu tư phát triển.

Thứ ba, trước đây các địa phương phải lập kế hoạch song song và căn cứ vào quy hoạch, do việc lập hai lần nên dễ dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong triển khai. Hiện nay, pháp luật chỉ yêu cầu phân kỳ quy hoạch giúp bảo đảm sự nhất quán giữa quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, hạn chế tình trạng điều chỉnh cục bộ gây ảnh hưởng đến sự phát triển tổng thể của địa phương.

Thứ tư, bằng cách giảm bớt thủ tục lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, chính quyền địa phương có thể

phân bổ nguồn lực tập trung vào công tác thực thi và giám sát quy hoạch sử dụng đất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tránh tình trạng quy hoạch treo, sử dụng đất không đúng mục đích và bảo vệ tài nguyên đất đai một cách bền vững.

Thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy hoạch chung để lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Theo quy định mới tại Luật Đất đai năm 2024, đối với các thành phố trực thuộc Trung ương, việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh sẽ căn cứ vào quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt. Quy định này góp phần nâng cao tính đồng bộ giữa quy hoạch đô thị và kế hoạch sử dụng đất, đồng thời giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính và tối ưu hóa việc quản lý đất đai tại các đô thị lớn.

Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ và Huế là các thành phố trực thuộc Trung ương có cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ phát triển, nhiều cơ sở giáo dục bậc cao, dân cư đông, thuận lợi về giao thông vận tải. Theo quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, các thành phố trực thuộc trung ương phải có triển vọng phát triển, đầu tư thành phố tức là đầu tư cực tăng trưởng của khu vực nên phải có nghiên cứu những cơ chế, chính sách đặc biệt¹. Các thành phố trực thuộc Trung ương có mức độ đô thị hóa cao, với hệ thống hạ tầng phát triển đồng bộ, tập trung vào sử dụng đất đô thị (đất ở, đất thương mại, đất giao thông, đất công trình công cộng). Các đô thị này đã có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, nên rõ ràng việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh riêng biệt như trước đây là không cần thiết.

Thứ nhất, đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tương tự ý nghĩa của việc quy định miễn lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương, quy định 06 thành phố trực thuộc Trung ương không lập quy hoạch cấp tỉnh mà căn cứ vào quy hoạch chung để lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cũng có ý nghĩa giảm thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Với quy định mới, thay vì lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, các thành phố chỉ cần lập kế hoạch sử dụng đất dựa trên quy hoạch chung đô thị. Điều này giúp rút ngắn quy trình phê duyệt, giảm bớt chi phí hành chính, đồng thời bảo đảm sự linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo nhu cầu thực tế.

Thứ hai, tăng cường tính đồng bộ và nhất quán trong quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất. Trước đây, hệ thống quy hoạch đất đai và quy hoạch đô thị tồn tại song song, trong một số trường hợp có thể dẫn đến mâu thuẫn hoặc chồng chéo trong định hướng phát triển. Hiện nay, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy hoạch chung đô thị để lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giúp thống nhất về mặt chiến lược, bảo đảm rằng kế hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển chung của đô thị và các yêu cầu quy hoạch ngành khác. Ngoài ra, khi quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt, mọi vấn đề liên quan đến quy hoạch không gian, sử dụng đất, kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội đã được xác định rõ. Do đó, việc lập thêm quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh sẽ trở nên không cần thiết, mà thay vào đó, thành phố có thể tập trung vào việc triển khai kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch chung đô thị đã có.

Thứ ba, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch hạ tầng đô thị. Các thành phố trực thuộc Trung ương thường có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng, đòi hỏi công tác quản lý đất đai phải có tính linh hoạt cao. Việc sử dụng quy hoạch chung đô thị làm cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất giúp thành phố nhanh chóng điều chỉnh, bố trí quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội một cách hợp lý mà không phải chịu sự ràng buộc của một hệ thống quy hoạch riêng biệt khác. Việc này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án có sử dụng quỹ đất lớn như khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cơ sở hạ tầng giao thông và công trình công cộng. Khi quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt, các chủ đầu tư có thể căn cứ vào đó để triển khai các dự án mà không gặp trở ngại về tính đồng bộ trong quy hoạch sử dụng đất.

Thứ tư, tăng cường hiệu quả sử dụng đất và quản lý quỹ đất đô thị. Việc không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với thành phố trực thuộc Trung ương giúp tránh tình trạng điều chỉnh quy hoạch nhiều lần, gây lãng phí tài nguyên đất đai. Bằng cách căn cứ vào quy hoạch chung đô thị, các thành phố có thể chủ động hơn trong việc phân bổ, sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả, bảo đảm rằng đất đai được sử dụng đúng mục đích, phù hợp với nhu cầu phát triển và tránh tình trạng sử dụng đất lãng phí hoặc quy hoạch treo.

Một số thách thức đặt ra khi thực hiện quy định mới về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Mặc dù các quy định mới về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trong

¹ <https://vneconomy.vn/thanh-pho-truc-thuoc-trung-uong-phai-co-trien-vong-phat-trien.htm>, ngày 17/01/2025.

Luật Đất đai năm 2024 được đánh giá là có ý nghĩa tích cực trong việc tinh giản thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý đất đai và bảo đảm sự đồng bộ trong quy hoạch phát triển, nhưng trong quá trình thực hiện vẫn có thể gặp một số thách thức, chủ yếu liên quan đến việc cần thay đổi cơ chế quản lý, yêu cầu nâng cao năng lực điều hành và khả năng thích ứng của từng địa phương trong quá trình lập, thực hiện quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Một là, việc miễn lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các tỉnh không phải thành phố trực thuộc Trung ương có thể khiến một số địa phương chưa kịp thích ứng với cơ chế phân kỳ quy hoạch, dẫn đến tình trạng điều chỉnh đất đai không đồng bộ giữa các cấp quản lý, có nguy cơ thiếu tính kiểm soát và điều phối giữa các cấp quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hai là, việc căn cứ vào quy hoạch chung để lập kế hoạch sử dụng đất của thành phố trực thuộc Trung ương đòi hỏi quy hoạch chung đô thị phải có chất lượng cao, mang tính ổn định và bao quát đầy đủ các nhu cầu sử dụng đất của thành phố trong dài hạn. Nếu quy hoạch chung đô thị chưa hoàn chỉnh hoặc chưa được cập nhật kịp thời thì có thể gây khó khăn cho quá trình lập kế hoạch sử dụng đất.

Ba là, đặc điểm của quy hoạch chung đô thị là tính ổn định trong thời gian dài, thường kéo dài từ 10 đến 20 năm. Trong khi đó, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội lại có thể thay đổi nhanh chóng do tác động của nhiều yếu tố như đô thị hóa, biến động dân số, nhu cầu đầu tư hạ tầng và thay đổi chính sách đất đai. Do vậy, nếu không có công cụ pháp lý phù hợp để điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất một cách hợp lý, có thể xảy ra tình trạng bất cập trong việc triển khai các dự án phát triển đô thị

hoặc làm chậm tiến độ các công trình hạ tầng quan trọng.

Bốn là, việc phân quyền nhiều hơn cho các tỉnh trong quản lý đất đai đồng nghĩa với việc chính quyền địa phương phải chịu trách nhiệm cao hơn trong quá trình lập, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất. Khi được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong phân kỳ quy hoạch sử dụng đất, chính quyền các tỉnh cần phải có năng lực quản lý cao hơn để bảo đảm rằng việc triển khai kế hoạch sử dụng đất phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tổng thể của địa phương. Tuy nhiên, thực tế những năm qua cho thấy rằng khả năng lập quy hoạch, kế hoạch, phân bổ đất đai và giám sát thực hiện của một số địa phương còn hạn chế, đặc biệt là ở các khu vực có hệ thống quản lý đất đai chưa đồng bộ hoặc chưa được số hóa đầy đủ.

Kiến nghị hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Nhằm bảo đảm việc thực hiện quy định mới về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đạt hiệu quả cao, khắc phục những thách thức nảy sinh trong quá trình triển khai, cần có các giải pháp đồng bộ, bao gồm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực quản lý đất đai của địa phương, cải thiện chất lượng quy hoạch chung đô thị và tăng cường công tác giám sát, điều phối giữa các cấp quản lý.

Thứ nhất, cần nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý và ban hành các văn hướng dẫn chi tiết về phân kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Mặc dù Nghị định số 102/2024/NĐ-CP đã được ban hành quy định cụ thể về nội dung kế hoạch sử dụng đất của thành phố trực thuộc Trung ương tại Điều 19,

đồng thời Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã kịp thời ban hành Quyết định số 9159/BTNMT-QHPTTND hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025), nhưng thực tế triển khai vẫn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định hướng dẫn chi tiết về phân kỳ quy hoạch sử dụng đất cũng như lập kế hoạch sử dụng đất theo quy hoạch chung. Cụ thể, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần sớm ban hành hướng dẫn chi tiết về nội dung, quy trình và tiêu chí thực hiện phân kỳ quy hoạch sử dụng đất nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch trong việc triển khai. Văn bản này cần quy định cụ thể về những nội dung: trách nhiệm của từng cấp chính quyền trong việc thực hiện phân kỳ quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm tính đồng bộ với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng; cơ chế điều phối chặt chẽ giữa các cấp chính quyền (trung ương, tỉnh, huyện, xã) nhằm giảm thiểu tình trạng điều chỉnh đất đai không đồng bộ, bảo đảm sự liên kết trong công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Với thành phố trực thuộc Trung ương thì vẫn cần ban hành thêm các văn bản hướng dẫn chi tiết về lập kế hoạch sử dụng đất nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong quản lý và sử dụng quỹ đất đô thị. Việc này không chỉ giúp địa phương có cơ sở pháp lý đầy đủ để tổ chức thực hiện mà còn hạn chế tình trạng lúng túng trong áp dụng, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý trong quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, nâng cao chất lượng quy hoạch chung đô thị làm cơ sở cho lập kế hoạch sử dụng đất tại thành phố trực thuộc Trung ương. Với các thành phố trực thuộc Trung ương,

việc lập kế hoạch sử dụng đất dựa trên quy hoạch chung đô thị đòi hỏi quy hoạch chung phải có chất lượng cao, ổn định và mang tính dự báo chính xác. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quy hoạch chung đô thị ở một số nơi còn thiếu tính cập nhật hoặc chưa bao quát đầy đủ nhu cầu phát triển của đô thị trong dài hạn.

Để khắc phục vấn đề này, chúng tôi cho rằng quy hoạch chung đô thị và nông thôn cần được xây dựng trên cơ sở dữ liệu đầy đủ, có tính khoa học cao và được cập nhật định kỳ nhằm phản ánh đúng thực trạng và nhu cầu phát triển của mỗi địa phương; tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, nghĩa là việc lập kế hoạch sử dụng đất cần được thực hiện đồng bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch các lĩnh vực khác nhằm bảo đảm tính thống nhất trong triển khai; xây dựng một hệ thống quy định rõ ràng về việc đánh giá định kỳ, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị khi có những biến động lớn về kinh tế - xã hội hoặc nhu cầu sử dụng đất.

Thứ ba, tăng cường cơ chế điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sử dụng đất để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

Thời kỳ quy hoạch chung đô thị thường có tính ổn định dài hạn nhưng trong thực tế, nhu cầu sử dụng đất có thể thay đổi nhanh chóng do các yếu tố như tốc độ đô thị hóa, biến động dân số, đầu tư phát triển hạ tầng hoặc thay đổi chính sách đất đai. Do đó, cần có cơ chế điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất

một cách linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy hoạch chung đô thị. Trước tiên, cần bổ sung quy định cho phép điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất khi có biến động lớn về kinh tế - xã hội, thay vì cố định kế hoạch trong cả giai đoạn 05 năm. Từ đó, thiết lập quy trình đánh giá tác động khi điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất, giúp xác định mức độ ảnh hưởng của sự thay đổi đến môi trường, hạ tầng đô thị và quyền lợi của người dân. Đặc biệt, trong thời đại công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu số trong quản lý kế hoạch sử dụng đất, giúp theo dõi biến động đất đai theo thời gian thực và đưa ra quyết định điều chỉnh hợp lý cũng vô cùng cần thiết.

Thứ tư, xây dựng hệ thống giám sát, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Khi không còn kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc Trung ương, việc theo dõi, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch và phân kỳ quy hoạch sử dụng đất càng trở nên quan trọng để bảo đảm quy hoạch được thực hiện đúng hướng và không gây tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội. Do vậy, cần xây dựng hệ thống giám sát hiệu quả, cụ thể là xây dựng bộ tiêu chí giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, giúp đánh giá tính khả thi và mức độ phù hợp của kế hoạch với thực tế. Ngoài ra, cơ quan chuyên môn, tổ chức độc lập và cộng đồng dân cư cũng phải tăng cường tham gia vào việc giám sát thực hiện quy

hoạch và kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Hệ thống giám sát này cũng cần sớm tích hợp ứng dụng công nghệ GIS và dữ liệu lớn (Big Data) để theo dõi biến động sử dụng đất theo thời gian thực, giúp phát hiện kịp thời các vi phạm và đưa ra giải pháp điều chỉnh hợp lý.

Thứ năm, nâng cao năng lực quản lý đất đai tại địa phương. Khi được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong quản lý đất đai, chính quyền các tỉnh cần có năng lực cao hơn trong việc lập, thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở một số địa phương, năng lực quản lý còn hạn chế, đặc biệt là trong việc quy hoạch, phân bổ quỹ đất và giám sát thực hiện. Để nâng cao năng lực quản lý đất đai của nguồn nhân sự, các địa phương có thể tổ chức định kỳ chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý đất đai địa phương nhằm nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá quy hoạch và thực hiện giám sát. Ngoài ra, dựa trên hệ thống dữ liệu đất đai của Trung ương, các tỉnh, thành cũng nên đầu tư xây dựng hệ thống dữ liệu đất đai đồng bộ kết nối với địa phương mình. Đặc biệt, phải tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất, tránh tình trạng điều chỉnh cục bộ gây ảnh hưởng đến quy hoạch tổng thể.

N.K.H

Tài liệu tham khảo

1. Luật Đất đai năm 2013.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.
3. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.
4. Luật Đất đai năm 2024.
5. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
6. Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

ĐỀ NGHỊ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

ĐỒNG TRẦN KHÁNH CHI*

Tóm tắt: Đề nghị giao kết hợp đồng là việc các chủ thể bày tỏ rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này đối với bên được đề nghị. Đây là một trình tự pháp lý cơ bản và đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập, duy trì và bảo vệ quan hệ pháp luật giữa các bên. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích quy định pháp luật của một số nước như Hoa Kỳ, Pháp, Bỉ về đề nghị giao kết hợp đồng có sự đối chiếu, so sánh với quy định của pháp luật dân sự Việt Nam, qua đó đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định này cho Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành trong tương lai.

Từ khóa: Giao kết hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng, Bộ luật Dân sự năm 2015.

Abstract: Proposal to entering into contract is the subjects expressed their intention about entering into contract and under the constraint of this proposal to the proposed party. This is a basic legal order and plays an important role in establishing, maintaining and protecting legal relations between the parties. In the article, the author focuses on analyzing the law provisions of some countries such as the United States, France and Belgium on the proposal to entering into contract with check and comparison with the provisions of the Vietnamese civil law, thereby making recommendations to contribute to the completion of these provisions for the Civil Code and the documents guiding in the future.

Keywords: Entering into contract, proposal to entering into contract, Civil Code 2015.

Quy định của một số quốc gia về đề nghị giao kết hợp đồng

Hoa Kỳ (Common Law)

Hoa Kỳ là quốc gia rất chú trọng đến các vấn đề liên quan đến hợp đồng vì đây là nền tảng của nền kinh tế thị trường, nơi mà các giao dịch kinh doanh, đầu tư và thương mại quốc tế đều phụ thuộc vào sự chắc chắn và thực thi của hợp đồng. Sự phát triển của pháp luật hợp đồng tại Hoa Kỳ đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế mạnh mẽ và khả năng cạnh tranh toàn cầu của quốc gia này.

Đề nghị giao kết hợp đồng theo cách hiểu của Mỹ là “biểu hiện của yêu cầu tham gia vào một quan hệ có lợi ích, được thực hiện bởi bên đề nghị đối với bên được đề nghị, với các điều kiện mà bên đề nghị đưa ra và đòi hỏi sự đồng ý đó theo một hình thức nhất định (lời hứa hoặc cam kết) của bên được đề nghị”.

Điều kiện của đề nghị giao kết hợp đồng gồm ý định giao kết hợp

đồng thể hiện rõ ràng, đề nghị giao kết có tính xác định và được truyền tải cụ thể. Những tính chất này khá tương đồng với quy định về giao kết hợp đồng của Việt Nam và điều này cũng tạo điểm riêng biệt phân biệt giữa đề nghị giao kết hợp đồng với các hành vi mang tính chất là lời mời giao kết như bày bán hàng hóa để bán, mời thầu, quảng cáo, trưng bày...¹. Đề nghị giao kết hợp đồng tại Việt Nam hiện nay thiếu đi “tính xác định” trong ý chí, đối tượng, tính chất, nội dung... và hầu hết các thẩm phán khi giải quyết tranh chấp phải tham khảo trên quy định về hợp đồng hoặc trên thực tế giao dịch. Điều này gây nhiều khó khăn do cần các chuyên gia, các thương nhân trong các lĩnh vực cụ thể và tốn thời gian trong công tác xác minh.

Hiệu lực của một đề nghị giao kết hợp đồng (offer) theo pháp luật Hoa Kỳ: trước tiên cần có sự thể hiện rõ ràng ý chí giao kết hợp

đồng (contractual intention), và thứ hai là có tính xác định của lời đề nghị (definiteness). Thời điểm có hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng là từ thời điểm được gửi tới bên nhận đề nghị. Điều này có nghĩa là đề nghị chỉ có giá trị khi bên nhận đề nghị có thể tiếp cận nội dung một cách hợp lý. Điều khoản này xuất phát từ nguyên tắc chung trong Luật Hợp đồng Hoa Kỳ nhằm bảo đảm tính công khai và minh bạch trong giao dịch thương mại. Tuy nhiên, hiệu lực của đề nghị có thể bị giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định, được bên đề nghị quy định rõ ràng. Luật pháp Hoa Kỳ đưa ra lý giải cụ thể hơn tại Điều 41 Tuyển tập về Luật Hợp đồng Hoa Kỳ: Thời gian hợp lý là một câu hỏi thực tế dựa trên hoàn cảnh tồn tại khi đề nghị và chấp nhận đề nghị được thực hiện. Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC, §2-205) đưa ra khuyến nghị người chào hàng tính

* Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Nguyễn Thị Mai Hương, So sánh chế định giao kết hợp đồng theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Hoa Kỳ, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế - Trường Đại học quốc gia Hà Nội, 2010, tr. 5.

mốc thời gian hợp lý là 3 tháng như nêu trên². Nếu không có thời hạn cụ thể, đề nghị có thể hết hiệu lực sau một khoảng thời gian hợp lý tùy theo từng trường hợp.

Khác với một số hệ thống pháp luật khác, Hoa Kỳ cho phép bên đề nghị rút lại hoặc sửa đổi đề nghị giao kết hợp đồng trước khi bên nhận chấp nhận, trừ khi có thỏa thuận ràng buộc giữ cho đề nghị có hiệu lực trong một thời gian nhất định (option contract). Sự rút lại hoặc sửa đổi phải được thông báo cho bên nhận một cách rõ ràng trước khi có sự chấp nhận. Trong một số trường hợp, luật pháp Hoa Kỳ cũng thừa nhận nguyên tắc “promissory estoppel” (tạm dịch: cấm phủ nhận cam kết). Theo nguyên tắc này, nếu bên nhận đã có hành động dựa trên đề nghị với sự tin tưởng hợp lý vào tính ổn định của đề nghị, thì bên đề nghị có thể bị ràng buộc không được rút lại đề nghị. Nguồn của pháp luật Hoa Kỳ chủ yếu là các án lệ dựa trên những luân lý hiện thực hơn là giả định thực tại, quyền tự do thay đổi, rút lại đề nghị giao kết hợp đồng được bảo đảm, ý chí cân bằng cho cả 2 bên³.

Đặc biệt, đối với các giao dịch thương mại, Bộ luật Thương mại Thống nhất Hoa Kỳ (UCC) có một số điều khoản linh hoạt hơn so với nguyên tắc hợp đồng truyền thống. Cụ thể, theo Điều 2-207 của UCC⁴, nếu hai bên có những thỏa thuận khác nhau về một số điều khoản nhưng vẫn có ý định giao kết hợp đồng, hợp đồng có thể hình thành với các điều khoản chung đã thống nhất, trong khi các điều khoản khác sẽ được giải quyết dựa trên thông lệ thương mại.



Hình minh họa.

Pháp (Civil law)

Bộ luật Dân sự Pháp ra đời năm 1804 và cho đến nay đã qua một số lần sửa đổi có nhiều sự thay đổi toàn diện, hiện đại hóa các quy định để giúp hệ thống pháp luật Pháp trở nên minh bạch, linh hoạt và phù hợp hơn với thực tiễn kinh tế - xã hội. Pháp đặc biệt chú trọng đến nguyên tắc tự do hợp đồng nhưng vẫn đặt ra các giới hạn nhằm bảo vệ lợi ích của bên yếu thế và bảo đảm công bằng trong giao dịch

Đề nghị giao kết hợp đồng thuộc giai đoạn “tiền hợp đồng” là một giai đoạn khó, giai đoạn “màu xám” và luật không tạo điều kiện thuận lợi nhiều cho giai đoạn này nên luật sư phải dựa vào các tài liệu mà hệ thống luật án lệ thường sử dụng để xác định sự thống nhất của hai bên. Thực ra, Bộ luật Dân sự

Pháp không có điều khoản định nghĩa về lời đề nghị giao kết hợp đồng, có lẽ vì các luật gia Pháp quan niệm pháp luật không nên can thiệp quá sâu vào việc xác lập hợp đồng. Tuy nhiên, án lệ của Pháp đã theo hướng “lời đề nghị giao kết hợp đồng là sự thể hiện ý chí của một bên nêu rõ các điều kiện cơ bản của hợp đồng để bên còn lại chấp nhận và tiến đến thiết lập hợp đồng”⁵. Đồng thời, Bộ luật Dân sự Pháp quy định tại Điều 1118 là một chấp nhận có hiệu lực nếu được gửi trong thời gian hợp lý hoặc trong thời hạn bên đề nghị quy định⁶.

Đối tượng của giao kết hợp đồng ở pháp luật Pháp, đề nghị gửi tới “công chúng” vẫn có thể là lời đề nghị giao kết hợp đồng⁷. Ở đây, đề nghị giao kết hợp đồng có thể hướng tới một người, một nhóm

² ThS Mai Thị Mai Hương - ThS Hoàng Thị Thanh Nguyệt, Các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng nhìn từ góc độ luật học so sánh, Tạp chí Công thương, tháng 10/2019.

³ ThS Mai Thị Mai Hương - ThS Hoàng Thị Thanh Nguyệt, *ltd.*

⁴ Uniform Commercial Code § 2-207.

⁵ Cass, 23 sept. 1969, Pas., 1970, I, p. 73.

⁶ Bộ luật Dân sự Pháp bản dịch, *Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam*, https://luat90.com/bo-luat-dan-su-phap/?utm_source=chatgpt.com

⁷ Catherine Delforge (2002), “Le conflit né de la confrontation de conditions générales contradictoires et son incidence sur la formation des contrats”, trong M. Fontaine (chủ biên), *Le processus de formation du contrat, Contributions comparatives et interdisciplinaires à l'harmonisation du droit européen*, Nhà xuất bản Bruylant, Bruxelles, tr.157, 184.

người cụ thể hoặc có thể hướng tới công chúng nói chung và “trong án lệ ngày 28/11/1968, tòa án Pháp công nhận việc trả lời chấp nhận một lời đề nghị được đưa ra rộng rãi công chúng có giá trị pháp lý ràng buộc như hợp đồng”. Bộ luật Dân sự Pháp cũng không có quy định và “một quyết định giám đốc thẩm ngày 10/12/1997 đã duy trì án lệ năm 1983 theo hướng việc người đề nghị chết cũng như mất năng lực hành vi dân sự không làm mất giá trị của đề nghị giao kết hợp đồng trừ trường hợp hợp đồng dự kiến giao kết mang tính cá nhân đối với người đã chết hay mất năng lực hành vi dân sự”.

Điều kiện giao kết hợp đồng cần có trong pháp luật Pháp là “đề nghị giao kết hợp đồng phải đầy đủ theo nghĩa nó phải nêu cụ thể những yếu tố chủ yếu và cơ bản của giao dịch dự kiến sẽ được giao kết”⁸. Bên cạnh đó, pháp luật đề cao việc bày tỏ ý chí của các bên phải kèm theo việc muốn làm và có khả năng làm được⁹. Ví dụ: Pháp nhân ký hợp đồng nhưng không phải pháp nhân đó ký mà phải là người có thẩm quyền ký và người đó phải có trách nhiệm thực hiện hợp đồng.

Trong luật Pháp, quan điểm của các luật gia cũng cho rằng việc chấp nhận giao kết hợp đồng phải được thể hiện ra bên ngoài. “Sự im lặng” được hiểu là trường hợp hoàn toàn không có một sự bày tỏ ý chí nào của bên được đề nghị, kể cả dưới hình thức ẩn. Về nguyên tắc, người ta không thể dựa vào sự im lặng của bên được đề nghị để suy ra ý chí chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng của bên đó. Tuy nhiên, trong những trường hợp ngoại lệ sau đây thì sự im lặng của bên được đề nghị

có thể được xem là chấp nhận giao kết hợp đồng. Tại Điều 1120: “Im lặng không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp pháp luật, thông lệ, quan hệ kinh doanh hoặc hoàn cảnh đặc biệt dẫn tới có quy định khác”¹⁰. Ví dụ, Điều 1738 Bộ luật Dân sự Pháp quy định: “Hợp đồng thuê nhà ở sẽ được tiếp tục ngay cả trường hợp hợp đồng thuê nhà đã hết hạn, bên thuê nhà vẫn còn chiếm hữu chỗ thuê và bên cho thuê không có bất cứ ý kiến gì về việc tiếp tục chiếm hữu chỗ thuê”. Hoặc quy định về hợp đồng bảo hiểm tại khoản 2 Điều L.1122 Bộ luật Bảo hiểm: “Trong trường hợp công ty bảo hiểm im lặng trong thời hạn 10 ngày có nghĩa là chấp nhận lời đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng bảo hiểm”.

Án lệ cũng thừa nhận sự im lặng của bên được đề nghị đồng nghĩa với việc chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng trong ba trường hợp: (i) Có mối quan hệ kinh doanh đã được thiết lập từ trước giữa các bên trong hợp đồng; (ii) Có sự tồn tại của các tập quán thương mại theo đó sự im lặng đồng nghĩa với chấp nhận giao kết hợp đồng; (iii) Đề nghị hợp đồng được đưa ra hoàn toàn vì lợi ích của bên được đề nghị.

Bi (Civil law)

Bộ luật Dân sự Bi (Code civil belge) được ban hành lần đầu tiên vào năm 1804, chịu ảnh hưởng lớn từ Bộ luật Dân sự Pháp và đã được sửa đổi nhiều lần. Điểm nhấn quan trọng của bộ luật là các quy định về giao kết hợp đồng, trong đó chú trọng đến nguyên tắc tự do hợp đồng, thiện chí trong giao dịch và bảo vệ quyền lợi của các bên.

Ở Bi, khái niệm “đề nghị giao kết hợp đồng” không được quy định cụ thể nhưng có thể dựa vào án lệ yêu cầu “đề nghị giao kết hợp đồng phải thể hiện ý định cuối cùng của người đưa ra lời đề nghị là chịu sự ràng buộc trong trường hợp được chấp nhận” và “yêu cầu này cũng có nội hàm tương tự trong pháp luật Pháp”¹¹.

Điều kiện có hiệu lực “để được coi là đề nghị giao kết hợp đồng theo nghĩa pháp lý, đề nghị còn phải đầy đủ. Các tác giả cho rằng điều kiện này được đáp ứng khi lời đề nghị nêu cụ thể những thành phần chủ yếu và cơ bản của hợp đồng sẽ được giao kết”¹². Trong pháp luật của Bi, đề nghị giao kết hợp đồng là một hành vi pháp lý đơn phương mà, ngoài hệ quả chính là cho phép hình thành hợp đồng khi có sự gặp gỡ với chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, có hệ quả riêng của nó, không phụ thuộc vào việc chấp nhận. Thực tế, đề nghị giao kết hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý người đề nghị khi lời đề nghị đã đến người được đề nghị. Ở đây, “đề nghị giao kết hợp đồng ràng buộc người đưa ra lời đề nghị, không phụ thuộc vào ứng xử của người được đề nghị”. Sở dĩ pháp luật Bi ghi nhận hiệu lực ràng buộc của đề nghị giao kết hợp đồng là vì pháp luật Bi dựa vào học thuyết về cam kết đơn phương (hành vi pháp lý đơn phương). Trên cơ sở học thuyết này, “giá trị ràng buộc của đề nghị giao kết hợp đồng phát sinh duy nhất từ ứng xử của người đưa ra đề nghị và từ ý chí mà người này thể hiện”¹³. Có thể hiểu rằng, trong thời gian đưa ra lời đề nghị giao kết hợp đồng với người còn lại, bên đề nghị sẽ bị ràng buộc bởi lời đề nghị của mình trong một

⁸ Catherine Delforge, *ltd*, tr. 181.

⁹ ThS Nguyễn Thị Hạnh, *Sự phát triển của Bộ luật Dân sự Pháp và một số chế định pháp lý cơ bản trong Bộ luật Dân sự Pháp, kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005*, <https://moj.gov.vn/qr/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1492>

¹⁰ Bộ luật Dân sự Pháp bản dịch, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, https://luat90.com/bo-luat-dan-su-phap/?utm_source=chatgpt.com

¹¹ Catherine Delforge, *ltd*, tr. 154, 178.

¹² Catherine Delforge, *ltd*, tr. 155.

¹³ Catherine Delforge, *ltd*, tr. 159.

thời gian nhất định để không tiến hành giao kết với người thứ ba về hợp đồng này.

Ở Bỉ, “đề nghị giao kết hợp đồng cần được giữ trong thời hạn mà đề nghị ấn định và, trong trường hợp không có thời hạn này, trong thời hạn đủ để người được đề nghị có thể ra quyết định và chấp nhận. Ấn lệ và các tác giả nói trong trường hợp này về thời hạn hợp lý”¹⁴. Quy định khoảng thời hạn hợp lý có nhiều điểm tương đồng theo pháp luật Pháp, Đức, các quốc gia theo hệ thống Common Law (Mỹ, Canada, Úc...).

Bên cạnh đó, trước sự im lặng của giao kết hợp đồng tại Bỉ, “một số tác giả cho rằng đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực trên cơ sở cam kết đơn phương nên việc người đề nghị chết, mất năng lực hành vi dân sự hay phá sản làm cho đề nghị không còn giá trị”, nhưng có quan điểm khác lại cho rằng đề nghị giao kết hợp đồng cần được “giữ lại cho dù người đề nghị chết, mất năng lực hành vi dân sự hay phá sản” trừ trường hợp “hoàn cảnh đặc biệt của một hợp đồng mang tính cá nhân cao đối với người đưa ra lời đề nghị”¹⁵.

Rút lại và sửa đổi đề nghị giao kết hợp đồng theo pháp luật của Bỉ, một tác giả viết rằng “là một hành vi pháp lý đơn phương, đề nghị giao kết hợp đồng ràng buộc người đề nghị. Nghĩa vụ giữ lời đề nghị được đưa ra này khác với nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mà việc giao kết đang được dự liệu”. Nói tóm lại, hệ thống pháp luật này quy định theo hướng người đề nghị không được hủy đề nghị một khi đề nghị có hiệu lực. Tuy nhiên, cách thức quy định về việc không được hủy đề nghị giao kết hợp đồng là khác nhau giữa các hệ thống pháp luật của các quốc gia: có hệ thống ghi

nhận đây là nguyên tắc nhưng có hệ thống lại ghi nhận khả năng hủy bỏ như là trường hợp ngoại lệ. Thực tế, ranh giới giữa những trường hợp này rất khó phân định. Ở Việt Nam, chúng ta cũng cho phép hủy bỏ đề nghị nhưng trong những trường hợp đặc biệt (phải đáp ứng những điều kiện cụ thể), ngoài những trường hợp này, chúng ta hiểu rằng người đề nghị không được hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng mà mình đã đưa ra.

Một số hạn chế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về đề nghị giao kết hợp đồng

Thứ nhất, thiếu sót trong khái niệm và điều kiện của đề nghị giao kết hợp đồng. Theo quy định tại Điều 386 Bộ luật Dân sự năm 2015, để được coi là đề nghị giao kết hợp đồng phải đáp ứng ba điều kiện chủ yếu sau: (i) phải thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng; (ii) phải chịu sự ràng buộc về nội dung mà bên đề nghị tự đưa ra; (iii) phải được gửi đến bên đã được xác định cụ thể hoặc tới công chúng (bên đề nghị). Tuy nhiên, khái niệm “đề nghị giao kết hợp đồng” đang thiếu đi một yếu tố quan trọng là “tính xác định” dẫn đến khó khăn trong trường hợp giao kết hợp đồng có thiếu sót, vi phạm nên không thể được hình thành và xảy ra tranh chấp.

Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung “tính xác định” hoặc quy định điều luật về “nội dung cơ bản của đề nghị giao kết hợp đồng”, cụ thể: (i) Chủ thể xác định rõ bên đề nghị và bên nhận đề nghị, điều này đã được đề cập rõ ràng trong quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; (ii) Đối tượng của đề nghị là hàng hóa, dịch vụ hoặc quyền, nghĩa vụ mà các bên hướng đến; (iii) Phải có nội dung chủ yếu của loại hợp đồng các bên muốn xác

lập gồm các điều khoản cơ bản về giá cả, số lượng, phương thức thực hiện hợp đồng, thời gian, địa điểm giao nhận...; (iv) Ý chí giao kết hợp đồng thể hiện ý định ràng buộc về mặt pháp lý của bên đưa ra đề nghị. Điều này giúp thể hiện rõ ràng hơn ý chí của bên đề nghị và tránh những tranh chấp về nội dung khi giải quyết.

Thứ hai, bất cập trong nội dung cơ bản của đề nghị giao kết hợp đồng. Về bản chất, đề nghị hợp đồng phải chứa đựng những “nội dung tối thiểu, thể hiện được bản chất và chủ đích của hợp đồng”¹⁶, cụ thể là: ý chí của người chào hàng được gửi cho một hay nhiều người xác định; được nêu rõ hàng hóa và ấn định số lượng; về giá cả một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc quy định thể thức xác định những yếu tố này. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam vẫn thiếu nội dung này và chỉ có thể xác định dựa trên sự tự do thỏa thuận hoặc dựa trên quy định tại Điều 398 về nội dung của hợp đồng. Do đó, tác giả kiến nghị xem xét bổ sung quy định nội dung cơ bản của đề nghị giao kết hợp đồng với các mục đã đề cập phía trên.

Thứ ba, bất cập trong quy định về hình thức của chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Theo quy định tại Điều 393 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng được thể hiện là “sự chấp nhận của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị”. Trong một vài trường hợp, “sự im lặng” cũng được coi là sự trả lời nếu các bên có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã xác lập. Tuy nhiên, chưa có quy định tường minh các trường hợp pháp luật quy định im lặng là chấp nhận giao kết hợp đồng. Vì vậy, cần xem xét bổ sung “sự im lặng” có thể được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

¹⁴ Catherine Delforge, *lđđ*, tr. 162.

¹⁵ Catherine Delforge, *lđđ*, tr. 167.

¹⁶ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật - lược khảo, Quyển II “Nghĩa vụ và khế ước”, Phần thứ nhất: Nguồn gốc của nghĩa vụ*, Nxb Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1963, tr. 58.



Hình minh họa.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 18 Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế và khoản 3 Điều 2.1.6 PICC¹⁷ đều đưa ra ngoại lệ trong trường hợp bên được đề nghị im lặng nhưng vẫn cấu thành chấp nhận đề nghị, khi: (i) tập quán các bên đã thỏa thuận; (ii) thói quen do họ thiết lập trong mối quan hệ tương hỗ đã quy định rõ. Xem xét trên thực tế, nếu như sử dụng tập quán trở thành hình thức trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng rất hiệu quả.

Do đó, đề xuất bổ sung quy định khoản 2 Điều 393 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “*Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận, theo tập quán hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên, hoặc theo pháp luật*”. Điều này giúp tăng tính linh hoạt trong việc áp dụng pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ tư, bất cập trong quy định về thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng. Theo quy định tại Điều 387 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hạn đề nghị giao kết do bên các bên tự quyết định, pháp luật không quy định cụ thể về thời gian. Quy định này tuy thể hiện tính tự do trong giao dịch nhưng dẫn đến tình huống bên đề nghị có thể phải chờ đợi quá lâu trong khi có rất nhiều lời đề nghị khác hoặc khách hàng khác mong muốn thực hiện giao dịch. Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung hướng dẫn thời hạn hợp lý, cụ thể là:

“1. Nếu không có thỏa thuận, thời hạn hợp lý không quá 05 ngày làm việc, tùy theo phương thức liên lạc và tập quán thương mại

2. Nếu có tranh chấp, thời hạn hợp lý sẽ dựa trên tập quán giao dịch, phương tiện liên lạc và mức độ phức tạp của hợp đồng”.

Đối với những đề nghị gửi đi tỏ rõ ý định bên đề nghị chịu ràng buộc gắn kết với đề nghị đó như điều khoản không hủy ngang, thời gian hợp lý này xác định có thể ứng dụng mức 3 tháng đối với hàng hóa, 1 tháng đối với dịch vụ, trường hợp khác dưới 1 tháng¹⁸.

Thứ năm, bất cập trong quy định về hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng. Theo Điều 388 Bộ luật Dân sự năm 2015 có ba thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: do các bên ấn định; bên được đề nghị nhận được đề nghị đó; luật liên quan có quy định khác. Tuy nhiên, trường hợp “luật liên quan có quy định khác” chưa được giải thích cụ thể trong luật và các văn bản liên quan. Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung thêm điều luật về hiệu lực của chấp nhận giao kết hợp đồng gồm các ý: (i) Trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng có hiệu lực trong thời gian bên đề nghị giao kết ấn định; (ii) Khi giao kết trực tiếp,

¹⁷ Bộ nguyên tắc về hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) là một tập hợp các quy tắc do Viện Thống nhất tư pháp quốc tế (UNIDROIT) xây dựng nhằm cung cấp một bộ quy tắc chung cho các hợp đồng thương mại quốc tế.

¹⁸ ThS Mai Thị Mai Hương – ThS Hoàng Thị Thanh Nguyệt, ttdđ.

trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng có hiệu lực ngay tại thời điểm giao kết; (iii) Trường hợp trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng đến chậm vì lý do khách quan mà bên đề nghị biết hoặc phải biết về lý do này thì vẫn còn hiệu lực.

Thứ sáu, thiếu trường hợp trong quy định về chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Điều 391 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định đề nghị giao kết hợp đồng được chấm dứt trong 06 trường hợp sau: bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng; bên được đề nghị trả lời không chấp nhận; hết thời hạn trả lời; khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực; khi thông báo về việc hủy bỏ đề nghị có hiệu lực; theo thỏa thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời. Theo kinh nghiệm của một số quốc gia, chấm dứt giao kết hợp đồng còn có một số trường hợp khác, tác giả

kiến nghị Điều 391 cần được bổ sung các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng như sau:

“Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- 1. Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng;*
- 2. Bên được đề nghị trả lời không chấp nhận;*
- 3. Hết thời hạn trả lời chấp nhận;*
- 4. Khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực;*
- 5. Khi thông báo về việc hủy bỏ đề nghị có hiệu lực;*
- 6. Theo thỏa thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời;*
- 7. Bên đề nghị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự;*
- 8. Đối tượng trong đề nghị giao kết hợp đồng không còn hay không thể thực hiện được;*
- 9. Nội dung của đề nghị giao kết vi phạm pháp luật”.*

Kết luận

Giao kết hợp đồng là một chế định quan trọng trong pháp luật Việt Nam nói riêng, pháp luật thế giới nói chung. Bộ luật Dân sự năm 2015 đã mang theo nhiều điểm tiến bộ đánh dấu bước tiến vượt bậc của nền lập pháp nước nhà và tiếp thu nhiều kinh nghiệm của pháp luật thế giới. Tuy nhiên, thực tiễn 10 năm áp dụng pháp luật đã bộc lộ ra một số điểm bất cập, hạn chế và thiếu sót dẫn đến khó khăn trong việc giải thích và áp dụng quy định về giao kết hợp đồng. Góp phần hoàn thiện hơn nữa pháp luật Việt Nam về vấn đề này, tác giả bài viết đã phân tích những mặt hạn chế còn tồn tại, trên tinh thần tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia phát triển đối với quy định về giao kết hợp đồng và căn cứ vào thực tiễn giao dịch tại Việt Nam để đưa ra các kiến nghị, đề xuất mang giá trị tham khảo.

Đ.T.K.C

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Luật Dân sự năm 2015.
2. Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế.
3. Bộ nguyên tắc của luật hợp đồng châu Âu PECL.
4. Tuyển tập về Luật Hợp đồng Hoa Kỳ.
5. Uniform Commercial Code (UCC).
6. Belgian Civil Code.
7. Bộ luật Dân sự Pháp bản dịch, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam.
8. Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật - lược khảo, Quyển II “Nghĩa vụ và khế ước”*, Phần thứ nhất: Nguồn gốc của nghĩa vụ, Nxb Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1963.
9. Nguyễn Văn Phái, *Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đề nghị giao kết hợp đồng trong bộ luật dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24/2010.
10. Nguyễn Thị Mai Hương, *So sánh chế định giao kết hợp đồng theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Hoa Kỳ*, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế - Trường Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
11. ThS Mai Thị Mai Hương - ThS Hoàng Thị Thanh Nguyệt, *Các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng nhìn từ góc độ luật học so sánh*, Tạp chí Công thương, số 10/2019.
12. ThS Nguyễn Thị Hạnh, *Sự phát triển của Bộ luật Dân sự Pháp và một số chế định pháp lý cơ bản trong Bộ luật Dân sự Pháp, kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1492>
13. Phạm Thị Mỹ Linh, *Giao kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017.
14. Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Thị Nga, *Trách nhiệm pháp lý tiền hợp đồng ở một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 11/2021.
15. Nguyễn Minh Tuấn, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2017.
16. Bùi Phương Linh, *Giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024.

HIỂU VÀ ÁP DỤNG ESG TRONG DOANH NGHIỆP MỘT CÁCH HIỆU QUẢ

TS. LS QUÁCH MINH TRÍ
HỒ THỊ CẨM NHUNG**

ESG và lược sử hình thành

ESG là từ viết tắt của environment (môi trường), social (xã hội) và governance (quản trị). Đây là một hệ thống các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị mà khi được áp dụng sẽ đưa doanh nghiệp vào khuôn khổ an toàn, hoạt động hiệu quả, hạn chế rủi ro, là thước đo để cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và bên liên quan khác của tổ chức, doanh nghiệp đánh giá tính bền vững, ổn định trong vận hành, hoạt động của chính tổ chức, doanh nghiệp. Kể từ khi hiện diện trên thị trường cho đến giai đoạn năm 2019, khái niệm ESG chưa thật sự phát triển và được quan tâm toàn diện ở tất cả các khía cạnh mà chỉ xuất hiện ở một trong các khía cạnh “E” hoặc “S” hoặc “G”, len lỏi trong các cuộc họp giữa các tổ chức quốc tế, tọa đàm, trao đổi song phương hoặc đa phương và được một số tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới đưa vào áp dụng¹.

ESG là một khái niệm chỉ mới ra đời cách đây 20 năm, khi năm 2004 Liên hợp quốc đưa vào báo cáo nghiên cứu và được công bố trên toàn thế giới “Who cares win” (tạm dịch “Ai quan tâm, người đó thắng”), nhưng nguyên tắc, tinh thần của ESG đã tồn tại ở cả thế kỷ trước đó. Dù lâu đời là vậy, nhưng ESG chỉ mới được phổ biến rộng rãi trong nền kinh tế quốc tế 05 năm trở lại đây. Từ khởi xướng và phát động, tuyên truyền của Liên hợp quốc cũng như nhận thấy được tầm



Hình minh họa.

quan trọng của ESG, các quốc gia, các tổ chức tài chính đã tích cực hưởng ứng nhằm đưa ESG vào áp dụng trong hoạt động kinh tế, vận hành tại tổ chức, doanh nghiệp.

Ví dụ, ở khía cạnh “G” - quản trị, năm 2006, Chính phủ Anh đã ban hành Đạo luật Công ty (Company Act) để luật hóa các tiêu chuẩn cơ bản cho việc điều hành, quản trị doanh nghiệp, tạo ra nền móng cơ bản cho việc quản trị doanh nghiệp đúng mực, minh bạch, bảo vệ lợi ích của các bên liên quan.

Song song đó, ở khía cạnh “E” - môi trường, thực tế đã được quan tâm từ sớm, các hội nghị, diễn đàn trên thế giới do các tổ chức đa quốc gia như Liên hợp quốc, Tổ

chức Kinh tế thế giới WTO... tổ chức nhằm lấy ý kiến của các quốc gia là thành viên, thống nhất đường lối, phương pháp, kế hoạch thực hiện và những nội dung được thống nhất đã được ghi nhận tại các văn kiện tài liệu quốc tế như Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu 1992, Nghị định thư Kyoto 1997 và Thỏa thuận Paris 2015.

Ở khía cạnh “S” - xã hội, các yếu tố của nội dung này đã được xuất hiện từ rất lâu vào khoảng thế kỷ 19, cùng lúc với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là các cuộc cải cách tiền lương, giảm giờ làm, an toàn vệ sinh lao động... hoặc thực hiện chống phân biệt chủng tộc, phân biệt giới tính...

* Công ty Luật TNHH Passio Lawyers.

** Luật sư tập sự, Trưởng Hợp đồng ngoại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.

¹ <https://www.thecorporategovernanceinstitute.com/insights/lexicon/what-is-the-history-of-esg/>

Hiện nay, ESG đã được chuẩn hóa và hệ thống thành bộ tiêu chuẩn chi tiết tương ứng, gồm 3 nhóm tiêu chuẩn tương ứng lần lượt với môi trường, xã hội, quản trị, cụ thể:

E - Environmental: Nhóm tiêu chuẩn liên quan đến các vấn đề về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, chủ yếu gồm: tác động từ biến đổi khí hậu và phát thải carbon; quản lý nước và chất thải gây ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học; khai thác nguyên liệu thô, khí thải độc hại và ô nhiễm và bao bì lãng phí...

S - Social: Nhóm tiêu chuẩn liên quan đến các vấn đề xã hội, chủ yếu như sự hài lòng của khách hàng, những vấn đề chung liên quan đến người lao động như tính đa dạng, công bằng và hòa nhập của người lao động, quyền riêng tư của người lao động, quan hệ cộng đồng, cải thiện bình đẳng về chủng tộc và giới tính, khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cung cấp giáo dục và nâng cao kỹ năng cho người lao động, cung cấp bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu cũng như khả năng tiếp cận nghề nghiệp/việc làm...

G - Governance: Nhóm tiêu chuẩn liên quan đến các hoạt động quản trị công ty, chủ yếu gồm: Bảo đảm tính phù hợp giữa khoảng cách lương giữa lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp và người lao động cấp dưới khác, bảo đảm tính phù hợp, tuân thủ trong việc quản trị, điều hành, các giao dịch phát sinh trong chính danh nghiệp, tuân thủ các thông lệ kinh doanh có đạo đức, tuân thủ pháp luật và quy định, minh bạch về thông lệ và kết quả kinh doanh, có lập trường công khai về các vấn đề, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ...

Thực tế, hệ thống tiêu chuẩn này chưa được luật hóa tại bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật tại bất cứ quốc gia nào thể hiện yêu cầu bắt buộc áp dụng, mà mang

yếu tố lựa chọn áp dụng. Hệ thống tiêu chuẩn này được xây dựng không dựa trên quy định pháp luật của một quốc gia cụ thể mà là sự tổng hợp, đúc kết dựa trên các quy định chung và khung trên thế giới, các thông lệ thị trường quốc tế tốt liên quan và các nghiên cứu thực tiễn có sự xem xét, đánh giá tỷ lệ, tỷ trọng, hiệu suất, chỉ số phù hợp chung. Nhìn chung, tác giả nhận thấy rằng mặc dù bộ tiêu chuẩn ESG được xây dựng với tiền đề là các quy định pháp luật cơ bản và các điều ước quốc tế, quy định khung của thế giới, nhưng lại chặt chẽ và chi tiết hơn rất nhiều đối với môi trường, xã hội (an sinh xã hội, lao động, cộng đồng,...) và quản trị (tiêu chí minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, giao dịch với người có liên quan).

Đến năm 2019-2020, sự kiện dịch bệnh Covid-19 hoành hành và đã để lại hậu quả khôn lường cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, dẫn đến việc đình trệ, tạm dừng hoạt động, nguy cơ phá sản, hoặc hiệu suất kinh doanh thấp, gây thua lỗ của số lượng lớn các công ty, doanh nghiệp, tạo hiệu ứng dây chuyền gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế toàn cầu. Từ đó, các tổ chức kinh tế, công ty, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là “doanh nghiệp”) đã tập trung hơn trong việc tìm kiếm các phương án để giữ tính ổn định, bền vững cho hoạt động kinh doanh của mình hoặc của các doanh nghiệp được góp vốn đầu tư. Bên cạnh việc tìm hiểu, xây dựng các phương án về rủi ro hoạt động và bảo đảm kinh doanh, hoạt động liên tục, ESG lại được chú trọng và có sự bùng nổ về tính phổ biến được nhắc đến với tần suất cao. Tại Việt Nam, ESG đã được một số doanh nghiệp lớn đưa vào triển khai, có thể kể đến như Tập đoàn Masan, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty cổ phần Hàng không Vietjet Air... là những

doanh nghiệp tiên phong đưa ESG vào vận hành và kinh doanh.

Áp dụng ESG trong hoạt động của doanh nghiệp như thế nào?

ESG là một hệ thống các tiêu chuẩn, là cơ sở để doanh nghiệp đánh giá, xem xét và điều chỉnh hoạt động vận hành, kinh doanh của mình theo hướng phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với tình trạng kinh tế, tài chính, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm hạn chế xuống mức thấp nhất các rủi ro có thể phát sinh gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị doanh nghiệp, đến hoạt động doanh nghiệp. Vì vậy, có thể nói ESG không chỉ được xem là một phương tiện để đánh giá và theo dõi hiệu suất của một tổ chức về các vấn đề bền vững và xã hội, mà còn là một cách để xây dựng niềm tin từ cổ đông, nhà đầu tư, và khách hàng.

Theo quan sát của tác giả, có 02 nguyên nhân chính dẫn đến việc một doanh nghiệp chấp nhận đưa ESG vào hệ thống hoạt động, kinh doanh của mình. Thứ nhất, doanh nghiệp nhận thấy rằng cần áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ESG để giữ tính bền vững, ổn định của doanh nghiệp, là nguyên nhân để dẫn đến niềm tin của khách hàng, đối tác, các cổ đông, nghĩa là các doanh nghiệp này chủ động thực hiện. Thứ hai, doanh nghiệp được các cổ đông hoặc nhà đầu tư hoặc bên cho vay/cấp tín dụng yêu cầu áp dụng ESG trong hoạt động của doanh nghiệp. Trường hợp này, doanh nghiệp không là bên chủ động thực hiện mà được đặt vào tình huống phải thực hiện để đạt được mục đích về vốn, về chỉ số tín tưởng của các nhà đầu tư, bên cho vay với doanh nghiệp...

Ví dụ, khi nhà đầu tư yêu cầu một doanh nghiệp hoạt động

trong lĩnh vực xây dựng để được góp vốn đầu tư phải thực hiện và báo cáo ESG theo bộ hướng dẫn tiêu chuẩn (guidelines) do Công ty Tài chính quốc tế IFC ban hành. Cụ thể, nếu doanh nghiệp thực hiện một dự án bất động sản xây dựng nhà ở có thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì doanh nghiệp sẽ phải thực hiện các kế hoạch đánh giá môi trường và xã hội theo hướng dẫn của IFC, đánh giá khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn hoạt động tiêu biểu của IFC (IFC Performance Standard Applicability - IFCPS²) trên tất cả các khía cạnh về môi trường (mức độ ảnh hưởng đến môi trường), xã hội (mối quan hệ lao động giữa doanh nghiệp với người lao động, giữa nhà thầu của doanh nghiệp với người lao động của họ có thực hiện/liên quan đến dự án, lao động trẻ em, phụ nữ...), quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, các chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và về quản trị doanh nghiệp (các cấp lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp tham gia/thông qua dự án...). Từ việc áp dụng ESG, nhà đầu tư nhận thấy rằng các rủi ro có thể xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động dự án sẽ được giảm thiểu đến mức thấp nhất và doanh nghiệp sẽ đạt được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của mình, là cơ sở để nhà đầu tư cân nhắc việc thực hiện đầu tư.

Hoặc một trường hợp khác, khi đầu tư vào một ngân hàng thương mại cổ phần lớn của Việt Nam có một vị lãnh đạo nữ nổi tiếng, nhà đầu tư nước ngoài đã yêu cầu một trong các tiêu chuẩn thuộc về “S”



Hình minh họa.

và “G” đó là phải đạt được tỷ lệ 30% ban điều hành, ban lãnh đạo của ngân hàng là nữ giới, để chứng minh rằng ngân hàng này không phân biệt giới tính và bảo đảm tỷ lệ công bằng trong việc ứng cử vào vị trí lãnh đạo giữa các giới tính.

Mặc dù vậy, việc áp dụng ESG vẫn còn khá nhiều hạn chế trong việc tiếp cận đến các doanh nghiệp - chủ thể chính đóng vai trò quan trọng để đạt được mục đích cho sự xuất hiện của ESG, vì chi phí quá tốn kém ở bước đầu và thời gian để đạt kết quả khá dài, dẫn đến các doanh nghiệp có nguồn vốn hạn chế sẽ không thể thực hiện ESG trong hoạt động kinh doanh.

Bởi vậy, trước khi áp dụng ESG, doanh nghiệp cần tìm hiểu, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, tổ chức tư vấn về ESG để lựa chọn bộ tiêu chuẩn phù hợp áp dụng cho hoạt động kinh doanh, vận hành của doanh nghiệp, đồng thời chuẩn bị một nguồn lực để có thể đưa ESG tích hợp vào việc vận hành, kinh doanh. Ngoài bộ tiêu chuẩn ESG của IFC, hiện trên thế giới cũng tồn tại khá nhiều hướng

dẫn thực hành và báo cáo ESG như AA1000 AS (AA1000 Assurance Standard) - Tiêu chuẩn bảo đảm AA1000, GRI (Global Reporting Initiative) - Sáng kiến báo cáo toàn cầu, SASB (SASB Standards) - Hội đồng chuẩn mực kế toán bền vững... là các bộ tiêu chuẩn tiêu biểu được thực hiện theo bởi nhiều doanh nghiệp lớn³.

Kết luận

ESG thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững là điều mà không ai có thể phủ nhận nhưng không đồng nghĩa với việc áp dụng ESG lúc nào cũng mang lại thành công cho doanh nghiệp. Do đó, trong vấn đề áp dụng ESG, doanh nghiệp cần phải có sự nghiên cứu, đánh giá và tham vấn chuyên gia để việc áp dụng phù hợp và đạt kết quả tốt. Bài viết mang đến một góc nhìn mang tính chia sẻ của tác giả đến các doanh nghiệp đang có kế hoạch dự kiến áp dụng ESG trong thời gian sắp tới.

Q.M.T- H.T. C.N

² <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/photos/2023/ifc-performance-standards-cg-methodology-sdg-mapping.jpg>

³ <https://tapchitaichinh.vn/tieu-chuan-moi-truong-xa-hoi-va-quan-tri-noi-ham-va-cac-huong-dan-thuc-hien.html>

HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ HIỆU QUẢ CHÍNH PHỦ MỸ VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA

LÊ NGUYỄN VIỆT HÙNG*

Bộ Hiệu quả chính phủ Mỹ

Ngày 20/01/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh hành pháp cho phép thành lập một nhóm cố vấn có tên gọi Bộ Hiệu quả chính phủ (DOGE) nhằm mục tiêu cắt giảm nhân sự và chi tiêu của Chính phủ bằng cách hiện đại hóa công nghệ và phần mềm liên bang, tối đa hóa hiệu quả và năng suất của Chính phủ. Sắc lệnh quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ, nội dung hoạt động của DOGE¹.

Mô hình tổ chức của DOGE được xây dựng trên cơ sở:

Thứ nhất, tổ chức lại và đổi tên Dịch vụ kỹ thuật số Hoa Kỳ². Dịch vụ kỹ thuật số Hoa Kỳ được đổi tên thành Dịch vụ DOGE Hoa Kỳ (USDS) và sẽ được thành lập tại Văn phòng Tổng thống.

Thứ hai, thành lập một Tổ chức tạm thời. Sẽ có một quản trị viên USDS được bổ nhiệm tại Văn phòng Tổng thống, người này sẽ báo cáo với Chánh văn phòng Nhà Trắng. Ngoài ra, sẽ có một tổ chức tạm thời được thành lập trong USDS, theo mục 3161 của tiêu đề 5, Bộ luật Hoa Kỳ³, được thành lập trong USDS, theo đó có một tổ chức tạm thời được gọi là “Tổ chức Tạm thời của Dịch vụ DOGE Hoa Kỳ”. Tổ chức này sẽ do quản trị viên USDS đứng đầu và sẽ dành

riêng để thúc đẩy chương trình nghị sự DOGE kéo dài 18 tháng của Tổng thống. Tổ chức Tạm thời của Dịch vụ DOGE Hoa Kỳ sẽ chấm dứt vào ngày 04/7/2026. Việc chấm dứt Tổ chức Tạm thời của Dịch vụ DOGE Hoa Kỳ sẽ không được hiểu là ngụ ý chấm dứt, làm suy yếu hoặc sửa đổi bất kỳ thẩm quyền hoặc điều khoản nào khác của pháp lệnh này⁴.

Thứ ba, các đội DOGE. Sau khi tham vấn với USDS, mỗi trường cơ quan⁵ sẽ thành lập trong các cơ quan tương ứng của mình một đội DOGE gồm ít nhất bốn nhân viên, có thể bao gồm các nhân viên chính phủ đặc biệt, được thuê hoặc phân công trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày ban hành sắc lệnh. Các trường cơ quan sẽ lựa chọn các thành viên đội DOGE sau khi tham vấn với quản trị viên USDS. Mỗi đội DOGE sẽ bao gồm một trưởng đội, một kỹ sư, một chuyên gia nhân sự và một luật sư. Trường cơ quan phải bảo đảm rằng các trưởng đội DOGE phối hợp công việc của họ với USDS và tư vấn cho trường cơ quan tương ứng của họ về việc thực hiện Chương trình nghị sự DOGE của Tổng thống.

Mặc dù có tên là Bộ (hoặc Ban) Hiệu quả chính phủ nhưng DOGE không phải là một bộ cấp Nội các,

mà là một tổ chức tạm thời dự kiến kết thúc vào ngày 04/7/2026, đích của nó là thực hiện Chương trình nghị sự của Tổng thống Donald Trump về cải cách bộ máy hành chính liên bang, cắt giảm chi tiêu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính phủ. Theo sắc lệnh thành lập, sẽ thực hiện *hiện đại hóa công nghệ và phần mềm liên bang để tối đa hóa hiệu quả và năng suất*. Quản trị viên USDS sẽ bắt đầu sáng kiến hiện đại hóa phần mềm để cải thiện chất lượng và hiệu quả của phần mềm, cơ sở hạ tầng mạng và hệ thống công nghệ thông tin (IT) trên toàn chính phủ; đồng thời làm việc với các trường cơ quan để thúc đẩy khả năng tương tác giữa các mạng và hệ thống cơ quan, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu và tạo điều kiện cho việc thu thập và đồng bộ hóa dữ liệu.

Trường cơ quan sẽ thực hiện mọi bước cần thiết, phối hợp với quản trị viên USDS ở mức độ tối đa phù hợp với luật pháp, để bảo đảm USDS có quyền truy cập đầy đủ và kịp thời vào tất cả các hồ sơ cơ quan, hệ thống phần mềm và hệ thống công nghệ thông tin.

Hoạt động của Bộ Hiệu quả chính phủ Mỹ

DOGE hoạt động như một tổ chức bên ngoài Chính phủ, không

* Tạp chí Luật sư Việt Nam

¹ <https://www.whitehouse.gov/presidential-actions/2025/01/establishing-and-implementing-the-presidents-department-of-government-efficiency/>

² Dịch vụ kỹ thuật số Hoa Kỳ, tiếng Anh là The United States Digital Service (USDS) là đơn vị công nghệ nằm trong Văn phòng Tổng thống Hoa Kỳ, được Tổng thống Barack Obama thành lập vào ngày 11/8/2014. Cơ quan này cung cấp dịch vụ tư vấn cho các cơ quan liên bang về công nghệ thông tin. Nhiệm vụ của cơ quan này là cải thiện và đơn giản hóa dịch vụ kỹ thuật số, cũng như cải thiện các trang web liên bang với sứ mệnh “cung cấp các dịch vụ Chính phủ tốt hơn cho người dân Mỹ thông qua công nghệ và sáng tạo”, https://en.wikipedia.org/wiki/United_States_Digital_Service, ngày 05/4/2025.

³ Tiêu đề 5 - Tổ chức chính phủ và nhân viên, Mục 3161 - Việc làm và bồi thường cho người lao động, <https://corpuslegalis.com/us/code/title5/employment-and-compensation-of-employees>

⁴ Tiêu đề 5 - Tổ chức chính phủ và nhân viên, Mục 3161 - Việc làm và bồi thường cho người lao động, <https://corpuslegalis.com/us/code/title5/employment-and-compensation-of-employees>

⁵ “Cơ quan” có nghĩa được quy định trong phần 551 của tiêu đề 5, Bộ luật Hoa Kỳ, theo đó không bao gồm: Quốc hội; các tòa án của Hoa Kỳ; chính quyền các vùng đất hoặc vùng lãnh thổ thuộc sở hữu của Hoa Kỳ; chính quyền quận Columbia của và một số đơn vị đặc thù khác. “Trường cơ quan” có nghĩa là viên chức cấp cao nhất của một cơ quan, chẳng hạn như thư ký, quản trị viên, chủ tịch hoặc giám đốc...

cần sự phê duyệt của Thượng viện để đi vào hoạt động. Cơ chế này cho phép DOGE có thể nhanh chóng thực hiện các cải cách mà không bị ràng buộc bởi các quy trình hành chính phức tạp. Cả DOGE và Tổng thống Donald Trump đều không có thẩm quyền theo hiến pháp để cắt giảm chi tiêu, nhưng họ có thể đưa ra các khuyến nghị cắt giảm cho Quốc hội, nơi nắm giữ quyền lực đối với ngân sách.

Nhân sự của DOGE

DOGE ban đầu dự kiến có hai lãnh đạo là tỷ phú Elon Musk và doanh nhân Vivek Ramaswamy, tuy nhiên ông Ramaswamy rời vị trí để tranh cử nhắm đến ghế thống đốc bang Ohio trong cuộc bầu cử tháng 11/2026.

Ngày 03/02/2025, Thư ký báo chí Nhà Trắng Karoline Leavitt thông báo chính thức tỷ phú Elon Musk là “viên chức chính phủ đặc biệt”, đây là vị trí quan chức cấp cao trong Chính phủ mà không cần Thượng viện phê chuẩn, giúp ông làm việc trong Chính phủ nhưng vẫn tránh một số quy định bắt lợi như không phải tuân thủ quy định về công khai tài chính và tránh được các nguy cơ xung đột về lợi ích. Thông thường, các nhân viên Chính phủ đặc biệt có thời hạn giữ chức vụ không quá 130 ngày, tuy nhiên Tổng thống Donald Trump thời điểm đó không nêu rõ thời hạn nào cho vị trí của ông Elon Musk, đồng thời mặc dù tỷ phú này không nhận lương Chính phủ nhưng vẫn sẽ toàn quyền thi hành nhiệm vụ đúng theo luật pháp.

Ngày 25/02/2025, bà Amy Gleason chính thức được bổ nhiệm làm Quyền quản trị viên

của DOGE. Bà Gleason có kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế và là người ủng hộ việc cải thiện công nghệ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là trong các lĩnh vực như hồ sơ y tế điện tử, giải pháp cho bệnh nhân và khả năng tương tác. Với quyết định này, Chính phủ của Tổng thống Donald Trump đã xác nhận người đứng đầu điều hành DOGE, tuy nhiên “Tổng thống đã giao nhiệm vụ giám sát DOGE cho ông Elon Musk. Có những quan chức chuyên nghiệp và những người được bổ nhiệm đang giúp điều hành DOGE hàng ngày” - theo thông tin của Thư ký báo chí Nhà Trắng Karoline Leavitt⁶. Như vậy, ông Elon Musk, nhân viên Chính phủ đặc biệt, sẽ đóng vai trò là gương mặt đại diện cho DOGE và không phải nhân viên toàn thời gian.

Đến nay, lượng nhân sự đã xác định làm việc cho DOGE là khoảng 100 người và dự kiến có thể lên tới 200 người⁷, phần nhiều là các kỹ sư trẻ tuổi đến từ thung lũng Silicon, làm việc cho các công ty của tỷ phú Elon Musk hay các công ty liên quan, những kỹ sư này được đánh giá là giỏi nhất thế giới về lĩnh vực của họ. Có thể kể đến 6 kỹ sư chủ chốt chỉ trên dưới 20 tuổi chưa từng có kinh nghiệm trong Chính phủ như Edward Coristine, Akash Bobba, Luke Farritor, Gautier Cole Killian, Gavin Kliger và Ethan Shaoiran.

Edward Coristine là sinh viên tại Đại học Northeastern ở Boston, Coristine có sự hiểu biết sâu sắc về công nghệ và mã hóa, đây cũng là yếu tố đóng vai trò quan trọng tại DOGE. Akash Bobba, cũng là một sinh viên trẻ nhưng có nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật đầu tư và phân tích dữ liệu, là chuyên gia trong việc hợp lý hóa các hoạt động của

Chính phủ. Ethan Shaoiran là lãnh đạo công ty khởi nghiệp về trí tuệ nhân tạo có nền tảng điện toán. Luke Farritor, mặc dù mới 23 tuổi nhưng là một chuyên gia trong lĩnh vực AI cùng với khả năng giải quyết các thách thức phức tạp, chịu áp lực cao và là một thành viên dày dạn kinh nghiệm. Gautier Cole Killian, tốt nghiệp Đại học McGill, đặc biệt mạnh về thuật toán và thị trường tài chính, hứa hẹn giúp tạo ra những thay đổi lớn trong cách quản lý quỹ của Chính phủ.

Gautier Cole Killian cùng với Bobba, Coristine, Farritor và Shaoiran được cấp email của Cơ quan Quản lý dịch vụ tổng hợp Mỹ (GSA)⁸ với quyền truy cập cấp A, tức làm ở tầng cao nhất và có quyền truy cập vào mọi hệ thống công nghệ thông tin.

Người còn lại trong những kỹ sư chủ chốt là Gavin Kliger, 25 tuổi và lớn tuổi nhất trong nhóm kỹ sư này, đóng vai trò đặc biệt tại DOGE với chức vụ cố vấn đặc biệt cho Quản trị viên.

Hoạt động của DOGE

Khi trở lại nắm quyền Tổng thống Mỹ lần thứ hai, một trong những vấn đề ông Donald Trump quan tâm nhất là cắt giảm chi tiêu và cải tổ bộ máy chính quyền liên bang. Theo số liệu chính thức công bố, nước Mỹ có khoản nợ công 36.000 tỷ USD và thâm hụt ngân sách 1.800 tỷ USD trong năm 2024. Thời điểm đó, tỷ phú Elon Musk tuyên bố sẽ cắt giảm ngân sách khoảng 2.000 tỷ USD/năm bằng cách truy vết gian lận và chống lãng phí trong Chính phủ, một con số đầy tham vọng nếu so sánh với tổng ngân sách liên bang cho năm tài chính 2024 ước tính 6.750 tỷ USD. Sau đó, ông hạ bớt kỳ vọng,

⁶ <https://nld.com.vn/nha-trang-tiet-lo-lanh-dao-thuc-su-cua-bo-hieu-qua-chinh-phu-my-19625022612095937.htm>

⁷ <https://vneconomy.vn/co-phieu-tesla-giam-khong-phanh-elon-musk-thua-nhan-kho-khan.htm>

⁸ GSA là một cơ quan độc lập của Chính phủ Hoa Kỳ được thành lập vào năm 1949 để giúp quản lý và hỗ trợ hoạt động cơ bản của các cơ quan liên bang. GSA cung cấp sản phẩm và thông tin liên lạc cho các văn phòng Chính phủ Hoa Kỳ, cung cấp phương tiện đi lại và không gian văn phòng cho nhân viên liên bang và phát triển các chính sách giảm thiểu chi phí trên toàn Chính phủ và các nhiệm vụ quản lý khác, https://en.m.wikipedia.org/wiki/General_Services_Administration

cam kết “tiết kiệm” 1.000 tỷ USD mỗi năm cho nước Mỹ.

Các khoản cắt giảm, tiết kiệm theo dự kiến sẽ dựa trên việc bán bớt tài sản nhà nước, hủy bỏ hoặc tái đàm phán một số hợp đồng, “khai tử” những thanh toán sai, hủy bỏ trợ cấp, tiết kiệm lãi suất, thay đổi hoạt động, tối giản quy định làm việc và cắt giảm lực lượng lao động.

Tháng 01/2025, một email đã được gửi đến 2,4 triệu người lao động trong khu vực công (không gồm quân nhân tại ngũ và nhân viên bưu điện), trong đó nêu hai lựa chọn: hoặc nghỉ việc và nhận lương đến hết tháng 9/2025 hoặc đối mặt nguy cơ bị sa thải trong những đợt cắt giảm nhân sự. Sau khi công đồng ký đóng vào ngày 12/02/2025, Thư ký báo chí Nhà Trắng Karoline Leavitt xác nhận khoảng 77.000 lao động tại các cơ quan liên bang đã đồng ý nghỉ việc nhận lương đến hết tháng 9/2025 nhằm tránh nguy cơ bị sa thải, chiếm 3% tổng số người lao động khu vực công của Mỹ, đồng thời cũng có hàng loạt email sa thải đã được gửi đến các cơ quan liên bang.

Bộ Giáo dục Mỹ, Cơ quan Quản lý doanh nghiệp nhỏ (SBA), Cục Bảo vệ tài chính người tiêu dùng và Cơ quan Quản lý dịch vụ công (GSA) nằm trong số những nơi có nhân viên bị nhận email sa thải. Tất cả nhân viên thử việc tại Văn phòng quản lý nhân sự (OPM), bộ phận nhân sự của Chính phủ Mỹ, cũng đã bị sa thải trong một thông báo chung ngày 13/02/2025. Cùng ngày, các quan chức của OPM cũng đã họp với các cơ quan Chính phủ khác và khuyên họ nên sa thải những nhân viên thử việc, trừ một số ngoại lệ linh hoạt.

Các thành viên DOGE đã đến ít nhất 16 cơ quan Chính phủ, nơi họ có thể truy cập vào các hệ thống máy tính có thông tin tài chính và

nhân sự nhạy cảm, đưa ra quyết định sa thải hay giữ lại người nào. Thậm chí, Đại sứ quán Mỹ tại nước ngoài cũng nằm trong tầm ngắm sa thải nhân viên.

DOGE cũng đang tìm cách giảm chi tiêu liên bang, lược bớt nhân sự thông qua chấm dứt hoạt động của các cơ quan Chính phủ như Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ (USAID), Cục Bảo vệ tài chính người tiêu dùng (CFPB). USAID có ngân sách thường niên 40 tỷ USD, đóng vai trò như công cụ chính của Mỹ để giải ngân viện trợ nhân đạo ở nước ngoài. Sự can thiệp của DOGE vào USAID khiến khoảng 7.000 nhân viên phải nghỉ việc không lương hoặc bị sa thải. Bộ Giáo dục Mỹ, hiện có khoảng 4.200 nhân sự và ngân sách thường niên năm 2024 khoảng 238 tỷ USD cũng là một trong những mục tiêu của DOGE.

Danh sách các cơ quan khác DOGE đang nhắm tới mục tiêu thu hẹp quy mô nhân sự, làm rõ gian lận, nâng hiệu quả hoạt động và chi tiêu còn có Cục Hàng không liên bang (FAA), hệ thống Medicare (Chương trình bảo hiểm y tế liên bang dành cho người từ 65 tuổi trở lên hoặc người dưới 65 tuổi mắc một số khuyết tật) và Medicaid (Chương trình bảo hiểm y tế cho người thu nhập thấp, nguồn lực hạn chế), Bộ Năng lượng Mỹ, Cơ quan Bảo vệ môi trường (EPA), Cơ quan Quản lý tình trạng khẩn cấp liên bang (FEMA), Bộ Cựu chiến binh Mỹ, Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh (CDC), Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA)⁹.

Về mặt con số, các thông tin về hoạt động cắt giảm, nâng cao hiệu quả hoạt động và chi tiêu được cập nhật liên tục trên website (doge.gov) của DOGE. Cuối tháng 3/2025, DOGE khẳng định cơ quan này đã cắt giảm khoảng 115 tỷ USD chi tiêu công chỉ trong thời

gian ngắn hoạt động (từ ngày 20/01/2025). Trong đó, các khoản bị cắt giảm lớn đến từ USAID và Bộ Giáo dục, và báo cáo cập nhật cũng cho thấy ngay cả Bộ Quốc phòng cũng gây lãng phí ngân sách.

Hoạt động mạnh mẽ của DEGO không chỉ thể hiện trên con số trị giá bằng đồng USD mà còn thể hiện trên số lượng nhân sự cắt giảm. Đơn cử tại Bộ Giáo dục Mỹ, dưới áp lực cắt giảm chi tiêu, khoảng 1.300 nhân viên được thông báo nghỉ việc ngày 11/3/2025 sau khi trước đó đã có khoảng 600 nhân sự đồng ý với đề xuất nghỉ việc tự nguyện để tiếp tục được hưởng các chế độ mà không đi làm cho tới hết tháng 9 năm nay. Các động thái này nhằm giảm số lượng nhân viên của Bộ Giáo dục từ khoảng 4.200 xuống còn một nửa. Nhưng chưa dừng lại ở đó, ngày 21/3/2025, Tổng thống Donald Trump đã ký sắc lệnh giải thể Bộ Giáo dục, mặc dù để đóng cửa hoàn toàn Bộ Giáo dục phải cần Quốc hội thông qua một đạo luật tức là cần đủ số phiếu ủng hộ từ cả hai viện Quốc hội nhưng điều này thể hiện được bước đi đầu tiên cần có trong quyết tâm của DEGO.

Tỷ phú Elon Musk khẳng định DOGE hoàn toàn có thể giúp tiết kiệm được 1.000 tỷ USD mục tiêu, giảm tổng mức chi tiêu liên bang hiện tại khoảng 7.000 tỷ USD xuống còn khoảng 6.000 tỷ USD. Tỷ phú Elon Musk cũng sẽ giới hạn công việc liên quan đến DOGE ở mức 130 ngày, điều đó có nghĩa mục tiêu sẽ hoàn thành sớm nhất là vào cuối tháng 5/2025.

Một số thách thức đặt ra

Việc quyết liệt cắt giảm nhân sự của chính quyền Tổng thống Donald Trump thông qua DOGE đã vấp phải hàng loạt những thách thức đến từ các công đoàn, cơ quan Chính phủ, giới nghiên cứu và các nghị sĩ đối lập. Trên

⁹ <https://cand.com.vn/Chuyen-de/doge-ti-phu-elon-musk-va-buc-tuong-sao-ke-re-doi-nuoc-my-i760471/>, ngày 05/4/2025.

thực tế có sự đồng thuận của lưỡng đảng (Cộng hòa và Dân chủ) về nhu cầu cải cách chính phủ nhưng những người chỉ trích đã phê phán cách tiếp cận mạnh mẽ, nhanh chóng tới mức cực đoan quá mức của tỷ phú Elon Musk.

Giới chuyên gia và phân tích thì bày tỏ hoài nghi về tính khả thi đối với kế hoạch đầy tham vọng của DOGE.

Bà Elaine Kamark, thành viên cấp cao về nghiên cứu quản trị tại Viện Brookings Hoa Kỳ, cho rằng việc cắt giảm chi tiêu liên bang là khả thi ở Mỹ. Lấy ví dụ cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton từng thực hiện chiến dịch cắt giảm chi tiêu vào những năm 1990. Tuy nhiên, bà nhận định, ý tưởng cắt giảm một khoản lớn như mong muốn của ông Musk là vô lý, bởi phần lớn ngân sách là các khoản bắt buộc phục vụ an sinh xã hội.

Bà Elaine Kamarck cũng là cựu quan chức trong chương trình cắt giảm chi tiêu của Chính phủ Mỹ vào những năm 90 của thế kỷ XX, đánh giá DOGE không có quyền lực thực sự để thực hiện các thay đổi lớn mà chỉ có thể cung cấp lời khuyên cho Nhà Trắng. DOGE nằm ngoài Quốc hội, mà Quốc hội là cơ quan kiểm soát chi tiêu của Chính phủ Mỹ, như vậy DOGE không có thực quyền và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm soát chi tiêu của Chính phủ cũng như giảm bớt thủ tục hành chính.

Việc cắt giảm ngân sách lên tới 2.000 tỷ USD (sau hạ xuống 1.000 tỷ USD) sẽ gặp phải nhiều khó khăn trong việc thuyết phục Quốc hội thông qua, đặc biệt là khi ngân sách chi tiêu tùy ý cho năm tài khóa 2024 dự kiến chỉ khoảng 1.900 tỷ USD. Các chương trình an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe, vốn là những lĩnh vực chi tiêu lớn nhất, cũng rất khó để điều chỉnh mà không cần thay đổi luật pháp.

DOGE có thể gặp phải sự phản đối rộng rãi trong khối 2 triệu nhân viên các cơ quan liên bang, đối tượng có nhiều khả năng bị mất việc bởi DOGE. Elon Musk đã cam kết rằng dù có cắt giảm biên chế, những người lao động bị ảnh hưởng có thể nhận được hỗ trợ tài chính tương đương mức lương trong 2 năm. Tuy nhiên, chỉ hỗ trợ bằng tiền rõ ràng là chưa đủ. Hơn nữa, việc cắt giảm lượng lớn nhân viên công vụ cũng gây ra lo ngại về sự gián đoạn dịch vụ công.

Mới đây, hàng trăm người tham gia cuộc biểu tình trước đại lý hãng Tesla ở thành phố New York vào ngày 01/3/2025 nhằm phản đối vai trò của tỷ phú Elon Musk trong các đợt cắt giảm nhân viên liên bang, cuộc biểu tình khiến 9 người tham gia bị cảnh sát bắt giữ. Các cuộc biểu tình khác trước đại lý giới thiệu sản phẩm của Tesla ở Jacksonville - Florida, Tucson - Arizona và các thành phố khác cũng đã diễn ra gây gián đoạn giao thông. Đây chỉ là một số trong làn sóng tuần hành biểu tình với khẩu hiệu "Tesla Takedown" (hạ bệ Tesla) diễn ra trên khắp nước Mỹ nhằm vào ông chủ Tesla, tỷ phú Elon Musk.

Trong nửa cuối tháng 3/2025, hàng chục các cuộc biểu tình ôn hòa cũng diễn ra nhưng ở một động thái khác, các vụ tấn công nhằm vào xe điện Tesla, cơ sở, đại lý và trạm sạc của hãng đang gia tăng nhanh chóng trên khắp nước Mỹ. Thương hiệu Tesla đã trở thành mục tiêu tấn công tại nhiều thành phố như Las Vegas, Kansas City, San Diego... của Mỹ. Phản ứng này khiến cổ phiếu Tesla tuần nào cũng giảm kể từ khi tỷ phú Elon Musk gia nhập DOGE. Đà giảm không phanh của cổ phiếu Tesla đã khiến Công ty này mất hơn 50% giá trị vốn hóa thị trường kể từ mức đỉnh ghi nhận

vào hôm 17/12/2024, tương đương giảm gần 800 tỷ USD. Tỷ phú Elon Musk đã thừa nhận gặp nhiều khó khăn khi điều hành các công ty của mình không chỉ Tesla như mạng xã hội X, SpaceX, Công ty công nghệ thần kinh Neuralink và Công ty xây dựng đường hầm The Boring Company.

Một bộ phận lãnh đạo Nội các cũng có phản ứng nhất định đối với DOGE và tỷ phú Elon Musk. Ngày 22/02/2025, tỷ phú Elon Musk đăng trên mạng xã hội X rằng, tất cả nhân viên liên bang sẽ nhận được email hỏi về công việc họ thực hiện vào tuần trước đó. Tỷ phú Musk đồng thời cảnh cáo rằng việc nhân viên liên bang không trả lời email trước thời hạn 23 giờ 59 phút đêm 24/02 (giờ địa phương) sẽ đồng nghĩa với việc họ từ chức. Vài giờ sau, các nhân viên liên bang đều nhận được email từ Văn phòng Quản lý nhân sự Mỹ (OPM) yêu cầu liệt kê chi tiết 5 điểm chính những công việc họ đã hoàn thành ở tuần trước đó. Tình thế này khiến hàng triệu nhân viên liên bang băn khoăn về thời điểm và hình thức để phản hồi email, kèm lo lắng liệu họ có thực sự mất việc hay không.

OPM là đơn vị quản lý hơn 1.000 tỷ USD liên quan đến chế độ hưu trí, y tế và bảo hiểm nhân thọ của hàng triệu nhân viên liên bang hiện tại và cựu nhân viên, cùng vợ/chồng của họ, và dữ liệu nhạy cảm về hàng triệu nhân viên Chính phủ. OPM đang nhận chỉ đạo bởi các quan chức và nhân vật được bổ nhiệm có liên hệ với nhóm của tỷ phú Musk.

Bộ Ngoại giao và Lầu Năm góc nằm trong số các cơ quan đã hướng dẫn nhân viên không trả lời email. Nhiều nơi như Viện Y tế quốc gia (NIH) và Bộ Tư pháp, lại vận động nhân viên chờ thêm hướng dẫn trước khi trả lời email.

Ông Kash Patel, Giám đốc Cục Điều tra liên bang (FBI), người trung thành tuyệt đối với Tổng thống Donald Trump, cũng đã chỉ thị cho nhân viên “vui lòng tạm dừng mọi phản hồi”. Còn Lãnh đạo Bộ An ninh Nội địa (DHS) cũng đã gửi email cho hơn 250.000 nhân viên thông báo rằng họ cần không phản hồi email của OPM.

Mặc dù không lâu trước hạn chót đặt ra, Elon Musk viết trên X rằng ông sẽ cho công chức liên bang “thêm cơ hội thứ hai” theo lệnh từ Tổng thống Donald Trump, song không ấn định thời hạn mới để hơn hai triệu người báo cáo kết quả công việc, nhưng diễn biến này cũng cho thấy sự phản ứng của quan chức lãnh đạo các cơ quan Nội các Chính phủ Mỹ với vị tỷ phú này.

Ông Elon Musk cũng đối mặt với các thách thức pháp lý liên quan đến nhiệm vụ của ông và DOGE. Hôm 13/02/2025, giới chức tư pháp tại 14 bang của Mỹ đã đệ đơn kiện, cáo buộc Tổng thống Mỹ Donald Trump bổ nhiệm bất hợp pháp ông Elon Musk và đã trao cho DOGE những quyền hạn không được Quốc hội cho phép. Theo đơn kiện, ngoài Tổng thống Mỹ, chưa có một cơ quan nào lại có quyền hành pháp lớn như DOGE và điều này trái ngược hoàn toàn với cấu trúc Hiến pháp Mỹ. Vào giữa tháng 3/2025, hai thẩm phán liên bang đã chặn lệnh sa thải nhân viên thử việc tại Bộ Nông nghiệp, Bộ Năng lượng và Bộ Cựu chiến binh Mỹ.

Các đối thủ chính trị của Tổng thống Donald Trump cũng công kích, tấn công vào Tổng thống và Elon Musk, rằng Elon Musk tham gia vào cơ cấu quyền lực có thể dẫn đến việc sử dụng quyền lực không đúng cách hoặc tạo ra những quyết định không hợp lý,

dựa trên cảm hứng cá nhân hơn là dựa trên dữ liệu và phân tích thực tế. Với mục tiêu minh bạch các chi tiêu của Chính phủ, DOGE cũng phải minh bạch hóa tối đa các hoạt động của nó. Tuy nhiên, các đối thủ của Tổng thống Donald Trump không tin tưởng điều đó, mà cho rằng cơ quan này chỉ là công cụ để Tổng thống và Elon Musk thực hiện các chính sách theo ý muốn riêng mà không phải chịu trách nhiệm trước người dân.

Không những chịu mọi thách thức từ người lao động, cơ quan Chính phủ, giới nghiên cứu, các nghị sỹ đối lập, DOGE còn chịu sự phản ứng đến từ chính nội bộ tổ chức. Khoảng 1/3 nhân sự lúc đó, 21 người, thuộc DOGE đã từ chức hôm 25/02/2025 để bày tỏ phản đối Elon Musk và công việc của cơ quan này, tuyên bố sẽ không thực hiện những yêu cầu gây nguy hiểm cho đất nước. Các nhân viên này đã làm việc cho USDS trước khi sáp nhập, đổi tên, họ cho rằng sẽ không tham gia vào nỗ lực làm tổn hại đến các hệ thống cốt lõi của Chính phủ, gây nguy hiểm cho dữ liệu nhạy cảm của người Mỹ hoặc phá hủy các dịch vụ công quan trọng.

Tương lai của DOGE

Bộ Hiệu quả chính phủ được thành lập để thực hiện mục tiêu cải cách bộ máy hành chính liên bang, cắt giảm chi tiêu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính phủ là cơ quan mới trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump, được trao quyền lực to lớn đối với bộ máy, thậm chí gây ra xung đột lợi ích, không chỉ định hình chính sách mà còn tham gia, can thiệp mạnh mẽ vào quyết định nhân sự, tài chính.

Phương pháp làm việc và quyền lực của DOGE đang là vấn đề gây tranh cãi và chịu nhiều thách thức từ nhiều phía. Ngay cả các nghị sỹ Cộng hòa ở lưỡng viện Quốc hội cũng ngày càng bất đồng với chính quyền Tổng thống Donald Trump về quyền lực và ảnh hưởng chưa từng có của DOGE.

Nhiều nghị sỹ Cộng hòa không đồng ý với phương pháp làm việc của viên chức chính phủ đặc biệt Elon Musk, một số nghị sỹ khác thì công khai lo ngại về quyền lực đang ngày càng được mở rộng của DOGE mà không chịu sự kiểm soát nào. Thậm chí trong nội bộ Chính phủ của Tổng thống Donald Trump đã có những bất đồng nảy sinh giữa các thành viên của Nội các với vị tỷ phú Elon Musk.

Mặc dù vậy, có cơ sở để tin tưởng rằng quyền lực của DOGE sẽ ngày càng được mở rộng và hành động sẽ ngày càng mạnh mẽ, quyết liệt hơn nhằm đạt được mục tiêu đặt ra khi nhắc lại diễn biến cuộc họp nội các đầu tiên nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump vào ngày 27/02/2025. Tại đây, các bộ trưởng ngồi im lặng tại bàn và lắng nghe một cách lịch sự khi Elon Musk xuất hiện, phát biểu về quy mô thâm hụt, đề nghị nhận được sự ủng hộ của các thành viên nội các. Sau đó, Tổng thống Donald Trump hỏi các bộ trưởng “Có ai không hài lòng với Elon không?”.

Đến cuối cuộc họp, thông điệp gửi đến các bộ trưởng rất rõ ràng: Yêu cầu từ Elon Musk, người tự coi mình là người thực thi cho Tổng thống Donald Trump, nên được coi là một mệnh lệnh từ Tổng thống, và mọi người nên hài lòng về điều đó!

L.N.V.H

THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI BÁO KHOA HỌC ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ LUẬT SƯ VIỆT NAM

I. Yêu cầu về nội dung

1. Đúng tôn chỉ, mục đích của Tạp chí Luật sư Việt Nam

Bài có nội dung nghiên cứu phục vụ công tác xây dựng, tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Bài có nội dung thông tin về các kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý trong và ngoài nước.

Nội dung bài viết phải bảo đảm tính khoa học, tính mới và đưa ra được các giải pháp hữu ích nhằm hoàn thiện pháp luật; trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp hành nghề luật sư, hoạt động tư pháp và thực thi pháp luật.

2. Không vi phạm các điều cấm của pháp luật

Bài viết có nội dung không vi phạm Luật Báo chí và những điều không được thông tin trên báo chí.

Bài gửi cho Tạp chí Luật sư Việt Nam phải là bài chưa đăng trên các báo, tạp chí khác. Tác giả là chủ sở hữu bài viết chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung khoa học, các thông tin, tư liệu, số liệu, biểu đồ, hình ảnh minh họa trong bài viết.

II. Yêu cầu về hình thức, thể thức kỹ thuật bài viết

II.1. Bài viết có đầy đủ, trung thực các thông tin: họ và tên, học hàm, học vị, chức danh khoa học, cơ quan/đơn vị/nơi làm việc (nếu có), hòm thư điện tử, điện thoại liên lạc và số tài khoản cá nhân của tác giả (đồng tác giả) để thuận tiện cho Tạp chí liên lạc, trao đổi thông tin.

II.2. Bài viết trình bày trên trang chuẩn A4, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 của hệ soạn thảo Winword; giãn dòng đơn, cách đoạn 6 pt; lề trên 2 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 3 cm; lề phải 1,5 cm. Số trang được đánh ở giữa, lề trên của trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang

khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang giấy. Độ dài bài viết tối thiểu 4 trang, tối đa 12 trang.

- Các cụm từ được sử dụng nhiều lần trong bài viết có thể viết tắt theo chữ cái in hoa, khi xuất hiện lần đầu được viết đầy đủ và liền đó đặt ký hiệu viết tắt trong ngoặc đơn. Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn bộ bài viết. Không viết tắt tiêu đề bài viết, tiêu đề các mục, tiểu mục, các cụm từ ít xuất hiện trong bài viết.

- Các thuật ngữ tiếng nước ngoài sử dụng cần trích dẫn nguyên văn, kèm theo phần dịch sang tiếng Việt (trừ trường hợp không có thuật ngữ được dịch tương ứng).

Tác giả gửi bài viết cho Ban biên tập bao gồm 1 bản điện tử (bắt buộc) và 1 bản in (nếu có). Bài báo phải kèm theo các thông tin:

Tóm tắt bài báo/summary/abstract (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), dài không quá 250 từ;

Từ khóa của bài báo/keywords dài ít nhất 3 từ, nhiều nhất 6 từ, theo thứ tự alphabet;

Tài liệu tham khảo/references.

II.3. Tài liệu tham khảo, trích dẫn được sử dụng trong bài phải đảm bảo tin cậy, khoa học, chính xác. Tác giả bài viết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trích dẫn, chú thích nguồn tài liệu tham khảo. Phần tài liệu tham khảo viết bằng ngôn ngữ của nước xuất bản tài liệu đó; không quá 10 tài liệu trong một bài viết và được trình bày như sau:

Xếp theo từng ngôn ngữ, tiếng Việt đầu tiên, rồi đến các ngôn ngữ khác (Anh, Nga,...).

- Xếp tài liệu tham khảo theo thứ tự ABC: Tác giả người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ; tác giả người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên; Tài liệu không có tác giả, coi tên cơ quan ban hành như

tác giả và xếp theo chữ đầu của cơ quan đó (VD: Đảng Cộng sản Việt Nam xếp theo chữ Đ).

- Đối với tài liệu là bài viết, ghi rõ nguồn tài liệu theo thứ tự: Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí, số xuất bản, năm xuất bản, số trang tạp chí được trích dẫn (VD: Đỗ Xuân Lâm, *Thực tiễn thực hiện luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 11/2020, tr. 32).

- Đối với tài liệu là sách, ghi rõ nguồn tài liệu theo thứ tự: Tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, số trang sách được trích dẫn (VD: Võ Khánh Vinh, *Luật so sánh*, Nxb Khoa học xã hội, 2015).

- Đối với tài liệu trên website, ghi rõ nguồn tài liệu theo thứ tự: Tên tác giả, tên bài viết, địa chỉ truy cập, ngày/tháng/năm truy cập (VD: Châu Huy Quang, *Luật sư Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, <https://lsvn.vn/luat-su-viet-nam-trong-boi-canhh-hoi-nhap-quoc-te1640256386.html>, truy cập ngày 20/01/2022).

Tác giả có bài viết đăng trên Tạp chí Luật sư Việt Nam được trả nhuận bút theo quy định, được biểu một cuốn Tạp chí có bài viết. Trong trường hợp bài viết được đăng trên Tạp chí Luật sư Việt Nam, Tạp chí Luật sư Việt Nam có toàn quyền sử dụng bài viết dưới mọi hình thức.

Địa chỉ tiếp nhận bài viết: tapchiluatsu.in@gmail.com; Điện thoại: 0915385150. Ban Biên tập Tạp chí Luật sư Việt Nam, tầng 1 Tòa nhà CT13B, KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, Hà Nội.

TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

TẠP CHÍ KHOA HỌC

ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM NĂM 2023 THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 22/QĐ-HĐGSNN NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 2023
CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC



TẠP CHÍ
LUẬT SƯ VIỆT NAM
VIETNAM LAWYER JOURNAL
CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Giấy phép xuất bản số 366/GP-BTTTT do Bộ TT&TT cấp ngày 21/8/2020; sửa đổi, bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

Tổng Biên tập: ThS Đặng Ngọc Luyện

Tòa soạn: Tầng 1, Tòa nhà CT13B KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com. Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

VPDD tại TP. Hồ Chí Minh: 280F1 Lương Định Của, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0938639099
VPDD tại Cần Thơ: 284 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 5, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0913618808
VPDD tại khu vực Bắc Trung bộ: 68B, đường Trương Văn Lĩnh, TP. Vinh tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 0913028862